

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THIẾT KẾ MỘT SỐ
TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM
PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ
MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI**

GVHD:	Th.S HOÀNG THỊ PHƯƠNG
SVTH:	PHẠM THỤY KIM CHÂU
MSSV:	K35.902.009
LỚP:	4A – KHÓA 35

TP. HỒ CHÍ MINH, 05 / 2013



LỜI TRI ÂN

Để có thể hoàn thành tốt luận văn này, em xin gửi lời tri ân đến quý thầy cô khoa Giáo dục Mầm Non trường Đại học Sư Phạm TP.HCM đã giảng dạy và hỗ trợ rất nhiệt tình trong suốt chặng đường bốn năm đại học mà em đã đi qua. Bên cạnh đó, em luôn biết ơn gia đình, những người luôn ủng hộ và tạo điều kiện cho em được ăn học nên người. Và bạn bè xung quanh luôn ở bên động viên, ủng hộ em hết mình.

Hơn hết, em xin gửi lời tri ân sâu sắc đến cô Hoàng Thị Phương, trong suốt thời gian qua cô đã luôn nhắc nhở và quan tâm đến em, cô luôn hỏi thăm và hướng dẫn bài luận văn rất nhiệt tình để em có thành quả như ngày hôm nay. Cảm ơn những kiến thức mà cô đã tận tình truyền đạt cho em. Đây cũng sẽ là hành trang quý báu cho em sau này trên bước đường tương lai, sự nghiệp.

Và em xin gửi lời tri ân đến Ban giám hiệu và giáo viên đứng lớp ở các trường mầm non đã hỗ trợ rất nhiệt tình để em có thể hoàn thành tốt luận văn này:

Trường Mầm non Quận – Quận Tân Bình.

Trường Mầm non Tư thực Hươu Cao Cổ - Quận 6.

Bài khóa luận của em tuy đã hoàn thành nhưng không tránh khỏi sự thiếu sót. Kính mong quý thầy cô xem xét và đóng góp ý kiến để em có được một bài khóa luận hoàn chỉnh hơn.

Sinh viên thực hiện

Phạm Thụy Kim Châu



MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG TRONG LUẬN VĂN	7
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN VĂN	8
PHẦN MỞ ĐẦU	9
PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	13
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THIẾT KẾ MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	13
1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ.....	13
1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGÔN NGỮ.....	14
1.2.1. KHÁI NIỆM VỀ NGÔN NGỮ.....	14
1.2.2. QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY	16
1.2.3. VAI TRÒ CỦA NGÔN NGỮ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ	18
1.2.3.1. Ngôn ngữ là phương tiện hình thành và phát triển nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh	18
1.2.3.2. Ngôn ngữ là phương tiện phát triển tình cảm, đạo đức, thẩm mỹ.....	19
1.2.3.3. Ngôn ngữ là công cụ giúp trẻ hòa nhập với cộng đồng và trở thành thành viên của cộng đồng	19
1.2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ	20
1.2.4.1. Yếu tố sinh lý	20
1.2.4.2. Yếu tố bệnh lý	20
1.2.4.3. Yếu tố giáo dục	21
1.2.5. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ 4 – 5 TUỔI.....	21
1.2.5.1. Về đặc điểm phát âm.....	21
1.2.5.2. Về đặc điểm vốn từ	21
1.2.5.3. Về đặc điểm ngữ pháp.....	22
1.3. PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	22
1.3.1. Từ.....	22

1.3.2.	VỐN Từ.....	23
1.3.3.	Từ LOẠI.....	24
1.3.4.	PHÁT TRIỂN VỐN Từ	24
1.3.5.	NỘI DUNG PHÁT TRIỂN VỐN Từ	25
1.3.5.1.	Những từ ngữ về cuộc sống riêng	25
1.3.5.2.	Những từ ngữ về cuộc sống xã hội.....	26
1.3.5.3.	Những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên	27
1.4.	GIÁO DỤC TÍCH HỢP ở BẬC HỌC MẦM NON	27
1.5.	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI VÀ TRÒ CHƠI HỌC TẬP ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI	29
1.5.2.	KHÁI NIỆM HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI VÀ TRÒ CHƠI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	29
1.5.2.	TRÒ CHƠI HỌC TẬP	31
1.5.3.	Ý NGHĨA CỦA TRÒ CHƠI HỌC TẬP ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	34
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	36
	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC THIẾT KẾ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	37
2.1.	KHÁI QUÁT KHẢO SÁT THỰC TRẠNG	37
2.1.1.	MỤC ĐÍCH KHẢO SÁT	37
2.1.2.	ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT	37
2.1.3.	ĐỊA BÀN KHẢO SÁT	37
2.1.4.	NỘI DUNG KHẢO SÁT	37
2.1.5.	PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT	37
2.2.	PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG	38
2.2.1.	THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA GIÁO VIÊN VỀ VIỆC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	38

2.2.2. THỰC TRẠNG GIÁO ÁN TÍCH HỢP NỘI DUNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ ở TRƯỜNG MẦM NON	45
2.2.3. THỰC TRẠNG VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ ở TRƯỜNG MẦM NON	46
2.2.4. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI	47
2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá và cách đánh giá	48
2.2.4.2. Mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi	49
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	52
CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ VÀ THỬ NGHIỆM MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.....	53
3.1. NGUYÊN TẮC KHI THIẾT KẾ TRÒ CHƠI HỌC TẬP CHO TRẺ.....	53
3.2. TRÒ CHƠI HỌC TẬP BẰNG LỜI	53
3.2.1. TRÒ CHƠI: ĐOÁN RA CHƯA NÀO?	53
3.2.2. TRÒ CHƠI: BÙ VÀO CHỖ THIẾU	54
3.2.3. TRÒ CHƠI: ĐÓ BẠN, MÌNH ĐANG LÀM GÌ?	55
3.2.4. TRÒ CHƠI: VÒNG XOAY THẦN TỐC	56
3.2.5. TRÒ CHƠI: MÙA NẮNG, MÙA MƯA	57
3.2.6. TRÒ CHƠI: ĐOÁN TÊN, TÌM HỌ HÀNG	58
3.2.7. TRÒ CHƠI: BÉ THÍCH MÀU QUẢ NÀO?	59
3.2.8. TRÒ CHƠI: ở ĐÂU, BẠN CÓ NHỚ KHÔNG?	59
3.2.9. TRÒ CHƠI: ƯỚC MƠ CỦA BÉ	60
3.2.10. TRÒ CHƠI: NHANH TAY, LỆ MÁT	61
3.2.11. TRÒ CHƠI: NGƯỜI BÍ ẨN.....	62
3.2.12. TRÒ CHƠI: EM TẬP LÁI Ô TÔ.....	63
3.2.13. TRÒ CHƠI: TÔI MUỐN, TÔI MUỐN.....	64
3.2.14. TRÒ CHƠI: HIỂU Ý ĐỒNG ĐỘI.....	65
3.2.15. TRÒ CHƠI: NHỚ VỀ BÁC.....	66

3.3. TRÒ CHƠI HỌC TẬP KẾT HỢP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....	67
3.3.1. TRÒ CHƠI: SẮC MÀU LUNG LINH	67
3.3.2. TRÒ CHƠI: BÉ TẬP TRANG TRÍ NHÀ	67
3.3.3. TRÒ CHƠI: ĐÂU LÀ ĐÚNG, ĐÂU LÀ SAI?	68
3.3.4. TRÒ CHƠI: BÉ LÀM VIỆC TỐT.....	69
3.3.5. TRÒ CHƠI: HEO CON DỪNG CẢM	70
3.3.6. TRÒ CHƠI: GỌI LÀ GÌ NHÌ?.....	71
3.3.7. TRÒ CHƠI: NÀO TA CÙNG CHƠI	72
3.3.8. TRÒ CHƠI: NHÀ KHOA HỌC NHÍ.....	73
3.3.9. TRÒ CHƠI: RUNG CHUÔNG LÀ... CÓ KẼO	73
3.3.10. TRÒ CHƠI: THƯ TÀI ĐÀU BẾP NHÍ	74
3.3.11. TRÒ CHƠI: VÌ SAO BẠN BIẾT?	75
3.3.12. TRÒ CHƠI: TÔI LÀ AI?.....	75
3.3.13. TRÒ CHƠI: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG	76
3.4. THỬ NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM.....	77
3.4.1. MỤC ĐÍCH THỬ NGHIỆM.....	77
3.4.2. ĐỊA ĐIỂM THỬ NGHIỆM	77
3.4.3. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	77
3.4.4. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ THỬ NGHIỆM	77
3.4.5. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM.....	77
3.4.5.1. Kết quả thử nghiệm ở trẻ.....	78
3.4.5.2. Ý kiến đóng góp của giáo viên đứng lớp	81
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ SỬ DỤNG	83
1. KẾT LUẬN	83
2. KIẾN NGHỊ	84
PHỤ LỤC 1.....	86
PHỤ LỤC 2.....	88

PHỤ LỤC 3	90
PHỤ LỤC 4	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

DANH MỤC CÁC BẢNG TRONG LUẬN VĂN

STT	TÊN CÁC BẢNG	TRANG
1	Bảng 2.1. Khảo sát mức độ nhận thức của giáo viên về việc thiết kế trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ.	39
2	Bảng 2.2. Khảo sát mức độ xuất hiện của trò chơi phát triển vốn từ khi giáo viên tổ chức.	39
3	Bảng 2.3. Khảo sát mức độ trẻ hứng thú khi tham gia trò chơi phát triển vốn từ.	41
4	Bảng 2.4. Khảo sát mức độ thay đổi trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ.	42
5	Bảng 2.5. Khảo sát về mặt khó khăn của giáo viên khi thiết kế một trò chơi mới cho trẻ.	42
6	Bảng 2.6. Bảng khảo sát về các hình thức trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi mà giáo viên đã từng sử dụng.	43
7	Bảng 2.7. Tổng hợp và đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở hai trường.	49
8	Bảng 3.1. Kết quả đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ sau khi thử nghiệm trò chơi.	80

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN VĂN

STT	TÊN CÁC BIỂU ĐỒ	TRANG
1	Biểu đồ 1: Thể hiện mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở hai trường khảo sát thực trạng.	50
2	Biểu đồ 2: Thể hiện mức độ tổng quát phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở cả hai trường.	51
3	Biểu đồ 3: Thể hiện mức độ phát triển vốn từ của trẻ sau khi thử nghiệm trò chơi.	81

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền tảng ban đầu cho việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ trên con đường học hành cũng như trong cuộc sống. Trẻ em lứa tuổi mầm non là một thế hệ tương lai của đất nước, do đó việc phát triển cho trẻ về mọi mặt là một yếu tố hàng đầu của xã hội. Theo chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam, phát triển cho trẻ là phát triển ở tất cả năm mặt: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và thẩm mỹ. Và trong đó lĩnh vực phát triển ngôn ngữ là một trong những mục tiêu quan trọng của ngành giáo dục mầm non. Ngôn ngữ chính là phương tiện cơ bản để giao tiếp giữa con người với nhau và là phương tiện để nhận thức thế giới khách quan. Đồng thời, ngôn ngữ cũng giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển tâm lý của trẻ. Nó còn là phương tiện hình thành và phát triển nhận thức, tình cảm, đạo đức, thẩm mỹ của trẻ về thế giới xung quanh. Các nhà khoa học đã nghiên cứu được rằng trẻ em lứa tuổi mầm non là thời kì phát triển mạnh mẽ nhất về ngôn ngữ. Khi trẻ biết nói và hiểu lời nói của người lớn sẽ giúp trẻ dễ dàng giao tiếp và tích cực giao tiếp với người lớn hơn nữa. Và một trong những nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ cần được chúng ta chú trọng đó là phát triển vốn từ.

Việc có được một vốn từ phong phú sẽ giúp ích cho trẻ rất nhiều. Vì trẻ luôn tự nắm bắt những gì mà trẻ nghe được từ mọi người xung quanh trong môi trường sống trực tiếp của trẻ. Các nhà nghiên cứu đã gợi ý ra rằng từ vựng là một yếu tố cực kì quan trọng trong sự phát triển của trẻ đặc biệt là ở kỹ năng nói. Khi trẻ có một vốn từ vựng phong phú thì trẻ sẽ nói tốt hơn và có khuynh hướng học tốt hơn so với những đứa trẻ cùng lứa có vốn từ hạn hẹp. Và với vốn từ phong phú luôn có sẵn trong đầu, trẻ sẽ có thể tự bày tỏ cảm xúc, cảm nghĩ của bản thân với nhiều người một cách có hiệu quả, qua đó nâng cao khả năng giao tiếp xã hội của trẻ.

Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo. Theo nhà tâm lý học G. Piaget trò chơi là một trong những hoạt động trí tuệ, là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ, tạo ra sự thích nghi của trẻ với môi trường. Có thể

nói, khi trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trẻ thực sự là một chủ thể hoạt động tích cực (trẻ đi lại, trao đổi, nói năng một cách tự do, trẻ tự giải quyết vấn đề...). Vì thế, hoạt động vui chơi có ảnh hưởng lớn đến các mặt phát triển của trẻ. Trò chơi sẽ là một phương tiện giáo dục toàn diện cho trẻ. Trong đó, trò chơi học tập là một trò chơi được các giáo viên mầm non sử dụng khá nhiều trong quá trình dạy học cho trẻ. Khi tham gia vào trò chơi học tập trẻ sẽ lĩnh hội được ở cả hai mặt: vui chơi và nhận thức. Trẻ sẽ vừa được vui chơi, vừa được lĩnh hội những kiến thức có trong trò chơi mà không cảm thấy bị căng thẳng hay gò bó. Chính vì vậy mà trò chơi học tập được sử dụng vừa là phương pháp dạy học vừa là hình thức tổ chức dạy học cho trẻ mẫu giáo với phương châm “học mà chơi, chơi mà học”.

Hiện nay ở các trường mầm non, việc sử dụng trò chơi vào hình thức dạy học rất phổ biến. Tuy nhiên, thường thì các trò chơi sẽ được phục vụ cho các hoạt động học như hoạt động làm quen môi trường xung quanh, hoạt động làm quen với các biểu tượng toán, hoạt động tạo hình... Còn ở hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, việc sử dụng trò chơi học tập vẫn phổ biến nhưng không được giáo viên chú trọng vào các hoạt động học. Và trò chơi học tập kích thích sự phát triển vốn từ ở trẻ cũng vậy, nó còn khá ít, thường thì công việc phát triển vốn từ chỉ được thực hiện khi cô trao đổi với trẻ về một điều gì đó, hoặc thông qua những cuộc đối thoại giữa trẻ với người lớn. Giáo viên sẽ ít khi nào để ý đến việc trẻ phát ra âm thanh của từ và hiểu ý nghĩa của từ đó có đúng hay không. Trong khi đối với trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo, công việc phát triển vốn từ là một điều hết sức quan trọng và đáng được quan tâm ở các trường mầm non.

Từ những lý do kể trên, chúng tôi quyết định chọn nghiên cứu đề tài: **“Thiết kế một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi”** nhằm giúp giáo viên có thêm nhiều trò chơi học tập phù hợp để phát triển vốn từ cho trẻ.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu và thiết kế một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Khách thể nghiên cứu: Trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi (trẻ khối lớp Chồi).

4. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng và tổ chức thử nghiệm ở trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Quá trình thử nghiệm được tiến hành ở một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giả thuyết khoa học

Nếu thiết kế được một số trò chơi học tập hợp lý thì sẽ đạt được hiệu quả cao trong việc phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc thiết kế một số trò chơi nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Nghiên cứu thực trạng của việc thiết kế một số trò chơi nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Thiết kế và tổ chức thử nghiệm các trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

7. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý luận: Thu thập, đọc và tổng hợp các tài liệu lý luận có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp quan sát.

Phương pháp đàm thoại.

Phương pháp sử dụng phiếu điều tra.

Phương pháp thử nghiệm.

Phương pháp thống kê toán học.

8. Đóng góp của đề tài

Đánh giá thực trạng sử dụng trò chơi học tập để phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Thiết kế một số trò chơi học tập để phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

9. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung luận văn gồm có ba chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về việc thiết kế một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Chương 2: Thực trạng việc thiết kế một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

Chương 3: Thiết kế và thử nghiệm một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THIẾT KẾ MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI.

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Ngôn ngữ là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của loài người nói chung và của trẻ em nói riêng. Ngôn ngữ giúp cho trẻ giao tiếp với bạn bè, người lớn, giúp cho trẻ hoạt động một cách tích cực cùng với mọi người xung quanh, nhờ có ngôn ngữ mà trẻ có thể cho người khác biết là mình muốn gì và sẽ làm gì, nó góp phần cho các quá trình tâm lý và tư duy của trẻ trở nên phát triển hơn. Có thể nói ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của trẻ mẫu giáo. Do đó, trên thế giới đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu về ngôn ngữ và sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, tuy nhiên mỗi tác giả sẽ nghiên cứu chuyên sâu ở một lĩnh vực khác nhau. Nhưng có thể nói rằng khi nghiên cứu về ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo, các tác giả đều nghiên cứu đến đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ, các hình thức phát triển ngôn ngữ và các phương pháp, biện pháp giúp ngôn ngữ phát triển.

Các nhà tâm lý học đã nghiên cứu được rằng, ngôn ngữ có quan hệ với các quá trình tâm lý của trẻ: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Quan trọng hơn hết, có thể nhắc đến là quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, nhà tâm lý học học L.X.Vurgôtxki cũng đã nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực này^[8]. Ông cho rằng bản chất xã hội của các chức năng cao cấp của nguyên nhân phát triển lời nói và việc trẻ học ngôn ngữ là do sự tác động qua lại giữa sự chín muồi bản thân với những kích thích trải nghiệm xã hội. Quan điểm này nhấn mạnh đến sự trải nghiệm là yếu tố vô cùng quan trọng trong sự hình thành và phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Triết học Mác – Lênin^[2] cũng đưa ra luận điểm về ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong việc xác định hệ thống các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trẻ em mầm non lĩnh hội ngôn ngữ bằng cách bắt chước trong quá trình giao tiếp. Nhưng để giao tiếp tốt, trước hết vốn từ của trẻ cần phải hoàn chỉnh và mở rộng hơn nữa.

Trong tác phẩm “Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo” của tác giả Nguyễn Xuân Khoa cũng đã đề cập đầy đủ các mặt phát triển của ngôn ngữ, đồng thời tác giả cũng đưa ra được các phương pháp và biện pháp hướng dẫn cụ thể: dạy trẻ nghe và phát âm đúng, phương pháp phát triển từ ngữ, phương pháp dạy trẻ đặt câu, phương pháp phát triển lời nói mạch lạc, cho trẻ làm quen tác phẩm văn chương, chuẩn bị cho trẻ học đọc học, viết...

Tác giả Nguyễn Thị Phương Nga với công trình nghiên cứu “Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non” cũng đã đưa ra các mặt phát triển của ngôn ngữ như của tác giả Nguyễn Xuân Khoa, nhưng được bổ sung nhiều tài liệu và hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực phát triển vốn từ cho trẻ. Trong tài liệu nghiên cứu đã xác định các nhiệm vụ cần phát triển: dạy trẻ nghe và phát âm đúng, phương pháp phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, dạy trẻ nói mạch lạc, chuẩn bị cho trẻ học ngôn ngữ viết... Ở lĩnh vực phát triển vốn từ, tác giả đã đề cập đến nội dung phát triển vốn từ ở một khía cạnh khác với Nguyễn Xuân Khoa, tác giả đã dựa trên cách nghiên cứu của một tác giả người nước ngoài V.I.Lôginôva và tác giả đã đưa ra nguyên tắc khi dạy vốn từ cho trẻ: từ dễ đến khó, từ gần đến xa, từ việc dạy trẻ biết sử dụng từ đúng đến biết dùng từ mang tính biểu cảm.

Chúng ta có thể thấy rằng việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một yếu tố rất cần thiết, sự phát triển ngôn ngữ kịp thời và toàn diện sẽ hỗ trợ rất nhiều cho trẻ sau này. Trẻ giao tiếp tốt với mọi người, ngôn ngữ của trẻ cũng sẽ phát triển. Tuy nhiên, để giao tiếp tốt, trước tiên vốn từ của trẻ phải nhiều và trẻ thể hiện tốt vốn từ đó qua việc nghe và nói. Trong luận văn này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thiết kế một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ với hi vọng sẽ góp phần nhỏ vào việc phát triển ngôn ngữ, đồng thời tạo điều kiện để trẻ có thể vừa chơi vừa học.

1.2. Một số vấn đề lý luận về ngôn ngữ

1.2.1. Khái niệm về ngôn ngữ

Ngôn ngữ chỉ sinh ra và phát triển trong xã hội loài người, có ngôn ngữ và khả năng sử dụng ngôn ngữ là đặc trưng quan trọng để phân biệt con người và động vật. Nó là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của các thành viên trong xã hội loài người, nhờ có ngôn ngữ con người có thể trao đổi cho nhau những hiểu biết và truyền cho

nhau những kinh nghiệm. Trong giao tiếp, người nói và người nghe hiểu nhau được là bởi vì giữa họ đã có một cái chung. Cái chung đó bao gồm các từ, các âm thanh, các mô hình tạo câu, các thành phần của câu, các quy tắc hoạt động, sử dụng, các quy tắc biến đổi... Cái chung đó chính là ngôn ngữ.

Ngôn ngữ mang tính xã hội, ngôn ngữ không chỉ tồn tại cho riêng một cá nhân một người nào mà cho cả cộng đồng. Ngôn ngữ chính là phương tiện giao tiếp và là công cụ tư duy của con người. Dưới góc độ xã hội học, ngôn ngữ còn là một hiện tượng xã hội đặc biệt bởi nó không phụ thuộc vào kiến trúc thượng tầng nào cho nên khi cơ sở hạ tầng nào đó bị phá vỡ kéo theo sự sụp đổ của kiến trúc thượng tầng tương ứng nhưng ngôn ngữ vẫn là nó. Mặt khác, ngôn ngữ không mang tính giai cấp, nó ứng xử bình đẳng với mọi người trong xã hội. Ngôn ngữ giúp cho con người giao tiếp trong mọi hoạt động, giúp con người biểu lộ cảm xúc, bày tỏ những nguyện vọng của mình với người đối diện. Các nhà tâm lý học cũng đã cho rằng ngôn ngữ là một quá trình tâm lý, “Ngôn ngữ là con người sử dụng thực tiễn tiếng nói để giao tiếp với người khác”, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp giữa các thành viên trong cùng một thế hệ, cùng sống một thời kì, mà còn là phương tiện giao tiếp giữa các thế hệ, là phương tiện để con người truyền đi những thông điệp cho các thế hệ tương lai. Do đó, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với xã hội của loài người.

Dưới góc độ của các nhà sinh lý học, ngôn ngữ là tín hiệu của hệ thống tín hiệu thứ hai, hệ thống các đường liên hệ tạm thời, là cơ sở cho tư duy trừu tượng (Theo thuyết phản xạ của Paplốp). Còn đối với các nhà ngôn ngữ học, ngôn ngữ là một hệ thống bao gồm các bộ phận: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

V.Lênin cũng đã viết: “Con người muốn tồn tại thì phải gắn bó với cộng đồng. Giao tiếp là một đặc trưng quan trọng của con người. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất”. Ngôn ngữ còn giúp cho con người tích lũy kiến thức, phát triển tư duy, giúp con người giao tiếp được với mọi người xung quanh, là phương tiện giúp con người điều chỉnh, lĩnh hội những giá trị đạo đức mang tính chuẩn mực. Nhờ có ngôn ngữ mà con người mới có thể hiểu nhau hơn và cùng chung sống, hòa nhập với nhau như một gia đình.

Như vậy, *ngôn ngữ là một hệ thống dấu hiệu đặc biệt, được dùng làm phương tiện giao tiếp quan trọng nhất và là phương tiện tư duy của con người.*

1.2.2. Quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy

Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ bên trong có quy luật, của sự vật, hiện tượng hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa từng biết. Tư duy là một quá trình khi nói về diễn biến của nó, bắt đầu từ tình huống có vấn đề, trải qua các giai đoạn phân tích, tổng hợp, phán đoán, khái quát hóa... cho đến lúc kết thúc khi giải quyết được vấn đề. Nó có tính logic và các giai đoạn nhất định.

Tư duy được xem như một hoạt động tâm lý khi nói về tính tự giác, tính gián tiếp của sự phản ánh hiện thực biểu hiện ở động cơ hoạt động, các mục đích nhất định của chủ thể và cách hành động, thao tác trí tuệ hợp lý dựa vào những phương tiện nhất định. Chẳng hạn, ngôn ngữ là phương tiện của tư duy logic, biểu tượng tri giác là phát triển của tưởng tượng... không bao giờ được bác bỏ bản chất hoạt động của tư duy, vì nó luôn luôn được nảy sinh và được thúc đẩy bởi động cơ chủ quan của chủ thể mang tâm lý người. Vì vậy mà tư duy là hiện tượng tâm lý chỉ có ở người, không có ở bất kỳ loài động vật nào. Từ trong bản chất và cấu trúc vĩ mô của nó, tư duy là một hoạt động tâm lý của cá nhân, kết quả của nó không chỉ phản ánh hiện thực một cách khái quát, gián tiếp, sáng tạo, mà còn cho thấy sự chiếm lĩnh, vận dụng tác động của con người là tự giác, có phương pháp và có chủ đích đã dự kiến trước. Tư duy của con người mang bản chất xã hội, tính sáng tạo và tính ngôn ngữ. Bản chất xã hội của tư duy được thể hiện ở chỗ tư duy nảy sinh từ tình huống có vấn đề được đặt ra do yêu cầu của hoạt động cụ thể, song nó lại bị quy định bởi những nhu cầu và nguyên nhân xã hội. Trong quá trình phát triển xã hội, tư duy của con người không dừng lại ở trình độ tư duy thao tác chân tay, trình độ tư duy bằng hình ảnh, hình tượng mà đạt tới trình độ tư duy bằng ngôn ngữ. Đây là sản phẩm mang tính xã hội cao, để nhận thức tình huống có vấn đề, để tiến hành các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa, để đi đến khái niệm, suy đoán, suy luận để rút ra những quy luật của sự vật hiện tượng, dưới hình thức ngôn ngữ, đó là sản phẩm khái quát của tư duy. Có thể phân loại tư duy theo nhiều cách khác nhau, xét về phương diện chủng loại và cá thể,

tư duy có thể chia thành 3 loại: tư duy trực quan hành động, tư duy trực quan hình tượng, tư duy logic (tư duy ngôn ngữ) - đây là tư duy đặc trưng chỉ có ở con người.

Theo quan niệm duy vật biện chứng, tư duy và ngôn ngữ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau và không tách rời nhau.

Mối quan hệ thống nhất giữa tư duy và ngôn ngữ thể hiện ở chỗ nhờ có ngôn ngữ mà ngay từ khâu mở đầu của quá trình tư duy, con người nhìn nhận hoàn cảnh có vấn đề - khi đó quá trình tư duy bắt đầu. Trong quá trình tư duy, con người tiến hành các thao tác tư duy: phân tích, so sánh, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa. Sự thống nhất giữa tư duy và ngôn ngữ thể hiện ở kết quả của quá trình tư duy mà sản phẩm chính là những khái niệm phán đoán, suy lý được diễn đạt và lưu trữ trong từ ngữ và câu.

Ngôn ngữ là phát triển của tư duy và nhận thức. Nếu không có ngôn ngữ thì quá trình tư duy ở con người không thể diễn ra được, đồng thời các sản phẩm của tư duy cũng không được chủ thể và người khác tiếp nhận. Việc chỉ ra mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ cho phép xác định các phương pháp phát triển ngôn ngữ và tư duy một cách chính xác. Dạy trẻ lĩnh hội ngôn ngữ là phương tiện hữu hiệu để phát triển tư duy của trẻ. Mặt khác, tư duy cũng lại rất cần thiết cho sự phát triển ngôn ngữ. Sự nhận thức của trẻ phát triển theo từng mức độ nhất định sẽ giúp ngôn ngữ của trẻ phát triển tương ứng. Chính vì thế, nếu không có tư duy thì ngôn ngữ cũng trở nên vô nghĩa.

Ở tuổi ấu nhi, hầu hết trẻ em đều rất tích cực hoạt động với đồ vật, nhờ đó trí tuệ, đặc biệt là tư duy của trẻ phát triển khá mạnh. Tuy nhiên, tư duy của trẻ chỉ thực sự phát triển khi trẻ lĩnh hội được ngôn ngữ. Ngôn ngữ cố định lại kết quả của tư duy, là vỏ vật chất của tư duy và phương tiện biểu đạt kết quả của tư duy, do đó có thể khách quan hóa kết quả của tư duy cho người khác và cho bản thân chủ thể tư duy. Ngược lại, không có tư duy thì sẽ không có ngôn ngữ, vì khi đó các đơn vị ngôn ngữ chỉ còn là những âm thanh trống rỗng, vô nghĩa. Cũng như L.X.Vurgôtxki đã nói “Từ mà không có nghĩa thì không phải là từ mà chỉ là âm thanh trống rỗng”^[8]. Vì thế, ngôn ngữ và tư duy như hai mặt của tờ giấy, không thể tách mặt này ra khỏi mặt kia. Ngôn

ngữ phát triển làm cho tư duy phát triển. Ngược lại, tư duy phát triển càng đẩy nhanh sự phát triển của ngôn ngữ.

Tư duy của con người chủ yếu được tiến hành dưới hình thức ngôn ngữ. Ngôn ngữ là hình thức tồn tại, là phương tiện vật chất để thể hiện tư duy. Ngôn ngữ và tư duy thống nhất nhưng không đồng nhất. Ngôn ngữ là phương tiện biểu đạt, còn tư duy là cái được biểu đạt. Bên cạnh những đặc điểm mà ngôn ngữ nào cũng có, mỗi ngôn ngữ đều mang cho mình một đặc trưng riêng không lặp lại ở những ngôn ngữ khác. Trong khi đó tư duy, về cơ bản là mang tính nhân loại, nghĩa là không có sự khác biệt giữa tư duy của dân tộc này với tư duy của dân tộc khác.

1.2.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ

1.2.3.1. Ngôn ngữ là phương tiện hình thành và phát triển nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh

Ngôn ngữ giúp trẻ tìm hiểu, khám phá và nhận thức về môi trường xung quanh. Thông qua các từ ngữ và các câu nói của người lớn, trẻ em làm quen với các sự vật, hiện tượng có trong môi trường xung quanh, trẻ hiểu được những đặc điểm, tính chất, công dụng của các sự vật cùng với các từ tương ứng với nó. Từ và hình ảnh trực quan của các sự vật cùng đi vào nhận thức của trẻ. Nhờ có ngôn ngữ mà trẻ nhận biết được nhiều các sự vật, hiện tượng mà trẻ tiếp xúc, giúp trẻ hình thành, phát triển phong phú các biểu tượng về thế giới xung quanh.

Ngôn ngữ là phương tiện giúp trẻ hình thành và phát triển tư duy. Ngôn ngữ của trẻ được phát triển dần theo lứa tuổi, điều đó sẽ giúp trẻ không chỉ tìm hiểu những hiện tượng, sự vật gần gũi xung quanh, mà còn có thể tìm hiểu cả những sự vật không xuất hiện trực tiếp trước mắt trẻ, những sự việc xảy ra trong quá khứ và tương lai. Trẻ hiểu được những lời giải thích và gợi ý của người lớn, biết so sánh, khái quát và dần dần hiểu được bản chất của sự vật, hiện tượng, hình thành những khái niệm sơ đẳng. Sự hiểu biết của trẻ về thế giới xung quanh ngày càng rộng lớn hơn. Nhận thức của trẻ được rõ ràng, chính xác và trí tuệ của trẻ không ngừng phát triển.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh mà còn là công cụ giúp trẻ hoạt động vui chơi, và là phương tiện để trẻ biểu hiện nhận thức của mình. Nhờ có ngôn ngữ, trẻ đã nhận thức được về môi trường xung quanh và

tiến hành hoạt động với nó, đồng thời trẻ sử dụng ngôn ngữ để kể lại, miêu tả lại sự vật hiện tượng và những hiểu biết của trẻ để trao đổi với mọi người. Ngôn ngữ là phương tiện để trẻ trao đổi những ý đồ chơi, giao lưu tình cảm trong lúc chơi, phát triển tư duy và trí tưởng tượng của trẻ.

1.2.3.2. Ngôn ngữ là phương tiện phát triển tình cảm, đạo đức, thẩm mỹ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất. Đặc biệt, đối với trẻ nhỏ, đó là phương tiện giúp trẻ giao lưu cảm xúc với những người xung quanh, hình thành những cảm xúc tích cực. Bằng những câu hát ru, những câu nói âu yếm đã mang lại cho trẻ những cảm giác bình yên, sự vui mừng hớn hở. Những tiếng ầu ơ của mẹ chính là sự giao lưu cảm xúc và ngôn ngữ đầu tiên. Những cuộc nói chuyện đặc biệt này sẽ làm cho trẻ có những tình cảm thân thương với những người xung quanh.

Trong quá trình giao tiếp, người lớn luôn hướng dẫn, uốn nắn hành vi của trẻ bằng lời nói, nét mặt, nụ cười khiến trẻ có thể nhận ra hành vi của mình đúng hay sai. Bằng con đường đó, trẻ sẽ dần dần hình thành được những thói quen tốt và học được những cách ứng xử đúng đắn.

Ngôn ngữ giúp trẻ sớm tiếp thu những giá trị thẩm mỹ trong thơ ca, truyện kể, những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ đầu tiên người lớn có thể đem đến cho trẻ từ những ngày thơ ấu. Sự tác động của lời nói nghệ thuật như một phương tiện hữu hiệu giáo dục thẩm mỹ cho trẻ. Trẻ nhận thức được cái hay, cái đẹp trong cuộc sống xung quanh như những bông hoa, những hàng cây, những con đường đẹp... hay những hành vi đạo đức nên làm và không nên làm như: ngoan – hư, xấu – tốt, thật thà – không thật thà... Trường mầm non là trường học đầu tiên. Ở đây, có điều kiện, có cơ hội lớn hơn để giáo dục ngôn ngữ cho trẻ. Có thể khẳng định rằng: Học tiếng mẹ đẻ là sự học tập quan trọng nhất, cần thiết nhất, bắt đầu sớm nhất và cần được quan tâm nhất. Và từ đó, trẻ sẽ cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong tiếng mẹ đẻ.

1.2.3.3. Ngôn ngữ là công cụ giúp trẻ hòa nhập với cộng đồng và trở thành thành viên của cộng đồng

Ngôn ngữ chính là một trong những phương tiện thúc đẩy trẻ trở thành một thành viên của xã hội loài người. Nhờ có lời chỉ dẫn của người lớn, trẻ dần dần hiểu được những quy định chung của cộng đồng, trước hết là những nề nếp sinh hoạt của

gia đình, trường mầm non, sau đó là một số quy định ngoài xã hội. Những gì trẻ được phép làm và những gì không được làm. Ngoài ra, ngôn ngữ còn là một công cụ hữu hiệu để trẻ có thể bày tỏ những nguyện vọng của mình từ khi còn rất nhỏ để người lớn có thể chăm sóc, giáo dục trẻ. Điều đó giúp trẻ hòa nhập với mọi người. Nhờ có ngôn ngữ, thông qua các câu chuyện kể, trẻ dễ dàng tiếp nhận những chuẩn mực đạo đức của xã hội và hòa nhập xã hội tốt hơn.

Tóm lại, ngôn ngữ có vai trò rất lớn, là phương tiện quan trọng nhất để trẻ lĩnh hội nền văn hóa dân tộc, để trẻ giao lưu với những người xung quanh, để tư duy, tiếp thu khoa học và bồi bổ tâm hồn, hình thành, phát triển nhân cách của trẻ.

1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ

1.2.4.1. Yếu tố sinh lý

Nhược điểm về vận động: Khả năng phân tiết, cấu tạo, cũng như khả năng phối hợp vận động của cơ quan phát âm chưa tốt, vì vậy trẻ không thể phát âm đúng ngay tất cả các âm thanh ngôn ngữ. Ngoài ra còn có nhược điểm về tri giác: Do tri giác chưa tinh tế, khả năng chú ý còn yếu nên trẻ chưa phân biệt được sự khác biệt tinh tế trong cách phát âm (luộc – lượ). Trẻ chưa chú ý đồng đều đến các thành phần trong âm tiết, cách sử dụng các từ trong câu. Các âm tiết gần giống nhau, các âm đệm được đọc lướt, các từ không được nhấn mạnh thường không được trẻ chú ý (xoài – xài, uống – uón)...

Khả năng ghi nhớ của trẻ còn hạn chế, trẻ không nhớ hết các âm đã tiếp thu, trật tự các từ trong câu, vì thế có hiện tượng trẻ bỏ bớt từ, bớt âm khi nói, hay trật tự từ trong câu không chính xác. Tư duy của trẻ cũng vậy, cũng còn khá hạn chế, kinh nghiệm sống và kinh nghiệm dùng từ của trẻ chưa được luyện tập nhiều, vì vậy có hiện tượng trẻ dùng từ sai dẫn đến việc trẻ nói câu sai.

1.2.4.2. Yếu tố bệnh lý

Cơ quan phát âm hay não của trẻ bị khiếm khuyết về mặt giải phẫu cũng làm cho ngôn ngữ của trẻ phát triển không bình thường, phát âm bị biến dạng. Ví dụ: trẻ bị sút môi, hở hàm ếch, câm, điếc, lưỡi ngắn hay quá dày... Ngoài ra, nếu trẻ mắc bệnh về tai, mũi, họng, đường hô hấp... cũng gây ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ, đến âm điệu và sắc thái giọng của trẻ. Đặc biệt, những trẻ bị tổn thương nặng nề về

tâm lý cũng có thể dẫn đến những khiếm khuyết về ngôn ngữ. Ví dụ, có trẻ phải chứng kiến cảnh bạo lực, quá sợ hãi có thể bị câm, mặc dù trước đó trẻ đã biết nói.

Ngoài những nguyên nhân trên, chúng ta còn thấy ở trẻ nhỏ thường mắc một bệnh lý rất đặc trưng, đó là nói lắp. Điều này thường xảy ra khi trẻ suy nghĩ nhanh hơn nói hoặc trẻ sợ rằng người khác sẽ ngắt lời chúng. Hầu hết trẻ em lớn lên sẽ khỏi nói lắp, nhưng với một số trẻ thì nói lắp lại trở thành tật của trẻ.

1.2.4.3. Yếu tố giáo dục

Một yếu tố cũng khá quan trọng và có quyền quyết định đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, đó là môi trường ngôn ngữ - môi trường giáo dục. Trẻ mắc lỗi ngôn ngữ khi nói là do chịu ảnh hưởng của môi trường ngôn ngữ không tốt xung quanh trẻ. Cần phải để trẻ tránh tiếp xúc với những hình thái ngôn ngữ không chính xác, không đẹp. Một nguyên nhân nữa là trẻ phải sống trong môi trường giao tiếp nghèo nàn, ít có cơ hội tiếp xúc và nói chuyện với người khác, hoặc trẻ sống trong môi trường quá âm ỉ, ảnh hưởng đến sự nhạy cảm của tai nghe, làm trẻ nghe kém, dẫn đến nói không chính xác.

1.2.5. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 4 – 5 tuổi

1.2.5.1. Về đặc điểm phát âm

Khả năng phát âm của trẻ tỉ lệ thuận theo lứa tuổi, trẻ càng lớn phát âm càng chính xác và rõ ràng hơn. Tuy nhiên, trẻ ở đầu độ tuổi từ 4 – 5 tuổi có cách phát âm chưa thật sự ổn định, ta vẫn có thể bắt gặp những hiện tượng nói lắp, nói ngọng, thay thế những âm khó bằng những âm dễ như: rùa – dưa, khuyếch khoác – khếch khác... và giọng của trẻ còn kéo dài, chưa gọn. Nhưng khi bước sang cuối độ tuổi, trẻ phát âm có nhiều tiến bộ và phát âm đúng hầu hết các hình thức âm thanh của ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ và phát âm đúng cả sáu thanh điệu.

1.2.5.2. Về đặc điểm vốn từ

Vốn từ của trẻ tăng nhanh theo lứa tuổi, trẻ 4 tuổi có thể sử dụng 1200 từ. Vốn từ của trẻ không chỉ tăng nhanh về số lượng mà cả về chất lượng. Trẻ đã hiểu ý nghĩa của nhiều từ loại khác nhau, không chỉ hiểu những từ có tính cụ thể như: chó, mèo, gà... mà trẻ còn hiểu cả những từ có tính khái quát, trừu tượng như: gia súc, gia cầm, hiền, dữ... Tuy nhiên, vốn từ của trẻ 4 – 5 tuổi vẫn là danh từ và động từ chiếm ưu thế,

còn tính từ và các loại từ khác còn ít sử dụng. Bên cạnh đó, trẻ ở lứa tuổi này còn biết sử dụng các từ mang tính biểu cảm có hình ảnh, màu sắc, âm thanh. Với số lượng và chất lượng vốn từ của trẻ tăng nhanh như vậy, ta có thể thấy rằng môi trường sống, môi trường ngôn ngữ xung quanh trẻ rất phong phú và đa dạng. Trình độ văn hóa, nghề nghiệp, sự hướng dẫn chỉ bảo trực tiếp của người lớn sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển vốn từ của trẻ.

1.2.5.3. Về đặc điểm ngữ pháp

Trẻ ở độ tuổi từ 4 – 5 tuổi đã có thể sử dụng câu có đầy đủ thành phần và cấu trúc ngữ pháp. Câu nói của trẻ trở nên rõ ràng và có sự liên kết chặt chẽ giữa các từ trong câu hơn. Trẻ 4 tuổi nói câu ghép chưa nhiều, khoảng 10% trong tổng số câu nói, trong đó trẻ thường hay sử dụng câu ghép đẳng lập với các quan hệ từ đẳng lập như: và, hay, còn... và trong câu ghép chính phụ, trẻ sử dụng câu ghép có quan hệ nhân quả, câu ghép có quan hệ mục đích – sự kiện. Trẻ ở lứa tuổi này còn sử dụng được các loại câu tường thuật, câu nghi vấn và câu cầu khiến. Còn ở những loại câu khác ít khi xuất hiện hoặc không bao giờ xuất hiện ở trẻ. Tuy nhiên, trẻ 4 – 5 tuổi vẫn còn có những hạn chế trong việc sắp xếp lời nói, diễn đạt đôi khi còn dài dòng và lủng củng, nhất là trong quá trình tự nói.

1.3. Phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

1.3.1. Từ

Cho đến nay, đã có khoảng 300 định nghĩa về Từ. Các nhà khoa học đứng trên những phương diện nghiên cứu khác nhau đã đưa ra những quan điểm xem xét Từ trên phương diện ngữ pháp học (phối hợp mặt ngữ âm và mặt ngữ nghĩa) được chấp nhận hơn cả.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, các nhà ngôn ngữ học đã định nghĩa về Từ Tiếng Việt như sau:

- Từ là đơn vị nhỏ nhất, là một âm hay một tổ hợp âm có nghĩa của một ngôn ngữ, có khả năng hoạt động độc lập, tái hiện tự do trong lời nói để xây dựng nên câu.
- Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, bao gồm hình thức âm thanh ổn định và hoàn chỉnh về ý nghĩa. Hai phần này liên quan mật thiết và hỗ trợ cho nhau để

biểu hiện ý nghĩa của con người. Từ không chỉ biểu thị các sự vật hiện tượng đơn lẻ mà biểu thị cả một nhóm sự vật hiện tượng tập hợp lại theo một dấu hiệu nhất định, do đó từ có tính chất khái quát cao.

- Theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp – Từ vựng học Tiếng Việt, Hà Nội 1985: Từ của Tiếng Việt là một chỉnh thể nhỏ nhất, có ý nghĩa dùng để tạo câu nói, nó có hình thức của một âm tiết, một “chữ” viết “rời” .

Qua các định nghĩa trên cho thấy, dù chưa có sự thống nhất nhưng đã có quan điểm chung về Từ Tiếng Việt ở chỗ: Từ là đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa, có kết cấu vô ngữ âm bền vững, hoàn chỉnh, có chức năng gọi tên, được vận dụng độc lập, tái hiện tự do trong lời nói để tạo nên câu.

1.3.2. Vốn từ

Vốn từ của một ngôn ngữ là “tổng số và hệ thống toàn bộ từ và cụm từ cố định của ngôn ngữ đó”. Mỗi một ngôn ngữ phát triển có một khối lượng từ phong phú có thể lên tới hàng chục vạn từ. Vốn từ vựng của một ngôn ngữ bao gồm nhiều lớp từ, nhiều nhóm từ không đồng nhất và có đặc trưng khác nhau. Trong vốn từ vựng của bất kỳ ngôn ngữ nào cũng tồn tại những từ mới và những từ cũ, những từ phổ biến chung và những từ địa phương, những từ chuẩn mực và những từ vay mượn, từ chuyên môn .

Ví dụ: Vốn từ của ngôn ngữ Tiếng Việt có nhiều từ vay mượn từ tiếng Hán hoặc tiếng Pháp (ghi - đông, gác – ba - ga...)

Với mỗi cá nhân, vốn từ không tỷ lệ thuận với vốn từ trong ngôn ngữ chung của cả cộng đồng mà nó phụ thuộc vào sự phát triển trí tuệ, nhận thức, văn hoá của mỗi cá nhân. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học thì vốn từ của những người có trình độ văn hoá cao là khoảng 6000 - 9000 từ, của một nhà thiên tài là xấp xỉ 20.000 từ.

Dựa vào tần số sử dụng của các từ trong đời sống xã hội, người ta phân chia vốn từ thành hai loại: vốn từ tích cực và vốn từ thụ động. Vốn từ tích cực là những từ được con người nắm vững, có tần số sử dụng cao trong cuộc sống hằng ngày. Vốn từ thụ động: gồm những từ ít hoặc không được sử dụng. Đó là những từ không còn phù hợp với cuộc sống hiện tại (bao cấp, tem phiếu...) hoặc mang nghĩa riêng, chưa được sử dụng rộng rãi.

Đối với trẻ mầm non, vốn từ tích cực là những từ trẻ hiểu được và biết vận dụng trong các tình huống giao tiếp. Còn vốn từ thụ động là những từ trẻ chưa hiểu ý nghĩa hoặc có hiểu nhưng không biết vận dụng trong giao tiếp (không nói ra được). Như vậy nghiên cứu phát triển vốn từ cho trẻ không chỉ là mở rộng vốn từ, làm giàu vốn từ về mặt số lượng mà phải tích cực hoá vốn từ trong giao tiếp .

1.3.3. Từ loại

Từ loại là kết quả nghiên cứu vốn từ trên bình diện ngữ pháp. Đó là những lớp từ có chung ngữ pháp. Những đặc trưng của lớp từ đó được sử dụng là tiêu chuẩn tập hợp và phân loại .

Theo tác giả Lê Biên trong cuốn “Từ loại Tiếng Việt hiện đại”, căn cứ vào chức năng cú pháp của từ, ông đã chia vốn từ Tiếng Việt thành hai loại lớn, đó là thực từ và hư từ:

1. Thực từ: gồm các từ loại danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ.
2. Hư từ: gồm các loại từ định từ, phó từ, kết từ, tình thái từ .

Tóm lại: Từ là đơn vị cơ bản để xây dựng câu, không có từ thì không có ngôn ngữ. Trẻ mẫu giáo được tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ Tiếng Việt sẽ có cơ hội được hình thành khái niệm về từ, hiểu được ý nghĩa của từ và tập sử dụng vốn từ Tiếng Việt trong các tình huống giao tiếp một cách chủ động, tích cực, góp phần vào quá trình củng cố và phát triển tiếng Việt .

1.3.4. Phát triển vốn từ

Phát triển vốn từ cho trẻ là cơ sở của công tác phát triển ngôn ngữ. Bởi vì từ là đơn vị có nghĩa của lời nói, có thể dùng độc lập, bao gồm đầy đủ cả hai mặt: âm thanh và ý nghĩa. Trong từ phản ánh những sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh cũng như các đặc điểm của nó. Việc phát triển vốn từ cho trẻ phải được tiến hành cùng với việc mở rộng và nâng cao nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh. Đây là hai mặt có quan hệ hữu cơ và không thể tách rời nhau. Trường mầm non có nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ cả về số lượng và chất lượng. Dạy trẻ không chỉ biết nhiều từ, mà còn phải hiểu từ, sử dụng từ đúng, loại ra những từ không đẹp trong lời nói của trẻ, dạy trẻ biết cách sử dụng một số biện pháp tu từ đơn giản trong giao tiếp hàng ngày.

Phát triển vốn từ được hiểu như là một quá trình lâu dài trẻ tích lũy vốn từ, hiểu nghĩa của từ và hình thành cách sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Trẻ chỉ lĩnh hội nghĩa của từ khi nào từ được sử dụng trong câu, trong lời nói. Vì vậy, công tác phát triển vốn từ cần được tiến hành chặt chẽ với việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trẻ. Xem xét quá trình hình thành và phát triển vốn từ ở trẻ, ta có thể thấy được trẻ lĩnh hội nghĩa cụ thể của từ và nội dung khái niệm của từ, nó có liên quan đến quá trình nhận thức của trẻ; đồng thời, trẻ còn lĩnh hội vốn từ như là một yếu tố của lời nói như cách sử dụng từ, dùng từ thay thế, dùng từ có mức độ khác nhau, dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa..., cách sử dụng từ trong câu.

Phát triển vốn từ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Lĩnh hội vốn từ là điều kiện quan trọng để phát triển trí tuệ và để giải quyết nhiệm vụ tích lũy và chính xác hóa biểu tượng, hình thành khái niệm, phát triển tư duy. Vốn từ nghèo nàn ảnh hưởng đến giao tiếp của trẻ. Cùng với việc phát triển vốn từ, chúng ta thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức và thẩm mỹ.

Do đó, công tác phát triển vốn từ là hoạt động giáo dục có chủ định, có kế hoạch nhằm giúp trẻ lĩnh hội vốn từ có hiệu quả.

1.3.5. Nội dung phát triển vốn từ

Hiện nay, ở các trường mầm non đều áp dụng theo chương trình giáo dục mầm non mới của Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành vào tháng 7 năm 2009. Ở lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho trẻ, chương trình cũng đã đề cập và nêu rõ những nội dung ngôn ngữ cần phát triển cho trẻ là những gì và như thế nào, đòi hỏi trẻ phải nói và hiểu từ để sử dụng từ một cách chính xác. Với tác giả Nguyễn Xuân Khoa, ta cũng thấy được những điểm tương đồng đó. Tuy nhiên, ông đã đề cập và phân chia nội dung phát triển vốn từ một cách cụ thể hơn.

Nguyễn Xuân Khoa đã phân chia nội dung phát triển vốn từ theo đề tài: những từ ngữ nói về cuộc sống riêng, những từ ngữ nói về cuộc sống xã hội và những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên.

1.3.5.1. Những từ ngữ về cuộc sống riêng

Mở rộng thế giới đồ vật trong tầm nhìn của trẻ: cho trẻ tiếp xúc, gọi tên tất cả những đồ vật có trong nhà, trong lớp. Trẻ cần phải biết vật là từ chất gì, tính chất của

chúng, công dụng của những đồ vật ấy. Trẻ cần phân biệt những đặc điểm giống và khác nhau của vật. Yêu cầu trẻ biết so sánh vài đồ vật gần gũi với nhau để nói lên được những điểm khác nhau giữa chúng, ví dụ như so sánh quần và váy, bát với đĩa...

Trẻ phải nhớ được địa chỉ của trường mình học, nhận biết được môi trường xung quanh, để không bị mất phương hướng.

Cần dạy cho trẻ sử dụng đúng các động từ chỉ hoạt động hàng ngày của trẻ như: ăn, ngủ, đội (mũ, nón), mặc (áo), cởi (giày, áo), chải, gấp, vò, cài, thay, thắt, rửa,...

Dạy cho trẻ nói đúng các màu sắc: xanh, đỏ, trắng, đen, vàng, nâu, hồng, xanh lá cây, trắng nõn, đen xì, vàng da cam...

1.3.5.2. Những từ ngữ về cuộc sống xã hội

Cho trẻ biết thêm về những ngày lễ lớn của các dân tộc như: Ngày quốc tế Thiếu nhi (1 – 6), Ngày sinh nhật Bác (19 – 5), Ngày Nhà giáo Việt Nam (20 – 11), Ngày Giỗ tổ Hùng Vương, Tết Nguyên Đán... Ngoài ra còn có các ngày lễ hội khác diễn ra trong năm như: Noel (24 – 12), Ngày Quốc tế Phụ Nữ (8 – 3)... Giáo viên kể cho trẻ nghe về Bác, ngày sinh của Bác, quê hương Bác, nơi Bác làm việc (nhà sàn, phủ Chủ tịch), nơi Bác yên nghỉ sau khi Bác mất (lăng Bác ở Ba Đình, Hà Nội), tình thương yêu rộng lớn của Bác đối với thiếu niên, nhi đồng.

Cho trẻ biết tên gọi một số cơ quan nhà nước, chức năng của các cơ quan đó: ủy ban, trường học, bệnh viện, đồn công an. Cho trẻ quan sát các công trình công cộng: nhà hát, rạp chiếu phim, công viên, sân vận động... Giáo viên nói cho trẻ biết về công dụng, chức năng, quá trình xây dựng chúng...

Kể cho trẻ nghe về bộ đội, chức năng của bộ đội đối với Tổ quốc, với nhân dân. Cung cấp vốn từ cho trẻ về bộ đội, công an, nông dân, nhân dân, Tổ quốc, về các binh chủng như: bộ binh, không quân, hải quân. Giáo viên cung cấp nội dung vốn từ cho trẻ về biển đảo, quê hương.

Cho trẻ biết thêm về một số phương tiện giao thông: xe đạp, xe máy, xích lô, ô tô, tàu hỏa (xe lửa), thuyền bè, ca nô, tàu thủy, máy bay. Dạy trẻ biết sử dụng đúng những động từ phù hợp với các phương tiện đó. Ví dụ: máy bay bay rất nhanh, thuyền trôi trên sông, xe máy phóng nhanh...

1.3.5.3. Những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên

Cho trẻ nói đúng mùi vị của một số loại quả, ví dụ: chuối, hồng, ổi, khi chín thì ngọt, khi còn xanh lại chát, ớt chín lại cay. Những loại quả có thể ăn ngay không cần nấu chín như nhãn, ổi, măng cầu...; những loại quả phải nấu chín mới được ăn như bầu, bí, mướp... Những thứ rau có thể ăn ngay không cần nấu chín như những thứ rau thơm: mùi, hành, tía tô và một số loại xà lách; những thứ rau phải nấu chín mới ăn được như cải, su hào,...

Cho trẻ gọi tên và so sánh những động vật tương đối giống nhau để nói lên những điểm khác nhau cơ bản giữa chúng. Ví dụ: so sánh các con vật như gà, vịt, ngan; chó, mèo, lợn; trâu, bò, ngựa; chuồn chuồn, bướm bướm... Cung cấp cho trẻ những động từ chỉ sự vận động của các loài vật, ví dụ: trâu, bò, lợn... đi; ếch, thỏ... nhảy; cua, kiến, rắn... bò; chim, gà... mổ (thóc, sâu); trâu, bò... gặm (cỏ).

Giáo viên cung cấp cho trẻ những hiểu biết, vốn từ nói lên lợi ích và tác hại của một số loài vật như: chuột phá hoại mùa màng, mèo bắt chuột... Nói lên được cách chăm sóc và bảo vệ những con vật có ích, cách đề phòng và chống những con vật có hại.

Mở rộng hiểu biết của trẻ về hiện tượng thiên nhiên, biết được đặc điểm của mùa đông, mùa hè, mùa nắng, mùa mưa.

1.4. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non

Ngày nay, trong giáo dục mầm non, vấn đề cần hay không cần tích hợp các môn học cũng như các hoạt động giáo dục trẻ không đặt ra nữa mà hiển nhiên đã được khẳng định chắc chắn rằng, cần tích hợp các “tiết học”, các hoạt động của trẻ với nhau. Xu hướng tiếp cận tích hợp trong giáo dục mầm non cũng xuất phát từ nhận thức thế giới tự nhiên – xã hội con người nói chung và trẻ em lứa tuổi mầm non nói riêng là một tổng thể thống nhất. Trẻ được phát triển trong hoạt động và chỉ thông qua hoạt động mà hoạt động nào cũng liên quan đến nhiều lĩnh vực kiến thức, kỹ năng. Vì thế mà cần phải cung cấp cho trẻ những kiến thức, kinh nghiệm sống một cách tổng thể.

Có nhiều cách tích hợp trong giáo dục mầm non và một trong những cách đó là tích hợp theo chủ đề. Phương pháp tiếp cận này dựa trên quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”, giáo dục trẻ cần dựa trên đặc điểm cá nhân, phù hợp với nhu cầu,

hứng thú và nguyện vọng, sở thích của trẻ trên nguyên tắc tự nguyện, chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động cá nhân, của nhóm ở nhà cũng như ở trường mầm non.

Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ được hiểu như là phương pháp đan cài, lồng ghép, đan xen các hoạt động giáo dục theo chủ đề một cách tự nhiên, hài hòa theo nhu cầu, hứng thú và nguyện vọng của trẻ trên cơ sở lấy hoạt động chủ đạo của lứa tuổi làm “hoạt động công cụ” để tích hợp các hoạt động khác nhằm thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non. Đây chính là quá trình tập hợp những tác động sự phạm phù hợp với khả năng và tiềm năng vốn có của trẻ nhằm hướng đến việc cung cấp cho trẻ cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng trong những hoàn cảnh nhất định, phát huy thế mạnh của trẻ giúp trẻ tích cực tìm kiếm, lựa chọn và đưa ra quyết định của mình đồng thời tạo điều kiện thu hút trẻ tham gia vào các hoạt động khác nhau ở trường cũng như tạo cơ hội cho giáo viên hướng dẫn trẻ cách tìm hiểu khám phá về những vấn đề, sự kiện trong môi trường xung quanh.

Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề chính là một phương pháp giáo dục mà ở đó một cá nhân hay một nhóm trẻ cùng nhau học tập, tìm kiếm khám phá và nghiên cứu sâu về một chủ đề mà trẻ đặc biệt quan tâm và có nhu cầu, hứng thú với nó. Từ một chủ đề đã được lựa chọn, trẻ em cùng nhau tiến hành các hoạt động tìm hiểu, khám phá, phát hiện và thu thập thông tin dưới sự trợ giúp của cô giáo nhằm lĩnh hội các biểu tượng về sự vật hiện tượng của môi trường xung quanh.

Phương pháp này cung cấp cho trẻ cơ hội được học tập và luyện tập để trở thành “nhà chuyên môn” và tạo điều kiện cho giáo viên hướng dẫn trẻ cách tìm hiểu, khám phá về những vấn đề, sự kiện, hiện tượng trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh. Chính trong quá trình tìm hiểu và khám phá ấy trẻ có cơ hội đặt ra những vấn đề hay câu hỏi dự đoán rồi tự tìm câu trả lời, điều này kích thích trẻ tích cực suy nghĩ, tích cực vận dụng các kỹ năng xã hội đã biết vào những tình huống, hoàn cảnh phù hợp có ý nghĩa với trẻ giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp, diễn đạt cũng như phát triển tư duy logic.

Mục tiêu cơ bản của việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường mầm non là nhằm khai thác tiềm năng cũng như “thế giới tinh thần” của trẻ

hướng tới hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, xu hướng và cảm nhận của nó cả về trí tuệ, đạo đức, tình cảm và thẩm mỹ...

1.5. Hoạt động vui chơi và trò chơi học tập đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

1.5.2. Khái niệm hoạt động vui chơi và trò chơi với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Vui chơi là một loại hoạt động sống của con người, cùng với lao động và học tập, vui chơi và giải trí làm cho cuộc sống của con người thêm phong phú. Hơn bất cứ lứa tuổi nào khác, trẻ nhỏ có nhu cầu chơi vô cùng to lớn, chúng chạy nhảy, chơi đùa không biết mệt, chúng say mê với các trò chơi như “Mèo đuổi chuột”, “Bịt mắt bắt dê”, “Bán hàng”... Vui chơi là người bạn đường của tuổi thơ, vui chơi luôn đem lại cho trẻ sự thoải mái, thỏa mãn, phấn chấn. Đối với trẻ nhỏ, “việc chơi không bao giờ kết thúc, trò chơi nọ tiếp nối trò chơi kia làm nên cuộc sống đầy hạnh phúc cho các cháu”^[5]. Trong khi chơi, trẻ hoạt động sôi nổi, thật hết mình và thật chủ động như chính cuộc sống của mình vậy.

Hoạt động vui chơi là một hoạt động lý thú nhưng cũng rất phức tạp. Các nhà khoa học đã có quan niệm khác nhau về hoạt động vui chơi của trẻ em lứa tuổi mầm non.

Theo G.Spencer – nhà triết học, nhà xã hội học và nhà sư phạm người Anh cho rằng, chơi chính là sự giải tỏa năng lượng dư thừa ở trẻ em như những con vật non. Theo ông, những năng lượng dư thừa ở cơ thể con vật non không được sử dụng trong hoạt động thực nên đã được tiêu khiển qua việc bắt chước các hành động thực đó bằng trò chơi. Ở trò chơi, trẻ em là sự bắt chước của bản thân và người lớn. Nhà tâm lý học Thụy Sĩ G.Piaget coi trò chơi là một trong những hoạt động trí tuệ của trẻ, tạo ra sự thích nghi của trẻ với môi trường. Theo ông, sự thích nghi thực chất là sự thiết lập mối cân bằng giữa cơ thể với môi trường. Sự cân bằng này diễn ra trong quá trình đồng hóa và điều ứng. Còn với bác sĩ người Áo S.Freud đã cho rằng trò chơi là sự giải tỏa những dồn nén, đem lại cho con người những hứng khởi, bù đắp những thiếu hụt, khiếm khuyết.

Các nhà tâm lý học, giáo dục học Macxit coi trò chơi như là một hoạt động đặc trưng của xã hội loài người, phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt của con người. Trò chơi của trẻ em không có nguồn gốc sinh học mà có nguồn gốc xã hội, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua con đường giáo dục. Theo G.V.Plêkhanov, trò chơi là cầu nối các thế hệ với nhau, là phương tiện chuyển tải thành tựu văn hóa từ đời này sang đời khác. Còn với ông Đ.B.Enconhin cho rằng, nhu cầu và sự ham hiểu biết về thế giới xung quanh chính là nguồn gốc, động lực giúp trẻ tích cực hoạt động trong trò chơi.

Một số nghiên cứu về trò chơi của các nhà tâm lý học, giáo dục học phương Tây như Vallon, N.Khrixtencer... cũng chỉ ra rằng, trò chơi của trẻ là sự phản ánh cuộc sống, là hoạt động của chúng được quy định bởi những điều kiện xã hội. Trẻ nhắc lại những ấn tượng đã được trải nghiệm vào trò chơi một cách có chọn lọc. Theo họ, trò chơi không phải là bất biến, nó phản ánh hiện thực xã hội luôn vận động và phát triển.

Để tham gia vào một trò chơi, trẻ không chỉ thể hiện hành động của mình mà trẻ còn phải sử dụng ngôn ngữ để diễn tả cho bạn cùng chơi hiểu được điều trẻ muốn làm và muốn nói. Khi ngôn ngữ của trẻ phát triển tốt sẽ giúp cho quá trình chơi của trẻ diễn ra một cách dễ dàng và sẽ mang lại một kết quả tốt khi chơi.

Từ những điều trên, dưới góc độ lý thuyết hoạt động, ta có thể hiểu: chơi là một hoạt động mà động cơ của nó nằm trong quá trình chơi chứ không phải nằm trong kết quả của hoạt động, khi chơi, trẻ không chú tâm vào một lợi ích thiết thực nào cả, trong trò chơi, các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội được mô phỏng lại, chơi mang lại cho trẻ trạng thái tinh thần vui vẻ, phấn chấn, dễ chịu.

Bên cạnh đó, mặc dù chơi là hoạt động của trẻ, nhưng vẫn cần có sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn để giúp trẻ làm quen với phương thức hành động của trò chơi. Vì vậy, ta có thể hiểu rằng, hoạt động vui chơi là một trong các loại hình hoạt động của trẻ ở trường mầm non, là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo được người lớn tổ chức, hướng dẫn nhằm giúp trẻ thỏa mãn các nhu cầu vui chơi và nhận thức, đồng thời nhằm giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ lứa tuổi này.

1.5.2. Trò chơi học tập

1.5.2.1. Khái niệm

Mỗi dạng trò chơi ở trẻ mẫu giáo có sắc thái nhất định và có tác dụng nhất định đối với sự hình thành và phát triển tâm lý – nhân cách. Sự phân biệt ý nghĩa, tác dụng của mỗi loại trò chơi đối với sự phát triển tâm lý – nhân cách của trẻ chỉ mang tính tương đối. nhìn chung, mọi trò chơi đều hướng đến sự phát triển của trẻ. Tuy nhiên, mỗi trò chơi có một thế mạnh riêng. Theo Nguyễn Ánh Tuyết: “Trò chơi là phương tiện để trẻ học làm người”^[15]. Đúng vậy, mọi trò chơi ở trẻ mẫu giáo đều diễn ra sự học. Song mỗi trò chơi giúp trẻ học một kiểu.

Trò chơi học tập thực chất là một trò chơi có định hướng đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo. Theo E.I.Chikhieva “Trò chơi đó được gọi là trò chơi học tập hay trò chơi dạy học là vì trò chơi đó gắn liền với một mục đích dạy học nhất định và đòi hỏi cần phải có tài liệu dạy học phù hợp kèm theo”. Còn P.G.Xamarucova cho rằng, loại trò chơi được xem là trò chơi học tập “đó là những trò chơi có nhiệm vụ chủ yếu là giáo dục và phát triển trí tuệ cho trẻ em”.

Từ những điều trên, các nhà nghiên cứu về trò chơi, đặc biệt là về sự phân loại trò chơi của trẻ em mẫu giáo cho phép khẳng định, *trò chơi học tập thuộc nhóm trò chơi có luật, thường do người lớn nghĩ ra cho trẻ chơi và dùng nó vào mục đích giáo dục và dạy học, hướng tới việc phát triển hoạt động trí tuệ cho trẻ.*

1.5.2.2. Đặc điểm

Xét về cấu trúc thì trò chơi học tập bao giờ cũng có một cấu trúc rõ ràng và xác định khác hẳn với các dạng trò chơi khác và sự luyện tập. Cấu trúc của trò chơi học tập gồm ba thành tố: nhiệm vụ nhận thức (nội dung chơi), các hành động chơi (thao tác chơi) và luật chơi (quy tắc chơi). Nhiệm vụ nhận thức chính là nội dung chơi có tính chất như một bài toán mà trẻ phải dựa trên các điều kiện đã cho, mỗi trò chơi học tập có nhiệm vụ nhận thức của mình, chính điều đó làm cho trò chơi này khác với trò chơi kia. Hành động chơi là những động tác trẻ làm trong lúc chơi, nó là một thành tố đặc trưng của trò chơi học tập. Luật chơi cũng là một thành tố không thể thiếu của trò chơi học tập, trong trò chơi chứa đựng các luật chơi, đó là những quy định mà nhất thiết trẻ phải tuân thủ trong khi chơi, nếu phá vỡ chúng thì trò chơi cũng bị phá vỡ

theo. L.X.Vurgótzki cũng đã nhận xét “Luật chơi càng chính xác bao nhiêu thì trò chơi càng căng thẳng và quyết liệt bấy nhiêu”. Như vậy, nhiệm vụ nhận thức, các hành động chơi và luật chơi là những thành tố bắt buộc của trò chơi học tập. Tuy nhiên, trong thực tiễn ở trường mầm non, những khái niệm này không phải bao giờ cũng được phân biệt rạch ròi, đôi khi luật chơi đồng thời là các hành động chơi. Trong trò chơi học tập thì ba thành tố có liên quan chặt chẽ với nhau và chỉ cần thiếu một trong ba thành tố trên thì đều không thể tiến hành trò chơi được.

Trò chơi học tập bao giờ cũng có một kết quả nhất định, trẻ cảm nhận được kết quả hành động của mình: đoán đúng hay sai, nói đúng tên và công dụng của đồ vật... Kết quả này sẽ mang lại niềm vui đối với trẻ, thúc đẩy tính tích cực, củng cố và phát triển vốn hiểu biết của trẻ.

Trong trò chơi học tập, luôn tồn tại mối quan hệ qua lại giữa cô và trẻ, và giữa trẻ với nhau. Quan hệ này do nhiệm vụ chơi, hành động chơi hay luật chơi quy định. Cô có thể là người tổ chức trẻ chơi, có thể là người tham gia cùng với trẻ, trong mọi trường hợp, trò chơi phụ thuộc vào cô giáo – người tổ chức, điều khiển trò chơi.

Tính tự lập và sáng kiến của trẻ được thể hiện trong quá trình trẻ thực hiện các thao tác chơi, hành động chơi. Trẻ tự lựa chọn các phương thức hành động trong việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo những hiểu biết của mình để giải quyết nhiệm vụ chơi một cách có hiệu quả.

1.5.2.3. Ý nghĩa

Trò chơi học tập là phương tiện, con đường cơ bản để phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non. Trò chơi học tập phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ trong việc rèn luyện sự nhạy bén, khéo léo và linh hoạt. Đồng thời, trò chơi học tập còn là phương pháp, hình thức củng cố, chính xác hóa các biểu tượng và cung cấp các biểu tượng và tri thức mới cho trẻ. Khi tham gia vào trò chơi học tập, trẻ phải suy nghĩ, vận dụng tri thức mà mình đã có để giải quyết nhiệm vụ học tập chứa trong nội dung chơi. Vì vậy, trò chơi học tập được xem là phương tiện để rèn các thao tác tư duy và phát triển trí tưởng tượng cho trẻ. Ngoài ra, trò chơi học tập còn phát triển ngôn ngữ, sự tập trung chú ý của trẻ mẫu giáo.

Bên cạnh đó, trò chơi học tập còn là phương tiện phát triển các năng lực hoạt động trí tuệ cho trẻ như: tính độc lập, chủ động, tư duy linh hoạt, sáng tạo và trò chơi học tập mang lại niềm vui cho trẻ.

Tóm lại, trò chơi học tập đối với trẻ mẫu giáo được sử dụng vừa là phương tiện củng cố tri thức, rèn luyện kỹ năng, vừa là hình thức và phương pháp tổ chức dạy học, nó có tác dụng kích thích cho trẻ phát huy tính tích cực, tính sáng tạo trong hoạt động nhận thức nhờ các tình huống chơi hấp dẫn.

1.5.2.4. Phân loại

Trên thực tế vẫn chưa có một ý kiến thống nhất về cách phân loại trò chơi học tập. Do đó, các nhà nghiên cứu về trò chơi học tập cũng đưa ra nhiều cách để phân loại, mỗi cách dựa theo một điểm tựa nhất định.

Dựa trên phương tiện tổ chức, trò chơi học tập có các loại sau:

- Trò chơi học tập với đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh...
- Trò chơi lô tô.
- Trò chơi học tập bằng lời.
- Trò chơi âm nhạc.

Dựa trên nhiệm vụ học tập được đưa vào trò chơi, trò chơi học tập bao gồm:

- Trò chơi học tập nhằm cung cấp biểu tượng, tri thức mới.
- Trò chơi học tập nhằm củng cố tri thức, biểu tượng đã học.

Dựa trên ý nghĩa của trò chơi đối với sự phát triển của trẻ, trò chơi học tập gồm:

- Trò chơi học tập nhằm rèn luyện sự nhạy bén của các giác quan. Phát triển óc quan sát, và khả năng định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ.
- Trò chơi nhằm cung cấp biểu tượng, tri thức mới và củng cố biểu tượng, tri thức đã biết.
- Trò chơi rèn luyện các thao tác tư duy, óc tưởng tượng sáng tạo.
- Trò chơi nhằm phát triển ngôn ngữ.
- Trò chơi nhằm rèn luyện khả năng tập trung chú ý và sự nỗ lực ý chí của trẻ.

Tuy nhiên, sự phân loại trên đây chỉ có ý nghĩa tương đối bởi lẽ nhiều trò chơi học tập đã phản ánh đầy đủ các tiêu chí phân loại trò chơi học tập nêu trên.

1.5.3. Ý nghĩa của trò chơi học tập đối với sự phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Ngay từ thời xa xưa, trò chơi học tập của trẻ mẫu giáo đã xuất hiện. Mỗi một dân tộc đều nghĩ ra cho con em của mình những trò chơi và đồ chơi lý thú, hấp dẫn nhằm thông qua chúng để giáo dục và dạy trẻ học tập, như dạy tiếng mẹ đẻ, dạy trẻ học đếm, làm tính, cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh... Trò chơi học tập dân gian mang tính học tập và giàu xúc cảm, vì thế chúng không những điều khiển được các mối quan hệ qua lại giữa trẻ với nhau mà còn phát triển tính hài hước, tính tích cực của trẻ trong khi chơi. Những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới đều thống nhất cho rằng, trò chơi học tập có một ý nghĩa quan trọng đối với việc giáo dục và phát triển nhân cách nói chung và trí tuệ của trẻ mẫu giáo nói riêng.

Việc dạy học cho trẻ mẫu giáo bằng các trò chơi học tập đã tạo cho chúng khả năng giải quyết nhiệm vụ nhận thức dưới hình thức chơi nhẹ nhàng, không bị áp đặt, nâng cao hứng thú của trẻ, phát triển khả năng tập trung chú ý, tạo điều kiện thuận lợi cho những hành động có định hướng phù hợp với lời chỉ dẫn của giáo viên và đảm bảo cho việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng một cách tốt hơn. Những nhiệm vụ chơi và hành động chơi đòi hỏi trẻ tích cực huy động các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của mình để đạt được kết quả mà trò chơi đã đặt ra.

Trò chơi học tập có ý nghĩa rất quan trọng, nó là phương tiện để phát triển trí tuệ, giáo dục một số phẩm chất đạo đức cho trẻ. Trong lĩnh vực phát triển trí tuệ, trò chơi học tập chính là một phương tiện phát triển ngôn ngữ, sự tập trung chú ý của trẻ mẫu giáo. Trong quá trình chơi, trẻ phải sử dụng các giác quan và ngôn ngữ (nói to) của mình để thực hiện các thao tác chơi, nhiệm vụ chơi. Do đó, ngôn ngữ của trẻ trở nên mạch lạc và phát triển. Trẻ 4 – 5 tuổi sẽ biết chú ý đến nhiệm vụ và luật chơi hơn, tuy nhiên, chúng vẫn thích thú đến quá trình chơi nhiều hơn là kết quả chơi. Chính quá trình chơi đó đã giúp trẻ tích cực nhận thức được nội dung chơi và giúp trẻ sử dụng vốn từ để giải quyết vấn đề một cách phong phú hơn. Các trò chơi học tập bằng lời nói

kết hợp với hành động chơi đa dạng khi tham gia chơi càng làm tăng phần hấp dẫn của chúng với trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Khi chơi loại trò chơi này, trẻ học cách dựa vào những biểu tượng đã có và dùng lời nói giải quyết nhiệm vụ nhận thức trong những hoàn cảnh mới. Trên cơ sở những dấu hiệu chung dần dần trẻ hiểu được ý nghĩa tổng quát của từ và chúng có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ trí tuệ, như miêu tả đồ vật, phân biệt dấu hiệu đặc trưng của đồ vật, đoán đồ vật qua sự miêu tả, tìm sự giống và khác nhau giữa các vật... Việc sử dụng trò chơi học tập với việc phát triển vốn từ giúp trẻ hứng thú với việc học từ mới, ôn lại các từ cũ và khắc sâu hơn, bên cạnh đó, trẻ còn được chơi, quên đi nhiệm vụ chính là học, giúp trẻ tránh buồn chán và mệt mỏi, ngoài ra chính những trò chơi học tập đó sẽ giáo dục trẻ những kỹ năng sống.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục mầm non. Ngôn ngữ là công cụ để trẻ giao tiếp, học tập và vui chơi. Ngôn ngữ giữ vai trò quyết định sự phát triển của tâm lý trẻ em. Bên cạnh đó, ngôn ngữ còn là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện bao gồm sự phát triển về đạo đức, tư duy nhận thức và các chuẩn mực hành vi văn hoá. Để trẻ có thể tự tin giao tiếp tốt, chúng ta cần cung cấp vốn từ cho trẻ nhiều hơn nữa. Hiện tại, trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi có số lượng vốn từ tương đối nhiều, khoảng 1200 – 2000 từ, nội dung vốn từ đó xoay quanh ba đề tài: những từ ngữ nói về cuộc sống riêng, những từ ngữ về cuộc sống xã hội, những từ ngữ về thế giới tự nhiên. Chúng ta cần dựa vào các khía cạnh đó và vốn từ của trẻ hiện tại mà phát triển hơn nữa.

Trò chơi học tập thuộc nhóm trò chơi có quy luật, thường do người lớn nghĩ ra và dùng nó vào mục đích giáo dục và dạy học, hướng tới việc phát triển trí tuệ cho trẻ. Trong lĩnh vực phát triển trí tuệ, trò chơi học tập chính là một phương tiện phát triển ngôn ngữ, sự tập trung chú ý của trẻ mẫu giáo. Trong quá trình chơi, trẻ phải sử dụng các giác quan và ngôn ngữ (nói to) của mình để thực hiện các thao tác chơi, nhiệm vụ chơi. Trò chơi học tập giúp trẻ phân tích khá tốt quá trình chơi, trên cơ sở những dấu hiệu chung dần dần trẻ hiểu được ý nghĩa tổng quát của từ và chúng có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ trí tuệ, như miêu tả đồ vật, phân biệt dấu hiệu đặc trưng của đồ vật, đoán đồ vật qua sự miêu tả, tìm sự giống và khác nhau giữa các vật... Việc sử dụng trò chơi học tập với việc phát triển vốn từ giúp trẻ hứng thú với việc học từ mới, ôn lại các từ cũ và khắc sâu hơn, bên cạnh đó, trẻ còn được chơi, quên đi nhiệm vụ chính là học, giúp trẻ tránh buồn chán và mệt mỏi, ngoài ra chính những trò chơi học tập đó sẽ giáo dục trẻ những kỹ năng sống.

Ở chương 2, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát thực trạng sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC THIẾT KẾ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI

2.1. Khái quát khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Nhằm đánh giá tình hình chung của việc thiết kế và tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi nhằm phát triển vốn từ.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

40 giáo viên đang giảng dạy ở các lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

80 trẻ đang học ở các lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

2.1.3. Địa bàn khảo sát

Do thời gian hạn chế nên ở khóa luận này chúng tôi chỉ tiến hành điều tra thực trạng ở các trường thuộc khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Các trường được điều tra:

- Trường Mầm non Quận – Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường Mầm non tư thục Hươu Cao cổ - Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường Mầm non Hoa Mai – Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.4. Nội dung khảo sát

Tìm hiểu ý kiến của giáo viên về việc thiết kế và tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi nhằm phát triển vốn từ.

Tìm hiểu việc phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

2.1.5. Phương pháp khảo sát

- Phương pháp điều tra bằng phiếu câu hỏi an – kết:

Chúng tôi sử dụng phiếu câu hỏi an – kết để tìm hiểu nhận thức của giáo viên về việc thiết kế trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi nhằm phát triển vốn từ. Ngoài ra, phiếu câu hỏi an – kết còn được chúng tôi sử dụng để tìm hiểu về việc giáo viên tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ có hiệu quả hay không và những khó khăn của giáo viên về việc thiết kế trò chơi học tập giúp trẻ phát triển vốn từ.

- Phương pháp đàm thoại:

Chúng tôi sử dụng phương pháp này để trò chuyện với trẻ về các hình ảnh mà chúng tôi đưa ra nhằm đánh giá tình hình chung của việc phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi hiện nay. Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng phương pháp này trò chuyện với giáo viên những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chúng tôi đang nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để thống kê các số liệu thu thập được.

- Phương pháp quan sát:

Chúng tôi sử dụng phương pháp này để quan sát các giáo án tích hợp nội dung phát triển vốn từ cho trẻ. Từ đó đưa ra những nhận xét có liên quan đến vấn đề mà chúng tôi đang nghiên cứu.

2.2. Phân tích kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về việc thiết kế và tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Câu hỏi 1: Chương trình giáo dục mà trường cô đang thực hiện là chương trình:

Khi đi đến các trường mầm non để điều tra, chúng tôi đã nhận thấy rằng, hiện nay hầu hết các trường mầm non đều đang thực hiện chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non theo hướng mới. Chính vì thế, việc phát triển cho trẻ ở cả năm lĩnh vực đều hết sức quan trọng. Và lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho trẻ cũng rất được quan tâm ở các trường. Tuy nhiên, việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ nói chung và phát triển vốn từ cho trẻ nói riêng vẫn chưa được thực hiện một cách độc lập, giáo viên cung cấp các từ ngữ cho trẻ thường vào những lúc sinh hoạt hằng ngày bằng những câu đối thoại hay trò chuyện cùng trẻ, vốn từ vẫn chưa được quan tâm nhiều ở các tiết học hay chưa được đưa vào một trò chơi cụ thể. Chúng thường là một hoạt động nhỏ được lồng ghép vào các hoạt động lớn của tiết học như làm quen môi trường xung quanh, âm nhạc, làm quen tác phẩm văn học... Do đó, việc trẻ nói từ ngữ có chính xác hay không vẫn chưa được chú ý nhiều.

Câu 2: Theo cô, việc thiết kế trò chơi giúp trẻ phát triển vốn từ là cần thiết ?

Ở câu hỏi này, chúng tôi đưa ra hai đáp án để giáo viên lựa chọn để thấy được tầm quan trọng của việc thiết kế trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ. Chúng tôi đã thống kê được số liệu như sau:

Bảng 2.1. Khảo sát mức độ nhận thức của giáo viên về việc thiết kế trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ.

STT	Mức độ nhận thức	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Có	40/40	100%
2	Không	0/40	0%

Nhìn vào bảng thống kê ta thấy, tổng số lượng phiếu trả về là 40/40 phiếu đều nhận được ý kiến của các giáo viên mầm non là việc thiết kế trò chơi giúp trẻ phát triển vốn từ là có cần thiết, chiếm 100%. Việc này cho thấy các giáo viên đã nhận thấy được tầm quan trọng của việc phát triển vốn từ cho trẻ, vốn từ của trẻ tốt sẽ hỗ trợ rất nhiều cho ngữ pháp và lời nói mạch lạc của trẻ sau này, đó sẽ tạo một tiền đề tốt để trẻ có thể chuẩn bị cho mình vào các cấp học sau.

Câu 3: Cô thường tổ chức trò chơi phát triển vốn từ trong giờ hoạt động :

Bảng 2.2. Khảo sát mức độ xuất hiện của trò chơi phát triển vốn từ khi giáo viên tổ chức.

STT	Giờ hoạt động	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Làm quen môi trường xung quanh	30/40	75%
2	Toán	6/40	15%
3	Tạo hình	8/40	20%
4	Thể chất	4/40	10%
5	Làm quen tác phẩm văn học	32/40	80%
6	Âm nhạc	16/40	40%

Đối với ngành Giáo dục Mầm non, có tất cả 7 giờ hoạt động chính, và thông qua bảng khảo sát, chúng tôi thấy rằng các giáo viên mầm non đều có tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ ở mọi giờ hoạt động, tuy nhiên mức độ xuất hiện không giống nhau. Có 30 giáo viên đã tổ chức trò chơi phát triển vốn từ ở giờ hoạt động làm quen môi trường xung quanh, ở giờ hoạt động này, trẻ được tiếp xúc với nhiều biểu tượng mới của môi trường xung quanh, do đó tỷ lệ giáo viên tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cũng chiếm khá cao (75%), nhờ vậy mà vốn từ của trẻ cũng sẽ được tăng cao hơn khi tham gia trò chơi. Tuy nhiên, mức độ tổ chức trò chơi ở giờ hoạt động làm quen môi trường xung quanh vẫn không chiếm cao bằng ở giờ làm quen với tác phẩm văn học (80%) với tổng số phiếu là 32/40 phiếu. Các giáo viên đã cho rằng, khi tham gia vào hoạt động làm quen với các tác phẩm văn học, trẻ được trải nghiệm với nội dung câu chuyện, với lời thoại của các nhân vật, trẻ sẽ hứng thú hơn, trẻ sẽ tự kể lại chuyện hay đóng vai các nhân vật trong truyện, nhờ đó mà vốn từ của trẻ sẽ tăng nhanh, chính vì vậy mà tỷ lệ giáo viên tổ chức trò chơi phát triển vốn từ ở giờ hoạt động làm quen tác phẩm văn học chiếm cao nhất.

Ngoài ra, mức độ giáo viên tổ chức trò chơi phát triển vốn từ vẫn được xuất hiện ở các giờ hoạt động còn lại. Tỷ lệ xuất hiện của trò chơi chiếm thứ 3 là giờ hoạt động âm nhạc (40%) với số phiếu là 16/40 phiếu.

Có 8/40 giáo viên đã tổ chức trò chơi phát triển vốn từ ở giờ hoạt động tạo hình, chiếm tỷ lệ 20%.

Có 6/40 giáo viên đã tổ chức trò chơi phát triển vốn từ ở giờ hoạt động làm quen với toán, chiếm tỷ lệ 15%.

Có 4/40 giáo viên đã tổ chức trò chơi phát triển vốn từ ở giờ hoạt động thể chất, chiếm tỷ lệ 10%.

Câu 4: Thái độ của trẻ khi tham gia trò chơi phát triển vốn từ :

Bảng 2.3. Khảo sát mức độ trẻ hứng thú khi tham gia trò chơi phát triển vốn từ.

STT	Mức độ	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Hứng thú	35/40	87.5%
2	Bình thường	5/40	12.5%
3	Không hứng thú	0/40	0%

Đối với trẻ lứa tuổi mầm non “học mà chơi, chơi mà học”, ta có thể hiểu rằng trẻ thích được chơi, thích được tự thể hiện mình trong mọi hoạt động, và trẻ sẽ được học khi tham gia vào các trò chơi, tùy vào mỗi trò chơi sẽ mang mục đích phát triển khác nhau cho trẻ, chính vì được chơi nên trẻ sẽ không bị bỏ gò trong bất kì tiết học nào. Ta biết rằng, trẻ ở lứa tuổi này chỉ có thể tập trung trong một thời gian ngắn và rất mau chóng chán với những tiết học chỉ có chữ và chữ. Do đó, việc trẻ hứng thú với các trò chơi mà giáo viên tổ chức là điều tất yếu. Qua bảng khảo sát, ta dễ dàng nhận ra rằng, mức độ trẻ hứng thú với các trò chơi phát triển vốn từ chiếm tỷ lệ khá cao 87.5% với số phiếu là 35/40 phiếu. Bên cạnh đó, sẽ có những mức độ trẻ không hứng thú và tỏ ra bình thường khi tham gia trò chơi, và những mức độ đó chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ của bảng khảo sát, với mức độ bình thường có 5/40 phiếu, chiếm 12.5% và mức độ không hứng thú là 0/40 phiếu. Qua đó, ta có thể thấy rằng, trẻ sẽ rất hứng thú khi tham gia vào các trò chơi do giáo viên tổ chức, đó sẽ là một động lực để thúc đẩy các giáo viên tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ nhiều hơn nữa.

Câu 5: Cô có hay thay đổi các trò chơi cho trẻ :

Khi khảo sát câu hỏi này, chúng tôi đã nhận được câu trả lời mang tính khách quan của các giáo viên, chúng được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.4. Khảo sát mức độ thay đổi trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ.

STT	Mức độ thay đổi	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Thường xuyên	32/40	80%
2	Thỉnh thoảng	8/40	20%
3	Ít khi	0/40	0%
4	Không bao giờ	0/40	0%

Khảo sát mức độ thay đổi trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ, chúng tôi nhận được rằng, có 32/40 giáo viên thường xuyên thay đổi trò chơi cho trẻ, chiếm tỷ lệ 80%. Khi được hỏi lý do vì sao, giáo viên đã cho biết, trẻ rất dễ chán với những trò chơi nếu được tổ chức nhiều lần, trẻ sẽ không còn hứng thú và tiết học sẽ không còn đọng lại ở trẻ được gì. Ngoài ra, trò chơi thay đổi nhiều lần thì vốn từ của trẻ cũng sẽ được tăng cao. Với mức độ thỉnh thoảng thay đổi trò chơi, chúng tôi nhận được 8/40 phiếu, chiếm 20% tỷ lệ còn lại. Còn với mức độ ít khi và không bao giờ, chúng tôi nhận được 0/40 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%, đồng thời cũng có thể hiểu rằng các giáo viên mầm non hiện nay cũng đã và đang tích cực trong việc tổ chức và thay đổi các trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ, đó là một mặt tích cực mà các giáo viên cần phải phát huy.

Câu 6: Khi thiết kế một trò chơi mới, cô thường gặp khó khăn về :

Với câu hỏi khảo sát này, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến khác nhau, tuy nhiên đa số các ý kiến cũng chỉ nghiêng về 3 lựa chọn chúng tôi đưa ra. Bảng khảo sát sau sẽ làm rõ điều này:

Bảng 2.5. Khảo sát về mặt khó khăn của giáo viên khi thiết kế một trò chơi mới cho trẻ.

STT	Mặt khó khăn	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Thời gian	27/40	67.5%
2	Kinh phí	10/40	25%
3	Kinh nghiệm	9/40	22.5%

Nhìn vào bảng khảo sát về các mặt khó khăn của giáo viên khi thiết kế một trò chơi mới cho trẻ, tỷ lệ chiếm cao nhất là 67.5% tương đương số phiếu là 27/40 phiếu

với ý kiến khó khăn về mặt thời gian. Các giáo viên cho rằng, để thiết kế một trò chơi mới và mang tính sáng tạo cho trẻ cần rất nhiều thời gian, đồng thời bên cạnh đó còn cần có kinh phí để làm ra các đồ dùng, đồ chơi để tổ chức một trò chơi mới cũng rất khó khăn, có 10/40 giáo viên có ý kiến đồng tình, chiếm 25% tỷ lệ. Ngoài ra, để thiết kế một trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ hoàn toàn mới và sáng tạo thì càng cần phải có thật nhiều kinh nghiệm, có 9/40 giáo viên đã cho rằng mình gặp khó khăn ở mặt đó, chiếm 22.5%.

Câu 7: Các loại trò chơi phát triển vốn từ mà cô đã từng sử dụng :

Hiện nay, trò chơi học tập có rất nhiều cách phân loại, chúng tôi chọn tiêu chí phân loại là trò chơi học tập dựa vào phương tiện tổ chức và đồng thời đưa ra các loại trò chơi học tập cụ thể để các giáo viên có thể lựa chọn. Bên cạnh đó, chúng tôi đã bổ sung thêm một loại trò chơi học tập, đó là trò chơi học tập kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin.

Bảng 2.6. Bảng khảo sát về các hình thức trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi mà giáo viên đã từng sử dụng.

STT	Hình thức trò chơi	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Trò chơi học tập với đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh...	31/40	77.5%
2	Trò chơi học tập bằng lời	21/40	52.5%
3	Trò chơi học tập ứng dụng công nghệ thông tin	14/40	35%
4	Trò chơi dân gian	20/40	50%

Trò chơi học tập với đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh... chiếm tỷ lệ cao nhất so với các hình thức trò chơi còn lại (77.5%), với tổng số phiếu là 31/40 phiếu. Chúng tôi đã hỏi lý do vì sao các giáo viên chọn hình thức trò chơi học tập này, đa số câu trả lời cho rằng, trẻ được chơi, được học với đồ vật, đồ chơi hay tranh ảnh một cách cụ thể trẻ sẽ thích thú hơn, trẻ được chính tay cầm, nắm và sờ vào đó nên sẽ làm tăng các kích thích các giác quan của trẻ, giúp trẻ chơi trò chơi tốt hơn.

Chúng tôi nhận được tỷ lệ 52.5% với số phiếu phản hồi là 21/40 phiếu cho lựa chọn trò chơi học tập bằng lời, trò chơi học tập này được sử dụng khá phổ biến ở các trường mầm non, các giáo viên cho biết vì nó dễ sử dụng và đạt hiệu quả khá tốt.

Có 20/40 giáo viên đã sử dụng trò chơi dân gian để phát triển vốn từ cho trẻ, chiếm tỷ lệ 50%. Trò chơi dân gian được giáo viên áp dụng nhiều là do các lời đồng dao có trong trò chơi dễ thuộc vì các con chữ đã được gieo vần với nhau, mang tính vui nhộn, trẻ thích khi được chơi các trò chơi dân gian. Nhờ chơi trò chơi và đọc các lời đồng dao đó, mà vốn từ của trẻ cũng dần dần được tăng lên nhiều hơn.

Và chiếm tỷ lệ thấp nhất là trò chơi học tập ứng dụng công nghệ thông tin, có 14/40 giáo viên sử dụng trò chơi, chiếm tỷ lệ 35%. Chúng tôi đã hỏi ý kiến vì sao các giáo viên còn lại không chọn trò chơi học tập này, giáo viên cho rằng trò chơi học tập ứng dụng công nghệ thông tin là một trò chơi khó thiết kế, tốn nhiều thời gian và do một phần cơ sở vật chất không được hỗ trợ nhiều nên trò chơi này ít được phổ biến ở các lớp mầm non.

Câu 8: Cô có thể kể tên một vài trò chơi mà cô thường sử dụng để phát triển vốn từ cho trẻ?

Ở câu hỏi khảo sát này, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp khác nhau, có rất nhiều trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ. Tuy nhiên, những trò chơi đó khá là quen thuộc với trẻ như: trò chơi “Chiếc túi kì lạ”, “Cái gì biến mất?”, “Trúc xanh”, “Chiếc nón kì diệu”... Ngoài ra, giáo viên còn kể tên các trò chơi dân gian phát triển vốn từ cho trẻ như: “Tập tầm vong”, “Chi chi chành chành”, “Úp lá khoai”... Ta có thể thấy rằng, hiện nay các giáo viên mầm non đã sử dụng rất phong phú các hình thức trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ, trò chơi kể chuyện sáng tạo và sắm vai theo chủ đề cũng là một trò chơi khá phổ biến ở trường.

Như vậy, qua việc phỏng vấn các giáo viên ở các trường mầm non cho thấy giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết kế và tổ chức các trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Nhưng việc thiết kế các trò chơi mới còn gặp khá nhiều khó khăn, các giáo viên thường sử dụng các trò chơi có sẵn để tổ chức cho trẻ chơi.

2.2.2. Thực trạng giáo án tích hợp nội dung phát triển vốn từ cho trẻ ở trường mầm non

Trao đổi với giáo viên hiện đang trực tiếp đứng lớp giảng dạy mẫu giáo 4 – 5 tuổi, kết hợp với việc xem xét nghiên cứu giáo án tích hợp nội dung phát triển vốn từ của giáo viên, chúng tôi nhận thấy:

Chương trình hiện nay giáo viên sử dụng là chương trình giáo dục mầm non theo hướng mới trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, do đó sau mỗi chủ đề giáo viên đều phải lên kế hoạch tuần cho các chủ đề tiếp theo. Giáo viên đều có soạn giáo án tích hợp nội dung phát triển vốn từ cho trẻ 4 – 5 tuổi, tuy nhiên phần lớn giáo viên soạn chưa thật sự rõ ràng.

Về mục đích của giáo án soạn chung chung không rõ ràng, chủ yếu mục đích của giáo án đều được giáo án xoay sâu vào hoạt động chính của giáo án, không đề cập nhiều đến phần tích hợp nội dung phát triển vốn từ cho trẻ là phát triển những từ gì.

Về chuẩn bị, giáo án đã nêu rõ cụ thể những dụng cụ để lên tiết.

Về cách tiến hành, các bước đều đầy đủ nhưng rất đơn giản, chỉ nêu ra những bước tiến hành chung chung không có sự sáng tạo trong giáo án. Tên từng hoạt động khá sơ sài sẽ không gây được hứng thú ở người dự. Và khi nhìn vào các giáo án có thể thấy rằng, việc phát triển vốn từ cho trẻ vẫn được đề cập đến nhưng chưa thật sự chú trọng nhiều.

Do một phần giáo viên nghĩ rằng, việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ đều được diễn ra thường ngày trong các cuộc đối thoại giữa cô và trẻ, và giáo viên chỉ chú trọng đến vốn từ của trẻ khi thực hiện giáo án kể chuyện hoặc đọc thơ (mỗi tuần một lần, hoặc có thể tuần có tuần không), còn những giáo án khác chú trọng cho những hoạt động chính còn lại như: làm quen môi trường xung quanh, làm quen với toán, âm nhạc,... Các giáo viên đều cho rằng khi thực hiện giáo án cần đảm bảo đạt được mục đích chính của tiết học, chứ không quan tâm lắm đến nội dung phát triển vốn từ ở trẻ, vì thế giáo viên thường không để ý đến trẻ hiểu và sử dụng từ như thế nào.

2.2.3. Thực trạng việc tổ chức hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ ở trường mầm non

Tổ chức hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ ở trường mầm non có thể được chia thành hai hoạt động nhỏ: hoạt động tích hợp phát triển vốn từ và hoạt động phát triển vốn từ riêng cho trẻ.

Hoạt động tích hợp nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi là hoạt động nên được tổ chức thường xuyên ở mỗi tiết học. Tuy nhiên, vì thời gian lên tiết có hạn và tâm lý “cháy” giáo án nên giáo viên thường chú trọng đến hoạt động chính của giáo án nhiều nhất, thời gian dành cho hoạt động chính chiếm khoảng 2/3 thời gian. Vì thế, các hoạt động tích hợp việc phát triển vốn từ cho trẻ diễn ra khá sơ sài và không được chú trọng nhiều, giáo viên nói nhiều hơn là trẻ, giáo viên không chú ý đến việc trẻ hiểu từ và sử dụng từ như thế nào.

Giáo viên xác định ngay từ đầu mục đích yêu cầu của giờ dạy cũng rất hạn chế và sơ sài, không đặt ra những yêu cầu cụ thể là phát triển vốn từ cho trẻ những gì và trẻ sẽ hiểu gì ở những từ ngữ đó. Khi tiến hành các hoạt động có trong giáo án, ta có thể thấy rằng, thường thì các hoạt động tích hợp phát triển vốn từ cho trẻ sẽ là hoạt động mở đầu của giáo án như đàm thoại, câu đố, chơi một trò chơi nhỏ... Chính những hoạt động này sẽ nói lên được việc trẻ có hiểu và sử dụng từ đúng hoàn cảnh hay không. Tuy nhiên, do chúng tôi đã nói ở trên, hoạt động này là hoạt động tích hợp nên không được giáo viên chú trọng nhiều. Ngoài ra, còn có các trường hợp sẽ làm giảm sự phát triển vốn từ của trẻ như: trẻ nào nói đúng thì cô khen thưởng, còn những trẻ phát biểu sai mục đích giáo án muốn hướng tới thì đa phần giáo viên đều cho qua và không chú tâm sửa sai hoặc nhận xét câu trả lời của trẻ. Chính vì vậy, trẻ sẽ cảm thấy cô không yêu thương mình nên trẻ sẽ dễ bị mặc cảm, và trẻ sẽ không trả lời câu hỏi cho những lần sau.

Đối với hoạt động phát triển vốn từ riêng cho trẻ là những hoạt động thường diễn ra ở đầu giờ đón trẻ và cuối giờ trả trẻ bằng phương pháp đàm thoại, hoặc cũng có thể diễn ra khi giáo viên tổ chức một trò chơi cho trẻ. Khi đàm thoại, giáo viên sẽ sử dụng các câu hỏi gợi mở để kích thích trẻ trả lời, ở những câu trả lời của trẻ, cô sẽ yêu cầu các bạn khác nhận xét, cuối cùng là cô nhận xét và sửa sai ở những từ ngữ mà trẻ

sử dụng không đúng. Chính việc cho trẻ nói lên ý nghĩ và cảm xúc của mình, trẻ sẽ cảm thấy mình được hòa nhập vào với các bạn trong lớp và không bị tách biệt. Hoạt động đàm thoại này sẽ giúp phát triển vốn từ cho trẻ khá tốt, và hoạt động diễn ra đối với mỗi giáo viên lại khác nhau do khả năng và sự nhiệt tình. Cũng có thể do hạn chế về mặt thời gian, nên hoạt động đàm thoại, trò chuyện với trẻ có thể có hoặc có thể không ở các lớp.

Việc tổ chức hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ bằng cách sử dụng các trò chơi sẽ giúp trẻ hiểu từ thông qua việc cô giới thiệu trò chơi và cách chơi. Nếu là những trò chơi bằng lời sẽ càng giúp cho vốn từ của trẻ được phát triển nhiều hơn. Trong quá trình chơi, khi được cô cho chơi theo nhóm thì các thành viên sẽ thỏa thuận cùng nhau về cách chơi, do đó trẻ sẽ nói lên ý kiến của mình và quan trọng hơn là để bạn cùng nhóm hiểu mình nói gì, bắt buộc trẻ phải sử dụng từ ngữ đúng và chính xác. Khi trò chơi diễn ra, cô sẽ quan sát và sửa sai cho trẻ. Nhưng để tổ chức trò chơi cho trẻ một cách hứng thú, giáo viên cần có nhiều thời gian để làm mới trò chơi của mình, vì thế hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ bằng cách sử dụng trò chơi thường chỉ là những trò chơi suu tầm và được sử dụng nhiều lần, trẻ đã quá quen thuộc với luật chơi và cách chơi nên rất dễ bị nhàm chán.

Qua đó, chúng tôi nhận thấy, thực chất hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở trường mầm non vẫn chưa được quan tâm nhiều. Khi tham gia vào hoạt động, có trẻ nói được rất nhiều, cũng có trẻ không nói gì do ngại phát biểu. Chính vì thế, các hoạt động phát triển vốn từ cho trẻ cần được giáo viên chú trọng nhiều hơn nữa bằng cách khơi gợi trẻ nói và sửa sai cho trẻ. Đừng nên tiết kiệm lời khen khi trẻ nói đúng, đó chính là biện pháp quan trọng để giúp trẻ được tự thể hiện mình và tự tin nói lên những cảm nghĩ của mình cho mọi người nghe.

2.2.4. Thực trạng phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Để tìm hiểu thực trạng mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi, chúng tôi tiến hành khảo sát 80 trẻ về 3 đề tài của nội dung phát triển vốn từ: những từ ngữ nói về cuộc sống riêng, những từ ngữ nói về cuộc sống xã hội và những từ ngữ nói về thế giới tự nhiên. Kết quả được đánh giá theo hai tiêu chí:

2.2.4.1. Tiêu chí đánh giá và cách đánh giá

Tiêu chí 1: Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ (5 điểm)

Sử dụng 30 hình ảnh quen thuộc với trẻ.

Để phân loại mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi, chúng tôi đánh giá bằng cách cho điểm theo tiêu chí. Bài tập ở tiêu chí này được tiến hành với từng cá nhân trẻ.

- Trẻ hiểu đúng: 26 – 30 từ đạt 5 điểm.
- Trẻ hiểu đúng: 21 – 25 từ đạt 4 điểm.
- Trẻ hiểu đúng: 16 – 20 từ đạt 3 điểm.
- Trẻ hiểu đúng: 11 – 15 từ đạt 2 điểm.
- Trẻ hiểu đúng: từ 10 từ trở lại đạt 1 điểm.

Tiêu chí 2: Khả năng sử dụng vốn từ trong giao tiếp (5 điểm)

Với tiêu chí này, cách đánh giá theo các chỉ số sau:

- Trẻ mạnh dạn, tự tin, chủ động sử dụng vốn từ khi giao tiếp với mọi người xung quanh, biết trả lời câu hỏi của giáo viên (5 điểm).
- Trẻ sử dụng vốn từ chưa được chủ động trong giao tiếp và trả lời đúng các câu hỏi của giáo viên (4 điểm).
- Trẻ ngại giao tiếp và chỉ trả lời đúng câu hỏi của giáo viên (3 điểm).
- Trẻ không giao tiếp và trả lời đúng câu hỏi khi có sự gợi ý của giáo viên (2 điểm).
- Trẻ không giao tiếp và không trả lời được câu hỏi của giáo viên (1 điểm).
- Trẻ hoàn toàn không giao tiếp và không trả lời câu hỏi của giáo viên (0 điểm).

Với cách tính điểm như trên thì số điểm tối đa của mà mỗi trẻ đạt được là 10 điểm. Dựa vào kết quả (tính bằng điểm số) của mỗi trẻ, chúng tôi phân loại trẻ theo các mức độ phát triển vốn từ như sau:

- Loại giỏi: Trẻ đạt $8 \leq \text{điểm} < 10$.
- Loại khá: Trẻ đạt $7 \leq \text{điểm} < 8$.
- Loại trung bình: Trẻ đạt $5 \leq \text{điểm} < 7$.
- Loại yếu: Trẻ đạt < 5 điểm.

2.2.4.2. Mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Sau khi khảo sát và ghi lại kết quả vốn từ của trẻ thông qua các tiêu chí đánh giá, kết quả cụ thể về mức độ phát triển vốn từ của trẻ ở hai trường được chúng tôi tổng hợp như sau:

Bảng 2.7. Tổng hợp và đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở hai trường.

Loại		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Tổng số trẻ
Trường						
Mầm non Quận		7	17	14	2	40
Mầm non Hươu Cao Cỏ		1	15	20	4	40
Tổng số	Số lượng	8	32	34	6	80
	Phần trăm	10%	40%	42.5%	7.5%	

Nhận xét:

Nhìn vào bảng đánh giá ta thấy trẻ giỏi có tất cả là 8 trẻ (chiếm 10%), trong đó có 7 trẻ ở trường mầm non Quận và chỉ có 1 trẻ ở trường mầm non Hươu Cao cỏ. Có thể nói khi khảo các trẻ này, chúng tôi có thể thấy được điểm tích cực ở trẻ, trẻ không chỉ hiểu và trả lời đúng nội dung câu hỏi giáo viên hỏi, mà trẻ còn giao tiếp một cách tự tin và nói rất nhiều về các vấn đề có liên quan tới nội dung đó (Ví dụ: Khi chúng tôi khảo sát từ ngữ “Biển báo giao thông”, trẻ đã nói được từ ngữ đó, ngoài ra trẻ còn nói rõ biển báo có nội dung gì và thấy các biển báo đó ở đâu...). Trẻ thể hiện từ ngữ rất đúng và rất chính xác, trẻ hiểu được câu hỏi của cô và mức độ quan sát hình ảnh của trẻ khá tốt. Điều này cho thấy, trẻ đã có vốn từ phong phú và đa dạng.

Loại khá có 32 trẻ (chiếm 40%). Đây là những trẻ nói đúng từ ngữ được giáo viên đề cập đến, có thể nói rằng vốn từ của trẻ cũng thuộc loại khá, thường trẻ dùng từ có nội dung tương đương với nội dung chúng tôi đề ra, trẻ quan sát cũng khá tốt các hình ảnh và chịu giao tiếp với cô và bạn bè. Và mức độ chênh lệch trẻ loại khá ở hai trường không cao.

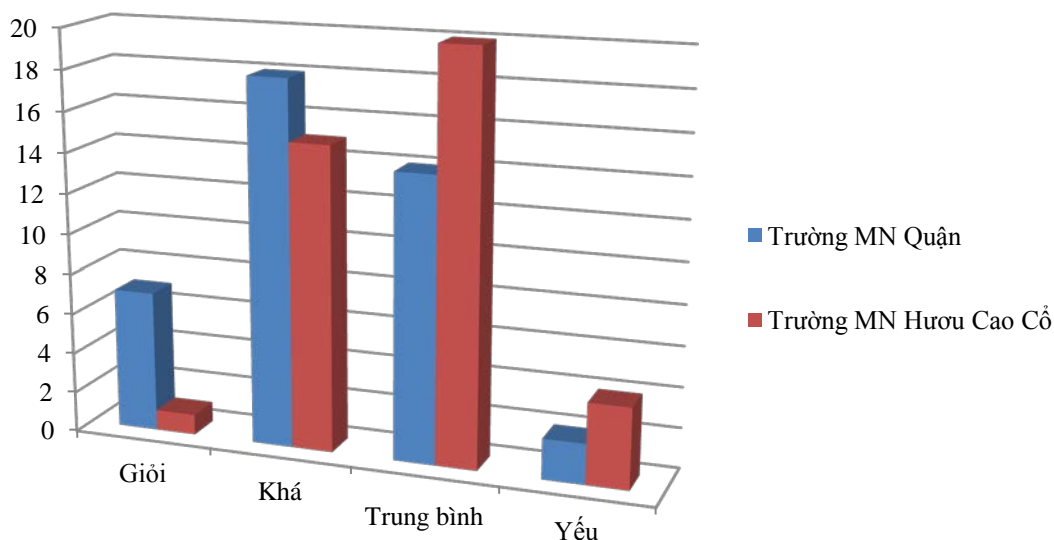
Loại trung bình có 34 trẻ (chiếm 42.5%). Điều này cho thấy, việc phát triển vốn từ của trẻ ở trường vẫn còn chưa được chú trọng nhiều, vốn từ của trẻ còn đang ở mức trung bình khá cao. Khi khảo sát trẻ, chúng tôi thấy rằng trẻ còn khá lúng túng trong việc nói lên từ ngữ của nội dung khảo sát, ngoài ra trẻ cũng không hiểu rõ các câu hỏi gợi ý của cô như các trẻ khác.

Loại yếu có 6 trẻ (chiếm 7.5%). Ở các trẻ này, chúng tôi nhận thấy hầu như trẻ ít nói và ít biết các từ ngữ, cũng có một số hoàn toàn không nói với cô một từ nào. Khi cô gợi ý cho trẻ, trẻ hầu như vẫn không trả lời được, một số trẻ cố gắng trả lời, một số trẻ vẫn ngồi im và rất thụ động. Và các trẻ này thường không tập trung vào cuộc khảo sát của cô, không hứng thú hay tò mò với các hình ảnh hay bất kì câu hỏi nào cô đưa ra.

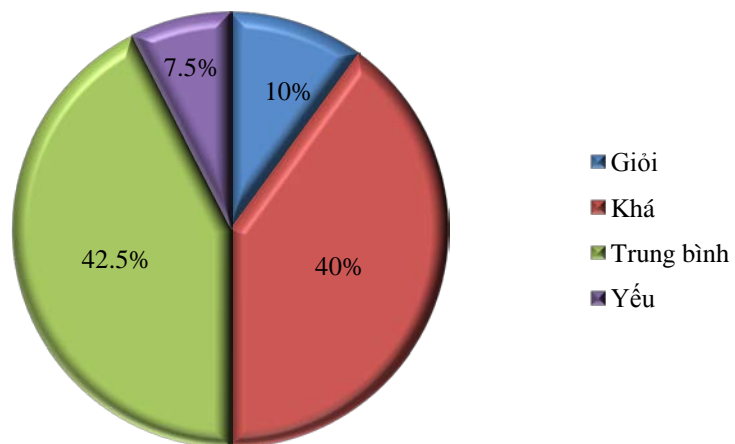
Qua việc đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi, chúng tôi đã có cái nhìn khái quát hơn về vốn từ ở trẻ, từ đó mà chúng tôi sẽ có những trò chơi học tập để phát triển vốn từ cho trẻ phù hợp hơn.

Sau đây là hai biểu đồ thể hiện thực trạng phát triển vốn từ của trẻ ở hai trường sau khi khảo sát.

Biểu đồ 1: Thể hiện mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở hai trường khảo sát thực trạng.



Biểu đồ 2: Thể hiện mức độ tổng quát phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở cả hai trường.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua việc khảo sát thực trạng và phân tích kết quả về việc giáo viên sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi và thực trạng phát triển vốn từ của trẻ ở các trường hiện nay, chúng tôi rút ra được kết luận như sau:

Về phía giáo viên, hầu như các cô đều nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển vốn từ cho trẻ. Vì trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi là lứa tuổi phát triển nhanh cả về thể chất lẫn tinh thần, trẻ tiếp thu nhanh những điều người lớn nói và học những điều đó một cách không chọn lọc, vì thế các giáo viên mầm non là người cần phải truyền đạt cho trẻ những từ ngữ hay và có khoa học. Vốn từ của trẻ phong phú sẽ giúp cho trẻ tự tin hơn khi nói và thể hiện mình. Tuy nhiên, việc tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ chưa được tổ chức một cách thường xuyên, các giáo viên thường tổ chức trò chơi như một dạng để lồng ghép vào các hoạt động học, làm cho hoạt động thêm phong phú, do đó việc phát triển vốn từ cũng không là mục đích chính. Ngoài ra, một yếu tố nữa làm cho việc xuất hiện các trò chơi cho trẻ hạn chế, đó là vấn đề thời gian và kinh phí. Hầu như các giáo viên mầm non sử dụng các trò chơi học tập mang nội dung quá quen thuộc với trẻ, chưa thực sự thu hút trẻ, và chưa đưa ra mục đích rõ ràng là để phát triển vốn từ cho trẻ, vì thế giáo viên chưa chú tâm vào việc vốn từ của trẻ là đúng hay sai trong các trò chơi đó, và điều quan trọng hơn hết các trò chơi đó được chơi đi chơi lại nhiều lần, làm cho trẻ mau chóng nhàm chán, và trẻ sẽ không tích cực trong hoạt động đó.

Về phía trẻ, thực trạng vốn từ của trẻ vẫn còn ở mức trung bình và yếu khá nhiều, trẻ không được tự tin trả lời khi nghe câu hỏi của cô, trẻ còn lúng túng nhiều với các hình ảnh tưởng chừng là đã quá quen thuộc với trẻ, do đó các giáo viên mầm non cần dành nhiều thời gian để cung cấp vốn từ cho trẻ. Giáo viên sẽ là người hướng dẫn và dạy cho trẻ các từ mới, từ đó trẻ sẽ có những biểu tượng mới và vốn từ tương ứng với biểu tượng đó.

Ở chương III, chúng tôi sẽ tiến hành thiết kế và thử nghiệm một số trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi nhằm phát triển vốn từ, hi vọng với các trò chơi này sẽ giúp cho vốn từ của trẻ được chính xác và mở rộng hơn.

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ VÀ THỬ NGHIỆM MỘT SỐ TRÒ CHƠI HỌC TẬP NHẪM PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI

3.1. Nguyên tắc khi thiết kế trò chơi học tập cho trẻ

Khi thiết kế một trò chơi học tập mới cho trẻ, cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Trò chơi học tập phải mang ý nghĩa giáo dục. Khi thiết kế một trò chơi mới, ta cần phải hướng tới một mục đích giáo dục nhất định, nghĩa là thông qua trò chơi học tập đó sẽ dạy cho trẻ cái gì, hay phát triển trẻ ở những mặt nào...

- Trò chơi học tập luôn khơi gợi và tạo sự hứng thú đối ở trẻ, đối với cuộc sống xung quanh và giúp trẻ hiểu biết nhiều điều mới mẻ có trong cuộc sống xung quanh. Ngoài ra, trò chơi học tập cần kích thích sự sáng tạo của trẻ.

- Trò chơi học tập phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ. Nội dung trò chơi phải dựa vào đặc điểm của quá trình phát triển nhận thức và đáp ứng yêu cầu nhận thức của trẻ ở mức độ nào đó phù hợp với lứa tuổi mà người thiết kế muốn hướng tới.

3.2. Trò chơi học tập bằng lời

3.2.1. Trò chơi: Đoán ra chưa nào?

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên các đồ vật, đặc điểm và công dụng của đồ vật đó.

Phát triển khả năng suy luận, phán đoán khi đoán tên đồ vật được miêu tả.

Phát triển khả năng liên hệ, trí nhớ có chủ định khi tìm đồ vật có dấu hiệu giống với vật vừa được miêu tả.

Chuẩn bị

Một vòng tròn.

Cờ đỏ.

Luật chơi

Nói đúng tên đồ vật được miêu tả và nói đúng tên đồ vật có ít nhất một dấu hiệu đặc trưng giống với đồ vật được miêu tả. Mỗi đáp án đúng sẽ nhận được một cây cờ đỏ.

Tiến hành

Cô giới thiệu trò chơi cho trẻ: “Hôm nay, cô và các con sẽ cùng chơi một trò chơi mới, trò chơi này có tên Đoán ra chưa nào”. Cô yêu cầu trẻ ghép 3 bạn cùng một nhóm. Các nhóm sẽ đứng thành hình chữ U. Cô sẽ đặt một chiếc vòng vào giữa đội hình, xung quanh vòng tròn sẽ có các lá cờ đỏ.

Cô giải thích cách chơi cho trẻ: Các thành viên trong một nhóm sẽ tự thảo luận với nhau về đồ vật mà mình sẽ đổ các bạn (Ví dụ: cây chổi, cái nồi, cái chén...). Sau đó, lần lượt từng nhóm sẽ đứng tại chỗ và nói lên câu miêu tả của mình, và các nhóm phải lưu ý rằng khi nói xong câu miêu tả của mình, các nhóm phải nói từ “Hết” để kết thúc câu (Ví dụ: Đồ vật của mình được dùng để làm sạch nhà, được làm từ các sợi rơm, đổ các bạn biết đó là gì? Hết). Tiếp đến, khi nghe xong từ “Hết” của nhóm miêu tả, các nhóm còn lại nhóm nào biết thì cùng nhau nắm tay chạy vào vòng tròn đứng và cả 3 bạn sẽ đồng thanh trả lời đó là vật gì (Ví dụ: Đó là cây chổi quét nhà), nhóm trả lời đúng sẽ được lấy một cây cờ đỏ đặt ở dưới chân. Trả lời sai sẽ không được nhận cờ. Tuy nhiên, vẫn còn có một cơ hội, nếu nhóm đó nói được đồ vật nào cũng có một dấu hiệu đặc trưng giống với đáp án thì sẽ được lấy một cờ đỏ (Ví dụ: Cây lau nhà cũng giống như cây chổi ở đặc điểm là làm sạch nhà).

3.2.2. Trò chơi: Bù vào chỗ thiếu

Mục đích

Phát triển khả năng quan sát và vốn từ của trẻ thông qua việc phân tích và nói lên quá trình lớn lên của các con vật bằng tranh.

Chuẩn bị

3 – 4 bộ lô tô về quá trình lớn lên của các con vật quen thuộc: gà, vịt, lợn, thỏ...

Bảng ni.

Luật chơi

Ai tìm thấy tranh để bù vào chỗ thiếu đúng và nhanh nhất là thắng.

Tiến hành

Cô giới thiệu tên trò chơi và cách chơi với trẻ. Cô cho trẻ chơi theo nhóm, một nhóm từ 5 – 6 trẻ chơi, mỗi nhóm sẽ ngồi thành một hình vòng cung nhỏ.

Cô xếp lô tô quá trình lớn lên của một con vật, nhưng còn thiếu một giai đoạn. Các nhóm sẽ cùng nhau quan sát. Sau đó các nhóm sẽ thảo luận và đại diện một người chạy lên chọn lô tô còn thiếu dán lên bảng và giải thích sẽ đặt ở đâu trong dãy lô tô cô đã xếp. Các nhóm sẽ thi nhau ai chọn và đặt đúng lô tô vào chỗ còn thiếu nhanh hơn.

Những lần chơi sau, cô có thể bỏ trống 2 – 3 lô tô.

Lưu ý: Cô có thể cho trẻ chơi với nhiều cách khác:

- Chơi tương tự như trên, nhưng cô xếp thiếu và sai trật tự để trẻ phát hiện và sửa lại.
- Chơi tương tự như trên, nhưng cô không xếp tranh mà cô sẽ miêu tả sai hoặc thiếu quá trình lớn lên của một con vật. Trẻ lắng nghe và sửa lại (Ví dụ: Cô nói “Gà mẹ đẻ ra gà con. Gà con lớn lên thành gà mái, gà trống”. Trẻ lắng nghe và sửa lại “Gà mẹ đẻ ra trứng. Trứng nở thành gà con. Gà con lớn thành gà mái, gà trống”).

3.2.3. Trò chơi: Đố bạn, mình đang làm gì?

Mục đích

Phát triển vốn từ về hành động diễn ra trong cuộc sống xung quanh trẻ: chạy, nhảy, ăn, ngủ, mặc áo...

Phát triển tính nhanh nhạy của tư duy.

Chuẩn bị

Một trái bóng.

Luật chơi

Trẻ nói đúng tên hành động được miêu tả.

Tiến hành

Cô và trẻ cùng nhau nắm tay hát “Bóng tròn to”. Sau khi cả lớp đã ổn định ở đội hình vòng tròn, cô giới thiệu trò chơi với trẻ.

Cô giới thiệu cách chơi cho trẻ: Cô sẽ diễn tả một hành động và không nói gì, trẻ sẽ chăm chú xem (Ví dụ: Cô diễn tả động tác: một tay cầm cốc, một tay dùng ngón trỏ chà chà vào răng). Tiếp đến, cô sẽ ném trái bóng vào một bạn, bạn đó sẽ trả lời nhanh hành động cô vừa diễn tả được gọi là gì (Ví dụ: Đó là hành động đánh răng). Khi bạn đó trả lời đúng, bạn sẽ đặt trái bóng xuống chân của mình, và diễn tả một hành động khác, sau khi diễn tả xong, bạn sẽ thả bóng cho một bạn khác và bạn nhận được

bóng sẽ đoán. Cứ thế, trò chơi sẽ được tiếp tục. Cô đứng ngoài theo dõi, giúp đỡ trẻ khi gặp khó khăn (Ví dụ: Khi trẻ không nói được tên hành động mà bạn diễn tả, cô yêu cầu một trẻ khác hoặc cả lớp sẽ cùng nhau trả lời).

3.2.4. Trò chơi: Vòng xoay thần tốc

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên, môi trường sống và lợi ích của các con vật: gà cho trứng, cá sống dưới nước, bò cho sữa...

Rèn tính phản xạ nhanh của trẻ.

Chuẩn bị

Vòng tròn quay bằng bìa có các ô chỉ ra đặc điểm của các con vật: nơi sống, ích lợi, khuôn mặt cười, khuôn mặt khóc, nốt nhạc.

Kẹo.

Luật chơi

Mũi tên chỉ vào ô có hình thức ăn hoặc môi trường sống thì trẻ sẽ nói tên 2 con vật tương ứng với ô đó.

Mũi tên chỉ vào ô khuôn mặt cười thì được thêm lượt.

Mũi tên chỉ vào ô khuôn mặt khóc thì mất lượt.

Mũi tên chỉ vào ô nốt nhạc thì hát một bài có nhắc đến một con vật.

Với mỗi câu trả lời đúng sẽ được thưởng một viên kẹo. Nhóm nào có kẹo nhiều nhất sẽ thắng.

Tiến hành

Cô giới thiệu tên trò chơi và cách chơi với trẻ. Cô chia trẻ làm 2 đội, sau đó sẽ cử nhóm trưởng của mỗi đội oẳn tù tì, đội nào thắng chơi trước. Đội thắng lên quay vòng tròn, sau đó sẽ thảo luận trong vòng 5 giây để đưa ra đáp án tương ứng. Nếu vào các ô đặc biệt thì thực hiện như luật chơi. Đội thua sẽ đếm giây và cùng cô kiểm tra kết quả của đội bạn. Tiếp theo, đội còn lại sẽ lên chơi.

3.2.5. Trò chơi: Mùa nắng, mùa mưa

Mục đích

Phát triển vốn từ về mùa mưa và mùa nắng: nóng, mát, đi chơi, áo thun, áo ấm...

Phát triển tính phản xạ nhanh nhạy của trẻ.

Trẻ biết được các đặc điểm, hoạt động và trang phục trong hai mùa: mùa mưa và mùa nắng.

Chuẩn bị

Thẻ hình có kích cỡ A4 về đặc điểm, hoạt động và trang phục có trong mùa nắng hoặc mùa mưa.

Một vòng tròn.

Luật chơi

Trẻ đoán đúng thẻ hình mà mình đang cầm nói về mùa gì để có thể chạy về vòng tròn kịp lúc khi nghe cô hô to mùa của mình.

Trẻ nói đúng các thẻ hình mà bạn mình đang cầm là nói về điều gì.

Tiến hành

Cô trò chuyện với trẻ về thời tiết trong ngày: “Hôm nay các con thấy thời tiết như thế nào? Nóng hay mát? Các con có thích thời tiết như vậy không? Ở nơi chúng ta ở có bao nhiêu mùa?”. Cô giới thiệu trò chơi cho trẻ: “Cô và các con sẽ cùng chơi một trò chơi để biết được đặc điểm, các hoạt động nên làm và các trang phục nên mặc trong hai mùa đặc trưng ở nơi ta đang sống nhé, trò chơi có tên là Mùa nắng, mùa mưa”.

Cô giới thiệu cách chơi cho trẻ. Cô vẽ hoặc dán một hình tròn to ở giữa lớp. Cô phát cho mỗi trẻ một thẻ hình về hoạt động, trang phục hay các đặc điểm có trong mùa nắng hoặc mùa mưa (Ví dụ: thẻ hình áo ấm, quần dài, em bé đội nón, ông mặt trời, mây đen...). Cô yêu cầu trẻ xem kỹ thẻ hình của mình. Sau đó, cô cho trẻ đi thoải mái trong phòng, trẻ vừa đi vừa hát một bài mà trẻ thích. Đồng thời, cô sẽ bắt thành linh hô to: “Trời nắng rồi”, thì những bạn nào có thẻ hình liên quan đến mùa nắng sẽ đứng vào vòng tròn ở giữa lớp và đưa thật cao thẻ hình của mình lên. Còn những bạn đứng ngoài vòng tròn sẽ cùng nhau đoán thẻ hình mà các bạn ở mùa nắng đang cầm là

nói đến điều gì. Sau đó, trò chơi lại tiếp tục. Cô có thể yêu cầu trẻ đổi thẻ hình với nhau trong khi chơi.

3.2.6. Trò chơi: Đoán tên, tìm họ hàng

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên và đặc điểm các loại rau ăn lá, rau ăn củ, trái cây.

Phát triển khả năng quan sát và tri giác cho trẻ.

Chuẩn bị

Thẻ hình các loại rau ăn củ, rau ăn quả, rau ăn lá, trái cây.

Bàn cờ quay.

Bảng, rô.

Bông hoa nhiều màu.

Luật chơi

Trẻ tìm đúng những thẻ hình cùng nhóm với loại rau ăn lá, rau ăn quả hoặc trái cây mà bạn mình quay được.

Trẻ đọc được tên của thẻ hình.

Tiến hành

Cô trò chuyện và giới thiệu trò chơi với trẻ: “Sáng nay các con ăn sáng có ngon không? Các con ăn món gì? Món ăn đó được nấu từ những loại thực phẩm nào? Hôm nay, cô sẽ giới thiệu với con về một trò chơi, trong trò chơi đó cũng sẽ nhắc đến loại thực phẩm như các con vừa kể: rau ăn củ, rau ăn lá và trái cây. Trò chơi có tên là Đoán tên, tìm họ hàng”.

Cô trình bày cách chơi cho trẻ. Cô chia trẻ thành 2 nhóm. Mỗi nhóm sẽ có một rô thẻ hình cho mình. Mỗi nhóm sẽ chọn một bạn lên quay bàn cờ quay để chọn hình (trên bàn cờ quay sẽ có 3 hình, đại diện cho 3 loại: rau ăn quả, rau ăn lá, trái cây). Trẻ quay được hình nào sẽ gỡ hình đó ra và gắn lên bảng. Các bạn còn lại trong nhóm sẽ tìm thẻ hình có trong rô của nhóm mình cùng loại với hình mà bạn mình quay được (Ví dụ: Trẻ quay được hình rau ăn lá, các bạn trong nhóm tìm thẻ hình cùng nhóm với rau ăn lá như: xà lách, cải xanh...). Sau khi tìm được hình, từng bạn sẽ đọc lên tên thẻ hình mà mình tìm được và nói thuộc loại nào. Mỗi hình tìm đúng và đọc tên đúng sẽ được một bông hoa. Nhóm nào nhiều bông hoa nhất sẽ thắng.

3.2.7. Trò chơi: Bé thích màu quả nào?

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên và màu sắc của các loại quả: quả chuối vàng, quả nho tím, quả táo xanh, quả mận đỏ...

Trẻ biết phân loại quả theo màu sắc và tập so sánh theo số đếm.

Chuẩn bị

Rổ đựng quả nhựa có các màu:

- Vàng: quả chuối, quả lê, quả xoài, quả đu đủ...
- Xanh: quả bầu, quả bí, quả táo, quả dưa gang, quả măng cầu...
- Đỏ: quả hồng, quả mận, quả ớt...
- Tím: quả cà, quả nho...

Luật chơi

Mỗi trẻ chỉ chọn một quả có màu mình yêu thích.

Trẻ nói đúng tên và tìm đúng bạn có quả cùng màu với mình.

Tiến hành

Cô cho trẻ đứng thành vòng tròn. Cả lớp sẽ cùng nhau hát một bài hát yêu thích và cô sẽ là người cầm rổ quả đi đến từng người. Mỗi trẻ chơi được chọn một quả có màu sắc yêu thích. Khi thấy quả trong rổ đã hết thì cô hô to “Tôi thích quả có màu xanh/ đỏ/ tím/ vàng”. Trẻ sẽ nhanh chóng tìm bạn có quả cùng màu sắc, gọi to tên quả của mình và màu của quả đó lên, như: “quả nho tím”, “quả lê vàng”, “quả táo xanh”, “quả ớt đỏ”. Sau đó, cô cho trẻ đếm số lượng quả có trong nhóm của mình. Trẻ nhớ số lượng để so sánh với các nhóm còn lại. Trong lần chơi tiếp theo, trẻ đổi quả cho nhau.

3.2.8. Trò chơi: Ở đâu, bạn có nhớ không?

Mục đích

Phát triển vốn từ về không gian: trên, dưới, trước, sau.

Phát triển trí nhớ và khả năng tập trung chú ý của trẻ.

Chuẩn bị

Tranh mẫu.

2 tranh không có đồ vật.

Rỏ, keo hai mặt.

Các thẻ hình đồ vật.

Luật chơi

Trẻ nhớ và đặt đúng vị trí của đồ vật giống với tranh mẫu của cô.

Trẻ nói được nơi để đồ vật.

Tiến hành

Cô giới thiệu cho trò chơi với trẻ: “Hôm nay, cô có một trò chơi mới cho các con, trò chơi có tên là Ở đâu, bạn có nhớ không?”. Cô cho trẻ ngồi thành hình vòng cung.

Cô cho trẻ quan sát bức tranh mẫu, trong tranh có hình các đồ vật khác nhau được đặt ở những nơi khác nhau (Ví dụ: Bình hoa đặt trên bàn, búp bê đặt trên ghế...) trong vòng 5 phút. Sau đó, cô cất bức tranh đi. Cô chia trẻ thành hai nhóm, phát cho mỗi nhóm một bức tranh có không gian giống với bức tranh vừa rồi nhưng không có hình các đồ vật, và một rỏ có các thẻ hình đồ vật. Cô yêu cầu các thành viên trong nhóm tự thảo luận với nhau, để cùng nhau nhớ lại vị trí của các đồ vật, sau đó sẽ tiến hành lấy các thẻ hình trong rỏ và gỡ băng keo đằng sau thẻ ra để dán vào vị trí thích hợp của bức tranh. Thời gian để hai nhóm làm là một bản nhạc, sau khi hết nhạc, hai nhóm sẽ đem nộp lại cho cô bức tranh hoàn chỉnh của mình. Cuối cùng, cô sẽ cùng cả lớp kiểm tra và so sánh với bức tranh mẫu. Trong quá trình kiểm tra, cô chỉ đến đồ vật nào, trẻ phải đọc to đồ vật đó được đặt ở đâu. Nhóm nào đặt đúng vị trí của nhiều đồ vật nhất sẽ thắng.

3.2.9. Trò chơi: Ước mơ của bé

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên và đặc điểm của các ngành nghề: giáo viên, bác sĩ, phi công...

Phát triển khả năng phán đoán và phân tích của trẻ.

Trẻ biết miêu tả ngành nghề theo các dấu hiệu đặc trưng.

Trẻ biết và đoán được tên các ngành nghề được nhắc đến.

Chuẩn bị

Thẻ hình về các ngành nghề.

Luật chơi

Trẻ miêu tả không được nhắc đến tên ngành nghề mà mình muốn nói.

Trẻ đoán phải đoán đúng tên ngành nghề mà bạn mình miêu tả.

Tiến hành

Cô trò chuyện và giới thiệu trò chơi với trẻ: “Tương lai các con muốn làm nghề gì? Có các ngành nghề nào mà con biết? Cô có một trò chơi nói về các ngành nghề, chúng ta cùng chơi nhé! Trò chơi có tên là: Ước mơ của bé”.

Cô cho trẻ bắt cặp hai bạn chung một nhóm. Lần lượt từng nhóm sẽ lên chơi, các nhóm còn lại sẽ ngồi dưới xem. Cô cho hai trẻ đứng quay lưng lại với nhau. Cô cho một trẻ xem thẻ hình về ngành nghề. Sau đó, hai trẻ sẽ quay mặt lại với nhau. Trẻ được xem hình sẽ diễn tả về ngành nghề mà mình thấy được (Ví dụ: mặc áo trắng, biết khám bệnh, có tai nghe...), tuyệt đối trong lời miêu tả của trẻ không được nhắc đến tên của ngành nghề. Nếu vi phạm sẽ không được chơi tiếp. Bạn còn lại sẽ đoán tên. Mỗi nhóm như vậy sẽ được xem 2 ngành nghề. Hai bạn trong nhóm sẽ thay phiên nhau miêu tả.

3.2.10. Trò chơi: Nhanh tay, lẹ mắt

Mục đích

Phát triển vốn từ về các đặc điểm, đặc trưng của các loại quả: quả chanh chua, quả mít to, quả chôm chôm xù xì...

Phát triển vốn từ về các cặp từ trái nghĩa: chua/ ngọt, to/ bé, nặng/ nhẹ, xù xì/ nhẵn...

Phát triển khả năng phân loại quả theo các đặc điểm, đặc trưng bằng tranh kết hợp với lời nói.

Chuẩn bị

Tranh các loại quả.

Luật chơi

Trẻ chọn tranh và gọi tên quả theo đặc điểm nêu ra.

Khi trò chơi kết thúc, nhóm nào còn nhiều thành viên nhất sẽ thắng.

Tiến hành

Cô cho trẻ chơi theo nhóm, một nhóm từ 5 - 6 trẻ, mỗi nhóm sẽ ngồi thành một vòng tròn nhỏ. Cô để các tranh quả ở giữa vòng tròn của mỗi nhóm. Khi cô nói tên nhóm quả thì trẻ chơi vừa chọn tranh vừa nói tên quả. Nếu trẻ chỉ chọn tranh mà không nói tên quả, hoặc chỉ nói tên quả mà không chọn tranh, hoặc chọn quả sai đặc điểm nhóm thì bị loại thành viên đó. (Ví dụ: Cô nói “Quả chua/ ngọt”, trẻ sẽ chọn tranh và nói “Quả chanh chua/ quả xoài ngọt”).

Cô có thể cho một trẻ lên làm trưởng trò thay cô.

3.2.11. Trò chơi: Người bí ẩn

Mục đích

Phát triển vốn từ về đặc điểm bên ngoài của con người: mặc váy, nơ xanh, tóc thắt bím...

Phát triển khả năng phán đoán của trẻ.

Trẻ biết miêu tả đặc điểm bên ngoài của các bạn trong lớp, trẻ đoán biết dựa vào các câu miêu tả đó và đoán được tên bạn.

Chuẩn bị

Kẹo.

Luật chơi

Trẻ biết dựa vào các lời gợi ý của 2 bạn trong lớp để đoán đúng tên bạn vừa vỗ tay.

Tiến hành

Cô và trẻ đứng thành vòng tròn. Cô giới thiệu trò chơi: “Cô có một trò chơi rất vui và hấp dẫn, trò chơi có tên là Người bí ẩn, để biết rõ hơn về trò chơi, mình cùng chơi nhé”.

Cô mời một trẻ xung phong lên chơi trước. Trẻ đó sẽ ngồi ở chính giữa vòng tròn và úp mặt lại. Cô chọn một trẻ khác (không gọi tên trẻ đó lên) và yêu cầu trẻ sẽ vỗ tay 3 cái. Sau đó, trẻ ngồi ở giữa vòng tròn sẽ mở mắt ra và đoán ai vừa vỗ tay, với 2 lời gợi ý từ 2 bạn khác nhau trong lớp để có thể biết được người vỗ tay đó là ai (Ví dụ: Bạn Hồng gợi ý: bạn vỗ tay là bạn mặc váy; Bạn Nam gợi ý: bạn vỗ tay là bạn thắt hai bím tóc). Lưu ý là 2 bạn gợi ý chỉ được nêu một đặc điểm của người vỗ tay và không được nhắc đến tên bạn ấy. Bạn ngồi ở giữa vòng tròn không được mở mắt cho đến khi

nghe xong 3 tiếng vỗ tay. Nếu đoán đúng tên bạn vỗ tay thì sẽ được thưởng một viên kẹo và về vòng tròn ngồi, thay thế bạn khác lên chơi (do xung phong hoặc do cô chọn). Còn nếu đoán sai trẻ đó sẽ tiếp tục ngồi ở giữa vòng tròn và đoán tiếp.

3.2.12. Trò chơi: Em tập lái ô tô

Mục đích

Phát triển vốn từ về các chuyển động: xuyên qua, lên dốc, xuống dốc.

Phát triển khả năng quan sát và trí tưởng tượng của trẻ.

Phát triển khả năng tập trung chú ý, rèn tính phản xạ nhanh nhạy của trẻ.

Chuẩn bị

Không cần.

Luật chơi

Trẻ nghe theo khẩu lệnh của cô và thực hiện đúng động tác.

Tiến hành

Cô cho trẻ xếp thành 3 hàng dọc và đứng trước mặt cô. Cô giới thiệu trò chơi cho trẻ: “Cô có một trò chơi rất thú vị, có tên là Em tập lái ô tô, cô dạy cho các con chơi thử nha”.

Đầu tiên, cô diễn tả các động tác cho trẻ xem. Tay trái cong lại tạo thành một cái dốc cao, tay phải co cụm lại tạo thành một chiếc xe ô tô. Trò chơi sẽ có 3 khẩu lệnh:

Khẩu lệnh 1: Xe lên dốc: tay phải chạy dọc lên từ các ngón tay trái lên cổ tay bàn tay trái.

Khẩu lệnh 2: Xe xuống dốc: tay phải chạy từ cổ tay bàn tay trái xuống cánh tay trái.

Khẩu lệnh 3: Xe chạy xuyên qua đường hầm: tay phải luôn dưới tay trái.

Sau đó, cô và trẻ sẽ cùng chơi. Cô sẽ là người đọc khẩu lệnh các động tác và trẻ là người thực hiện động tác. Cô cũng có thể vừa đọc vừa thực hiện động tác, tuy nhiên, đôi khi động tác của cô sẽ sai với khẩu lệnh, vì vậy trẻ phải làm theo khẩu lệnh của cô chứ không được nhìn theo tay cô. Ai làm sai khẩu lệnh sẽ bị phạt.

3.2.13. Trò chơi: Tôi muốn, tôi muốn

Mục đích

Phát triển vốn từ về đặc điểm của các con vật và phân loại động vật.

Phát triển khả năng tập trung chú ý của trẻ.

Chuẩn bị

Một cái túi.

Thẻ hình.

Luật chơi

Trẻ đoán được mình thuộc nhóm động vật nào và đoán được tên con vật của bạn thông qua lời diễn tả về một vài đặc điểm của con vật đó.

Tiến hành

Cô và trẻ ngồi thành vòng tròn, trò chuyện về các loài động vật sống trong rừng, trong nhà và dưới nước, cô yêu cầu trẻ kể tên một số con vật điển hình cho các loài động vật đó. Cô giới thiệu trò chơi cho trẻ: “Cô có một trò chơi nói về các loài động vật rất thú vị, hôm nay cô và các con sẽ cùng nhau chơi thử nha”.

Đầu tiên, cô yêu cầu trẻ chuyển một chiếc túi cô đã chuẩn bị sẵn, trong đó có các thẻ hình về các con vật, chiếc túi đến tay bạn nào, bạn đó sẽ lấy từ trong túi một thẻ hình và giữ cho riêng mình, không cho bạn khác thấy. Sau khi tất cả các trẻ trong vòng tròn đều có thẻ hình cho riêng mình thì cô yêu cầu trẻ xem kỹ con vật có trong thẻ hình của mình. Tiếp theo, cô hướng dẫn cho trẻ chơi. Cô mở bài nhạc và cô với trẻ sẽ đi xung quanh lớp. Khi cô nói: Tôi muốn, tôi muốn... thì trẻ sẽ đáp lại: Muốn gì, muốn gì... Cô sẽ nói tiếp một yêu cầu và trẻ sẽ làm theo (Ví dụ: Cô nói “Tôi muốn các bạn có thẻ hình con vật sống trong rừng ngồi xuống” thì lập tức các bạn có thẻ hình thuộc loài động vật sống trong rừng sẽ ngồi xuống như: con sư tử, con khỉ, con voi...). Sau khi thực hiện xong yêu cầu của cô, các bạn đó sẽ diễn tả cho các bạn còn lại biết mình là con vật gì (Ví dụ: Tôi là con vật sống trong rừng, có một cái vòi rất dài và thân hình tôi rất to), các bạn còn lại sẽ đoán tên con vật và kiểm tra thẻ hình mà bạn đang cầm để biết được bạn đó có phải thuộc nhóm theo yêu cầu của cô không. Sau khi các bạn diễn tả xong hết, cô sẽ cho trẻ tiếp tục chơi và cô đặt yêu cầu với 2 loài động vật còn lại. Cứ như vậy, cô có thể hoán đổi các thẻ hình giữa các bạn với nhau và chơi.

3.2.14. Trò chơi: Hiểu ý đồng đội

Mục đích

Phát triển vốn từ thông qua tiếng kêu của con vật và kèm theo số lượng con vật: con heo, con gà, con vịt...

Ôn số lượng từ 1 đến 5.

Phát triển khả năng quan sát và tri giác có chủ định.

Chuẩn bị

Thẻ hình và số.

Rổ, bảng.

Vòng tròn nhỏ.

Bài hát có thời gian khoảng 2 phút.

Luật chơi

Trẻ đoán đúng được số lượng con vật và tên con vật do đồng đội mình diễn tả.

Một cặp hình đúng sẽ được một điểm. Đội nào được nhiều điểm nhất sẽ thắng.

Tiến hành

Cô tạo tình huống và giới thiệu trò chơi với trẻ: Cô cho trẻ nghe một bài nhạc có các con vật như: “Gà trống, mèo con và cún con”. Sau đó cô hỏi trẻ: “Bài hát có những con vật gì? Những con vật đó kêu như thế nào? Cô thấy các con trả lời rất giỏi, cô sẽ thưởng cho con một trò chơi mới cũng có liên quan đến tiếng kêu của con vật, trò chơi có tên là Hiểu ý đồng đội”.

Cô giới thiệu cách chơi cho trẻ. Cô cho trẻ tự bắt nhóm với nhau, 2 bạn một nhóm. Một bạn sẽ là người diễn tả và bạn còn lại sẽ là người đoán. Cô cho một nhóm xung phong lên chơi trước. Cô sẽ phát cho nhóm chơi một rổ hình, rổ hình đó dành cho bạn đoán. Cô đặt một tấm bảng chính giữa ngăn cách 2 người chơi. Đầu tiên, cô sẽ lấy một thẻ hình bất kỳ và cho bạn diễn tả xem trong vòng 5 giây. Sau đó, bạn diễn tả sẽ chạy tới chỗ vòng tròn cô đã đánh dấu sẵn và diễn tả cho đồng đội của mình bằng cách: dùng ngón tay thể hiện số lượng và dùng tiếng kêu của con vật để nói lên con vật đó (Ví dụ: Thẻ hình 2 con vịt: trẻ sẽ xòe 2 ngón tay và diễn tả tiếng kêu của con vịt “cạp, cạp”). Sau khi diễn tả xong bạn đó sẽ chạy về chỗ cũ và bạn còn lại sẽ tìm trong

rõ thể hình mà đồng đội mình muốn nói đến và dán lên bảng. Thời gian chơi là một bài hát, hết bài hát trò chơi sẽ được ngừng lại và kiểm tra kết quả.

3.2.15. Trò chơi: Nhớ về Bác

Mục đích

Phát triển vốn từ về không gian và hướng đi: trái, phải, đi thẳng, quẹo trái...

Phát triển khả năng quan sát cho trẻ.

Phát triển tư duy trực quan sơ đồ, khả năng ghi nhớ và tri giác có chủ định.

Chuẩn bị

Sơ đồ đường đi.

Luật chơi

Trẻ xác định đúng nơi chốn diễn ra bức hình và nói đúng đường đi để đưa các bức hình về đúng với nơi chốn của nó.

Mục đích

Cô trò chuyện với trẻ về Bác Hồ, cô cho trẻ xem hình ảnh về Bác, trong đó có 3 bức hình: Bác đang làm việc, Bác lúc trẻ và Bác khi mất. Cô cho trẻ biết về nội dung các bức hình và mỗi bức sẽ được diễn ra ở mỗi nơi khác nhau: Bác làm việc ở nhà sàn thuộc Pác Pó, Bác sinh ra ở quê nhà, Bác mất và được chôn cất ở Ba Đình thuộc Hà Nội. Cô giới thiệu về trò chơi cho trẻ: “Hôm nay, cô có một trò chơi nhỏ, trò chơi có tên là Nhớ ơn Bác, để biết rõ hơn về trò chơi, các con phải chú ý lắng nghe cách chơi nha”.

Cô cho trẻ xem một sơ đồ và giới thiệu về sơ đồ: “Trên sơ đồ có rất nhiều đường đi và lối rẽ, trên sơ đồ cũng có các tấm hình, các con kể thử cho cô nghe các tấm hình đó nói về điều gì không? Cũng như cô đã nói với con, mỗi tấm hình sẽ được diễn ra ở một nơi chốn khác nhau, trò chơi này cũng nói đến vấn đề đó, trò chơi yêu cầu các con phải xác định nơi chốn của tấm hình và tìm ra đúng đường để đưa tấm hình về đúng nơi của nó”. Cô cho trẻ xem sơ đồ và thảo luận các hướng đi trong vòng 3 phút. Sau đó, cô có thể mời một trẻ đứng lên nói hướng đi mà mình chọn cho bức hình. Cả lớp có thể hỗ trợ cho bạn mình.

3.3. Trò chơi học tập kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin

3.3.1. Trò chơi: Sắc màu lung linh

Mục đích

Phát triển và mở rộng vốn từ về màu sắc cho trẻ: màu cam, màu hồng, màu nâu.

Phát triển khả năng quan sát và khả năng ghi nhớ có chủ định.

Củng cố các màu sắc cho trẻ.

Chuẩn bị

Powerpoint trò chơi

Luật chơi

Trẻ tìm đúng các cặp hình màu và tìm được các vật dụng có màu tương tự trong thực tế.

Tiến hành

Cô cho trẻ ngồi theo hình vòng cung và giới thiệu trò chơi với trẻ: “Cô có một trò chơi mới, cô cho lớp mình chơi thử nhé, trò chơi có tên là Sắc màu lung linh?”.

Đầu tiên, cô cho trẻ xem các ô bí mật có trên màn hình. Cô yêu cầu mỗi trẻ lật 2 ô một lần để tìm ra các cặp màu giống nhau. Sau khi lật xong hết các ô, cô cho trẻ xem các cặp màu mà trẻ lật được và yêu cầu cả lớp đọc tên các cặp màu đó lên. Tiếp theo, cô cho trẻ xem các hình vật dụng và yêu cầu trẻ tìm đồ vật có màu tương tự với cặp màu mà trẻ đã lật được. Cô cho trẻ đọc tên vật dụng và màu của vật dụng đó lên. Sau khi tìm đúng, trẻ sẽ áp dụng thực tế là tìm đồ vật ở trong lớp có màu giống với màu mà trẻ vừa lật.

Lưu ý: Với những màu mà trẻ không nhớ hoặc không biết, cô có thể gợi ý cho trẻ hoặc dạy cho trẻ đọc tên màu mới đó.

3.3.2. Trò chơi: Bé tập trang trí nhà

Mục đích

Phát triển vốn từ về các vật dụng và chức năng của các vật dụng đó: cái chén để đựng cơm, cái gối để ngủ...

Phát triển khả năng quan sát và trí nhớ có chủ định.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ chọn đúng vật dụng thích hợp với căn phòng và nói lên được chức năng của vật dụng đó. Nhóm nào chọn đúng nhiều vật dụng nhất sẽ thắng.

Tiến hành

Cô trò chuyện về ngôi nhà của trẻ được trang trí như thế nào: “Trong nhà của các con có những phòng nào? Trong phòng có những gì? Thường thì ai sẽ là người chọn mua và để những vật dụng đó trong phòng? Các con có thích được là người chọn những vật dụng để trong phòng không?”. Cô giới thiệu trò chơi với trẻ: “Hôm nay, cô sẽ cho các con chơi một trò chơi, ở trò chơi này các con có thể tự chọn các vật dụng để trang trí, chúng ta cùng thử nhé”.

Đầu tiên, cô chia trẻ thành 3 nhóm. Mỗi nhóm sẽ nhìn lên màn hình và chọn cho mình một thẻ hình, sau khi đã chọn xong hết, cô sẽ lật các thẻ hình đó ra và cho trẻ nói tên phòng của nhóm mình. Trò chơi này sẽ là lần lượt từng nhóm chơi. Cô cho trẻ xem các vật dụng và yêu cầu trẻ chọn ra các vật dụng phù hợp với căn phòng của mình, sau khi chọn xong trẻ phải nói được công dụng của vật đó. Cô sẽ kiểm tra liên kết quả của trẻ bằng cách nhấp vào các hình vật dụng xem đúng hay sai. Nhóm nào nhiều vật dụng đúng nhất sẽ chiến thắng. Ngoài ra, cô còn có thể hỏi trẻ câu hỏi mở: “Ngoài những vật dụng này, các con còn muốn thêm cái nào nữa không?”. Câu hỏi này sẽ là trả lời theo cá nhân.

3.3.3. Trò chơi: Đâu là đúng, đâu là sai?

Mục đích

Phát triển vốn từ về đặc điểm và âm thanh của các phương tiện giao thông.

Phát triển khả năng quan sát và tri giác có chủ định.

Phát triển tư duy cho trẻ thông qua suy luận, phán đoán của trẻ.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ tự suy luận và nói lên được những điều không hợp lý có trong slide power point, trẻ diễn tả được âm thanh của các phương tiện giao thông.

Tiến hành

Cô cho trẻ ngồi ổn định giới thiệu về trò chơi với trẻ: “Các con có muốn chơi thử một trò chơi mới không? Trò chơi có tên là Đâu là đúng, đâu là sai? Trò chơi này đòi hỏi các con phải tự tìm ra điểm không đúng trong hình, giờ mình cùng chơi nhé”.

Đầu tiên, cô cho trẻ xem slide có hình các phương tiện giao thông và yêu cầu trẻ tìm ra những điều không đúng và nói lên được lý do vì sao nó không đúng (Ví dụ: Ô tô bay trên trời là sai, vì ô tô chỉ chạy được dưới đất). Sau khi trẻ đã tìm được đúng hết các điểm sai thì cô cho trẻ nghe âm thanh của các phương tiện giao thông và yêu cầu cả lớp diễn tả lại bằng lời các âm thanh đó. Tiếp theo, cô chia trẻ thành 3 nhóm, một nhóm là ô tô, một nhóm là máy bay, nhóm còn lại là xe lửa. Khi cô đọc đến tên nhóm nào, nhóm đó sẽ mô tả lại âm thanh của nhóm mình (Ví dụ: Máy bay là ù ù ù...; Xe ô tô là ịn ịn ịn...; Xe lửa là xình xịch xình xịch...).

3.3.4. Trò chơi: Bé làm việc tốt

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên các con vật và môi trường sống của các con vật đó: trên cạn, dưới nước.

Phát triển khả năng quan sát và trí nhớ của trẻ.

Củng cố về môi trường sống của con vật.

Chuẩn bị

Power point về trò chơi:

Hình ảnh các con vật hoàn chỉnh và bị cắt thành nhiều mảnh.

Hình ảnh môi trường sống của con vật.

Luật chơi

Trẻ tìm và ghép đúng các mảnh ghép để tạo thành hình một con vật hoàn chỉnh.

Trẻ chọn và nói được môi trường sống của con vật.

Tiến hành

Cô tạo tình huống với trẻ, bằng cách cho trẻ nghe tiếng kêu của các con vật và cho trẻ đoán tên các con vật. Cô tiếp tục trò chuyện với trẻ: “Cô và các con cùng nhau có một trò chơi để giúp các bạn động vật nha, trò chơi có tên là Bé làm việc tốt”.

Cô giới thiệu cách chơi với trẻ: “Ở đây, cô có rất nhiều hình về các bạn động vật, nhưng chúng đã bị cắt đi thành nhiều mảnh, bây giờ các con hãy giúp các bạn chọn các mảnh ghép thích hợp để ghép lại thành một hình hoàn chỉnh nhé”. Sau khi đã ghép xong hình các con vật hoàn chỉnh, cô yêu cầu trẻ tìm môi trường sống của chúng bằng cách chọn một trong 2 bức hình: hình trên cạn và hình dưới nước. Cô kiểm tra kết quả cho trẻ bằng cách chọn tấm hình trẻ chọn, hình đúng sẽ nghe thấy tiếng vỗ tay, hình sai sẽ bị biến mất đi.

3.3.5. Trò chơi: Heo con dũng cảm

Mục đích

Phát triển vốn từ về không gian và hướng di chuyển: rẽ trái, rẽ phải, đi thẳng.

Phát triển khả năng quan sát và tư duy trực quan sơ đồ.

Rèn luyện khả năng phân tích của trẻ.

Củng cố số lượng 3.

Chuẩn bị

Power point về trò chơi: Sơ đồ trò chơi.

Luật chơi

Trẻ tìm đúng đường đi sao cho nhặt được 3 chìa khóa và tránh gặp mặt Sói để đến được ngôi nhà.

Trẻ nói lên được hướng đi trên sơ đồ.

Tiến hành

Cô giới thiệu về trò chơi cho trẻ: “Các con có thương yêu bạn bè của mình không? Các con có thích được giúp đỡ bạn bè của mình không? Cô được biết có một trò chơi nói về một đôi bạn rất yêu thương nhau, đó là bạn Heo con và bạn Dê con, nhưng Dê con đã bị một con Sói già bắt đi, bạn Heo con muốn đi cứu bạn Dê con nhưng lại không biết đường, chúng ta sẽ cùng nhau tham gia vào trò chơi để giúp đỡ bạn Heo con nha, trò chơi có tên là Heo con dũng cảm”.

Cô hướng dẫn cách chơi cho trẻ: “Các con hãy nhìn vào sơ đồ có trên màn hình, các con thấy rằng bạn Dê con đã bị bắt nhốt ở một nơi rất xa, ở nơi đó bạn Dê con đã bị Sói già nhốt vào một ngôi nhà có tới 3 ổ khóa. Vì vậy, khi giúp bạn Heo con các con phải chọn con đường nào dẫn đến ngôi nhà mà có thể lấy được 3 chiếc chìa khóa và tránh gặp mặt Sói già, vì Sói già rất gian ác, luôn rình rập để bắt bạn Heo con ăn thịt, các con nhớ nhé”. Cô cho trẻ tự thảo luận với nhau và mời từng trẻ đứng lên nói một đoạn đường đi và hỏi trẻ vì sao chọn đường đó. Sau khi đến được ngôi nhà, cô cùng trẻ đếm số chìa khóa xem có đủ số lượng 3 để giải cứu bạn Dê con không. Nếu không đủ thì trò chơi sẽ được chơi lại lần nữa.

3.3.6. Trò chơi: Gọi là gì nhỉ?

Mục đích

Phát triển vốn từ mang tính khái quát: gia súc, gia cầm, rau quả, gia đình...

Phát triển khả năng quan sát của trẻ.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nhìn hình và nói đúng từ khái quát.

Tiến hành

Cô giới thiệu trò chơi với trẻ: “Cô có một trò chơi mới cho các bạn chơi, trong trò chơi đó có rất nhiều hình ảnh, nhưng cô không biết chúng được gọi là gì, các bạn sẽ xem và gọi tên giúp cô nhé!”

Cô cho trẻ quan sát các hình ảnh trên powerpoint, cho từng trẻ nói lên các đặc điểm có trong hình, gợi ý trẻ nói lên cái quan trọng nhất là đặc điểm chung của các hình để trẻ có thể nói lên được từ khái quát (Ví dụ: Các hình ảnh này đều là con vật có 2 chân, như vậy chúng được gọi chung là gia cầm). Khi trẻ đã nói được từ khái quát, cô tiếp tục cho trẻ kể tên các con vật hay đồ vật thuộc nhóm này mà cô chưa nhắc đến.

3.3.7. Trò chơi: Nào ta cùng chơi

Mục đích

Phát triển vốn từ thông qua tên, cách chơi và bài đồng dao có trong các trò chơi dân gian: Kéo cưa lừa xẻ, Mèo đuổi chuột, Nu na nu nống, Dung dăng dung dẻ, Rồng rắn lên mây.

Phát triển khả năng quan sát, rèn luyện trí nhớ có chủ định của trẻ.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ lật các ô số, xem hình ảnh và nói đúng tên trò chơi.

Trẻ trả lời các câu hỏi có liên qua đến trò chơi. Trả lời đúng hết sẽ có thưởng, sai sẽ mất lượt trả lời cho câu hỏi tiếp theo.

Tiến hành

Cô trò chuyện với trẻ về các trò chơi dân gian mà cô đã từng dạy trẻ, sau đó cô sẽ giới thiệu về trò chơi mới: “Cô có trò chơi mới mang tên “Nào ta cùng chơi”, để chơi trò này các bạn phải nhớ thật rõ tên và cách chơi của các trò chơi dân gian mà cô đã dạy bạn. Bây giờ chúng ta bắt đầu nhé”.

Đầu tiên, cô cho trẻ xem các ô số bí ẩn từ 1 – 5, cô cho trẻ chọn ô số mình thích, nếu có quá nhiều lựa chọn cô sẽ mở ô số 1. Trẻ sẽ xem hình và cho trẻ xung phong nói tên của trò chơi. Nếu đúng, cô sẽ cho trẻ xem tiếp video về bài đồng dao có trong trò chơi, cho cả lớp đọc lại bài đồng dao đó. Sau đó, sẽ có 2 câu hỏi liên quan đến trò chơi, cô mời một trẻ xung phong trả lời, trả lời đúng hết 2 câu sẽ có phần thưởng, nếu sai sẽ mất lượt trả lời cho câu hỏi tiếp theo, và cô sẽ mời một trẻ khác trả lời.

Cô tiếp tục mở các ô số còn lại cho trẻ đoán tên và trả lời câu hỏi.

Sau khi đã mở hết các ô số, cô cho trẻ nhắc lại tên của 5 trò chơi dân gian vừa rồi và cho trẻ chọn một trò chơi mình thích và tiến hành chơi. Cô sẽ quan sát và sửa sai trong quá trình chơi của trẻ.

3.3.8. Trò chơi: Nhà khoa học nhí

Mục đích

Phát triển tai nghe của trẻ.

Phát triển vốn từ về tên của các loài động vật thông qua tiếng kêu của chúng: hổ, sư tử, chim, gà, mèo, heo...

Chuẩn bị

Power point về trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nghe tiếng kêu và chọn đúng con vật phát ra tiếng kêu đó. Nếu đúng có thưởng, sai sẽ mất lượt chơi.

Tiến hành

Cô ổn định và giới thiệu trò chơi với trẻ: “Các bạn ơi, các bạn có thích trở thành nhà khoa học không? Là nhà khoa học chúng ta khám phá được rất nhiều điều, khám phá về các con vật, về tiếng kêu của con vật đó. Bây giờ chúng ta tham gia vào trò chơi mới nha, trò chơi có tên là “Nhà khoa học nhí”.”

Cô mời một trẻ xung phong lên chơi. Trẻ đó sẽ nghe tiếng kêu và chọn con vật tương ứng, trẻ sẽ tự tay chọn, nếu chọn đúng trẻ sẽ nghe tiếng vỗ tay và được cô thưởng bằng một phần quà, nếu sai trẻ đó sẽ mất lượt chơi tiếp và mời trẻ khác lên chọn. Trò chơi cứ thế tiếp tục.

Sau khi chơi xong, cô chia trẻ thành nhiều nhóm, và mỗi nhóm sẽ tự chọn một con vật mình thích. Tiếp đến, cô sẽ gọi tên con vật, nhóm nào chọn con vật giống như cô gọi sẽ phát ra tiếng kêu thật to.

3.3.9. Trò chơi: Rung chuông là... có kẹo

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên và đặc điểm, chức năng của các đồ dùng có trong nhà: tủ lạnh, dàn âm thanh, kem đánh răng, máy hút bụi...

Rèn luyện khả năng phân tích của trẻ.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Chuông.

Luật chơi

Trẻ nghe câu hỏi và trả lời. Nếu đúng cô thưởng kẹo, nếu sai sẽ mất lượt chơi để trả lời câu hỏi tiếp theo.

Tiến hành

Cô giới thiệu trò chơi với trẻ: “Các bạn có thích ăn kẹo không? Nếu thích chúng ta sẽ tham gia một trò chơi nhé, trò chơi có tên là Rung chuông là có kẹo”

Cô đặt chuông ở giữa lớp và cho trẻ ngồi thành hình chữ U. Cô giới thiệu trò chơi với trẻ: “Các bạn sẽ được nghe các câu hỏi, dựa vào nội dung câu hỏi để đoán tên đồ dùng có trong nhà của mình, ai có câu trả lời sẽ chạy lên và rung chuông. Sau khi rung chuông, bạn sẽ nói lên tên đồ dùng và về chỗ ngồi đợi đáp án của cô”. Tiếp theo, cô sẽ là người cho trẻ xem đáp án, nếu đúng trẻ đó sẽ được thưởng kẹo, nếu sai sẽ mất lượt chơi ở câu hỏi tiếp theo.

Cứ thế trò chơi tiếp tục ở các câu hỏi còn lại.

3.3.10. Trò chơi: Thử tài đầu bếp nhí

Mục đích

Phát triển vốn từ về các loại gia vị và thực phẩm có trong nhà bếp và nguồn gốc của các loại đó: Gạo có từ hạt lúa, nước mắm làm từ cá biển, đường làm từ mía...

Phát triển khả năng quan sát và rèn luyện trí nhớ có chủ định.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nói đúng tên thực phẩm và chọn đúng nguồn gốc để làm ra thực phẩm đó.

Tiến hành

Cô giới thiệu trò chơi và cách chơi với trẻ.

Đầu tiên, cô cho trẻ quan sát các hình ảnh và nói lên tên của hình ảnh đó. Tiếp đến, cô sẽ hỏi trẻ nguồn gốc của các loại thực phẩm được làm từ đâu. Nếu trẻ không biết, cô và trẻ sẽ cùng nhau tham gia vào trò chơi. Cô cho trẻ xem hình và yêu cầu trẻ chọn một hình ảnh tương ứng với nguồn gốc để có thực phẩm mà trẻ vừa được xem. Mỗi trẻ chỉ được quyền chọn đáp án một lần, trẻ nào chọn đúng sẽ có thưởng.

Sau khi chơi xong các trò chơi, cô sẽ củng cố lại một lần nữa bằng cách cô đọc tên gia vị hoặc thực phẩm nào đó, trẻ sẽ nói tên nguồn gốc đã làm ra thực phẩm đó.

3.3.11. Trò chơi: Vì sao bạn biết?

Mục đích

Phát triển vốn từ của trẻ về các vật dụng và thực phẩm: cây lược, cây chổi, dưa hấu, kẹo...

Phát triển khả năng quan sát và phân tích của trẻ.

Phát triển tư duy logic của trẻ thông qua việc trẻ tự suy luận để nói lên lý do vì sao trẻ chọn hình ảnh đó.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nhìn vào dãy hình và chọn một hình không thuộc nhóm các hình còn lại, sau đó sẽ trả lời lý do vì sao trẻ chọn. Nếu chọn và trả lời đúng sẽ có thưởng, còn chọn đúng mà không trả lời được thì không có thưởng.

Tiến hành

Cô cho trẻ ngồi thành vòng tròn và giới thiệu trò chơi với trẻ.

Cô giới thiệu cách chơi với trẻ. Đầu tiên, trẻ sẽ nhìn vào dãy hình và đọc tên các hình ảnh có trong dãy. Sau đó, trẻ sẽ tìm một hình không thuộc nhóm với các hình còn lại và nói lý do vì sao trẻ chọn. Trẻ sẽ tự tay nhấn vào hình chọn, nếu đúng hình ảnh sẽ được khoanh tròn màu đỏ kèm theo tiếng vỗ tay, nếu sai thì hình ảnh không thay đổi. Để xem tiếp câu trả lời vì sao, cô giúp trẻ bằng cách nhấn vào hình ảnh đúng.

Với đáp án đúng về chọn hình ảnh và giải thích vì sao, trẻ sẽ được cô thưởng quà.

3.3.12. Trò chơi: Tôi là ai?

Mục đích

Phát triển vốn từ về tên nghề nghiệp và các vật dụng có liên quan đến nghề: công an, bác sĩ, giáo viên, thợ xây dựng, nông dân...

Phát triển khả năng quan sát và trí nhớ có chủ định của trẻ.

Phát triển khả năng phân tích để tìm ra câu trả lời đúng.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nhìn các hình ảnh và nói tên nghề nghiệp. Nếu đúng có thưởng, nếu sai sẽ mất lượt cho lần chơi kế tiếp.

Tiến hành

Cô cho trẻ xem các hình ảnh và kèm theo lời gợi ý của trò chơi, từng hình ảnh xuất hiện sẽ nói lên nghề nghiệp muốn nói đến là nghề gì. Trẻ nào biết sẽ giơ tay trả lời, khi trả lời xong tên nghề, trẻ sẽ đọc tên các hình ảnh có liên quan và nói lên công dụng của hình ảnh hoặc lý do vì sao hình ảnh đó có liên quan đến nghề trẻ vừa nhắc đến.

3.3.13. Trò chơi: Điền vào chỗ trống

Mục đích

Phát triển vốn từ của trẻ thông qua nội dung bài thơ.

Phát triển khả năng quan sát và tư duy của trẻ thông qua việc trẻ nhìn hình và đoán từ.

Chuẩn bị

Power point trò chơi.

Luật chơi

Trẻ nhìn hình và đoán từ để điền vào chỗ trống cho thích hợp.

Tiến hành

Cô mở các bài thơ, đồng dao cho trẻ xem. Tiếp đến, cô đọc cho trẻ nghe, cô trò chuyện với trẻ: “Bài thơ vừa rồi còn nhiều chỗ trống, những chỗ trống đó sẽ làm cho bài thơ trở nên khó hiểu và không hay”. Vì thế trẻ sẽ là người giúp cô điền vào các từ đó.

Trẻ sẽ điền từ bằng cách nhìn hình và đoán các từ còn thiếu. Cô sẽ là người kiểm tra kết quả của trẻ.

3.4. Thử nghiệm và phân tích kết quả thử nghiệm

3.4.1. Mục đích thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành thử nghiệm nhằm đánh giá tính khả thi của một số trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi mà đề tài đã thiết kế.

3.4.2. Địa điểm thử nghiệm

Do thời gian có hạn nên chúng tôi chỉ tiến hành thử nghiệm ở 2 trường:

- Trường mầm non Quận – Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh với 2 lớp Chồi.
- Trường mầm non tư thục Hươu Cao Cổ - Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh với 2 lớp Chồi.

3.4.3. Nội dung và phương pháp thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành tổ chức cho trẻ chơi một số trò chơi học tập mà đề tài đã thiết kế. Qua đó, chúng tôi dùng phương pháp quan sát để quan sát hứng thú của trẻ khi chơi và ghi nhận một số kết quả của việc phát triển vốn từ mà trẻ đạt được khi chơi trò chơi học tập mà chúng tôi thiết kế.

3.4.4. Tiêu chí và cách đánh giá thử nghiệm

Trong quá trình tiến hành thử nghiệm, chúng tôi đều sử dụng các tiêu chí đánh giá và cách đánh giá mức độ phát triển vốn từ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi đã được trình bày rõ ở chương II, tiểu mục 2.2.1.

3.4.5. Kết quả thử nghiệm

Vì thời gian có hạn nên chúng tôi chỉ chọn một số trò chơi học tập để tổ chức cho trẻ lớp Chồi tại trường mầm non Quận – quận Tân Bình và trường mầm non Hươu Cao Cổ - quận 6 để chơi thử:

Trò chơi học tập bằng lời

1. Bé thích màu quả nào?
2. Em tập lái ô tô
3. Người bí ẩn

Trò chơi học tập kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin

1. Điền vào chỗ trống
2. Đâu là đúng, đâu là sai?
3. Rung chuông là có kẹo

4. Tôi là ai?
5. Bé tập trang trí nhà
6. Nhà khoa học nhí
7. Vì sao bạn biết?

3.4.5.1. Kết quả thử nghiệm ở trẻ

Sau khi thử nghiệm kết thúc, chúng tôi thấy kết quả phát triển vốn từ của trẻ tốt hơn và mức độ trẻ hứng thú với các trò chơi khá cao, nhất là các trò chơi học tập kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin.

🚦 Kết quả thử nghiệm khi trẻ tham gia trò chơi học tập bằng lời

Với các trò chơi học tập bằng lời, trẻ hứng thú tham gia cùng bạn và trẻ luôn tuân thủ theo luật chơi. Khi chơi trò chơi “Bé thích màu quả nào?” trẻ chơi rất vui, bởi vì trẻ được tìm các bạn cùng có màu quả giống với màu quả của mình và tạo thành một nhóm của riêng mình. Nếu trò chơi này chỉ dừng lại ở việc trẻ gơ quả có màu theo yêu cầu của cô thì trẻ chỉ biết được tên và màu quả mà trẻ thích, còn ở đây trẻ được tìm nhóm, và từng thành viên trong nhóm sẽ nói tên quả của mình, chính vì vậy việc phát triển vốn từ cho trẻ về tên của các loại quả được mở rộng nhiều hơn.

Ở trò chơi “Em tập lái ô tô” trẻ phản ứng khá nhanh nhạy và đạt được mục đích của trò chơi đã đề ra, trẻ dùng tay để diễn tả lại các động tác và nói đúng tên của động tác đó. Ngoài ra, trẻ còn phát hiện lỗi sai của bạn bè trong khi chơi và đã giúp bạn sửa sai rất tốt.

Với trò chơi “Người bí ẩn” trẻ rất có hứng thú, trẻ muốn tìm ra người mà các bạn muốn nhắc đến thông qua việc miêu tả cách ăn mặc hoặc tóc hay cử chỉ quen thuộc của người đó. Chính những lời miêu tả ấy đã giúp phát triển vốn từ cho trẻ, không chỉ ở những trẻ nói mà còn ở những trẻ nghe và tham gia trò chơi.

🚦 Kết quả thử nghiệm khi trẻ tham gia trò chơi học tập kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin

Do nhu cầu hiện đại hóa – công nghệ hóa hiện nay, có lẽ trẻ được tiếp xúc với công nghệ thông tin từ khá sớm khi trẻ ở nhà, vì thế các trò chơi được làm dưới dạng power point trẻ rất thích và hứng thú tham gia cùng cô và các bạn.

Với trò chơi “Đâu là đúng, đâu là sai?” trẻ được nhìn các hình ảnh động phương tiện giao thông, trẻ rất thích thú, trẻ hào hứng giơ tay phát biểu ý kiến và trả lời câu hỏi của cô một cách chính xác. Trẻ biết nhận ra điểm sai và điểm đúng của hình. Trẻ diễn đạt lại ý kiến của mình cũng rất tốt.

Khi chơi trò chơi “Tôi là ai?” trẻ biết và nói được các hình ảnh có liên quan đến các ngành nghề của xã hội, chẳng hạn như khi trẻ nhìn hình ảnh viên thuốc, tai nghe, nón trắng có hình chữ thập là trẻ đã liên tưởng đến ngành nghề bác sĩ. Quan trọng là trẻ phải nói được tên của những hình ảnh có liên quan đến ngành nghề mà cô cho trẻ xem, từ đó sẽ có một câu trả lời chính xác là ngành nghề nào.

Còn với trò chơi “Rung chuông là có kẹo” trẻ hào hứng hơn cả, vì trẻ vừa được chạy lên rung chuông để trả lời câu hỏi và vừa được cô thưởng kẹo. Khi nghe cô đọc câu hỏi, một trẻ đã liền hô lên: “Câu hỏi nghe ngộ quá cô ơi” và trẻ cười tít mắt. Chính những điều lạ và ngộ trong câu hỏi đã giúp trẻ có đáp án chính xác và được nhận kẹo. Trẻ biết dựa vào các đặc điểm của đồ vật có trong câu hỏi để suy luận ra đáp án, khi cô hỏi vì sao trẻ biết thì trẻ đã nêu ra được các điểm nhấn quan trọng đó. Và khi chơi xong trò chơi, trẻ đã bắt chước cô đặt câu hỏi để hỏi lại bạn của mình, trẻ nhắc lại vài câu hỏi ngắn và tương đối dễ nhớ trong trò chơi vừa rồi để hỏi bạn, và chúng tôi nhận ra được sự thích thú của trẻ khi chơi trò chơi.

Trò chơi “Vì sao trẻ biết?”, đã giúp trẻ phát triển được các vốn từ cần thiết về các vật dụng có trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, không chỉ vậy trẻ còn phát triển được tư duy logic bằng cách suy luận các hình ảnh để tìm ra hình ảnh nào không cùng nhóm. Khi chơi xong trò chơi, cô đã dùng các hình ảnh hoặc chỉ các đồ dùng để hỏi lại trẻ tên cũng như công dụng của chúng, trẻ đã trả lời đúng và phản xạ rất nhanh nhạy.

Với hai trò chơi “Bé tập trang trí nhà” và “Nhà khoa học nhí”, trẻ được tự tay cầm chuột vi tính và chọn các vật dụng hoặc các con vật phù hợp với yêu cầu của trò chơi. Chính vì điều này đã khơi gợi sự hứng thú ở trẻ, vì tâm lý của trẻ nhỏ là muốn tự tay mình làm, tự mình thể hiện trong khi chơi, khi cho trẻ chọn, trẻ đã không ngừng giơ tay xung phong để giành quyền được chọn với các bạn khác. Nhưng trẻ vẫn không quên nhiệm vụ là nói được tên các công dụng hoặc con vật mà trẻ chọn, với những vật

dụng trẻ không chọn, trẻ cũng đã nói được lý do vì sao. Từ đó, ta thấy được vốn từ của trẻ phát triển rất tốt và phong phú.

Đối với trò chơi “Điền vào chỗ trống” trẻ đã đạt được mục đích của trò chơi, trẻ nhìn hình và đoán tên hình ảnh để điền vào các chỗ trống thích hợp, khi điền xong trẻ sẽ đọc lại các câu thơ cùng cô. Do đó, vốn từ của trẻ cũng sẽ được phát triển thông qua nội dung của các bài thơ có trong trò chơi.

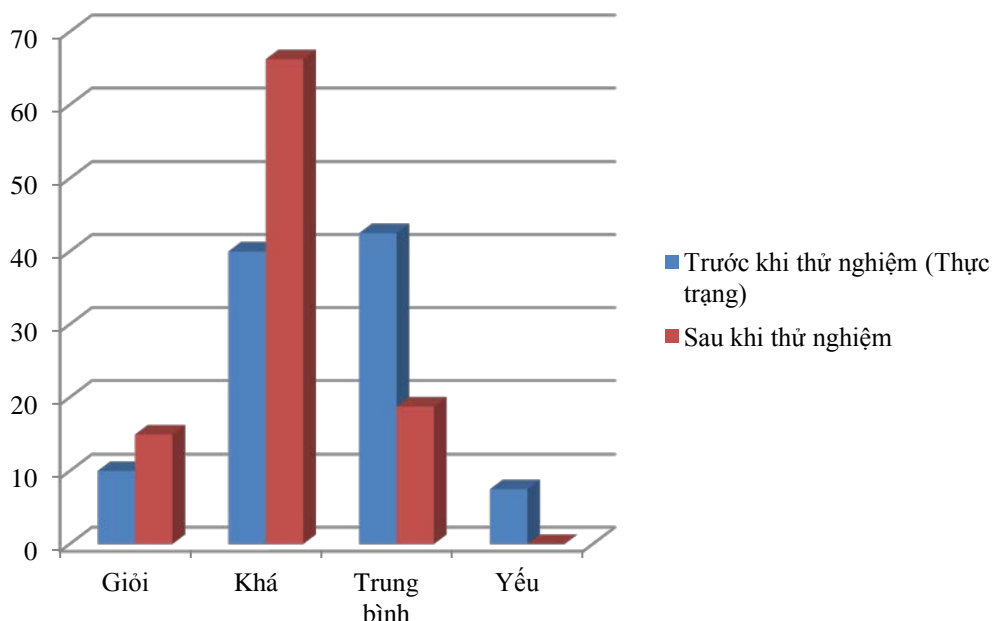
Và sau đây là bảng kết quả đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ sau khi thử nghiệm ở các trò chơi mà chúng tôi đề ra:

Bảng 3.1. Kết quả đánh giá chung về mức độ phát triển vốn từ của trẻ sau khi thử nghiệm trò chơi.

STT	Loại	Số lượng trẻ	Tỉ lệ %
1	Giỏi	16	15 %
2	Khá	51	66.25 %
3	Trung bình	13	18.75 %
4	Yếu	0	0 %
Tổng số		80	100 %

Từ hai bảng trên, ta có biểu đồ thể hiện tỉ lệ phần trăm các mức độ phát triển vốn từ giữa hai kết quả trước và sau khi thử nghiệm trò chơi:

Biểu đồ 3. Thể hiện mức độ phát triển vốn từ của trẻ khi thử nghiệm trò chơi.



Từ biểu đồ trên có thể thấy rằng, kết quả trước và sau khi tiến hành thử nghiệm một số trò chơi học tập mà chúng tôi thiết kế có sự chênh lệch nhau rất rõ.

Trẻ loại giỏi tăng 3 trẻ (tăng 5%) so với tỉ lệ trước khi thử nghiệm.

Trẻ loại khá tăng 19 trẻ tương đương tỉ lệ tăng 22.25%.

Trẻ loại trung bình giảm 21 trẻ, tương đương tỉ lệ giảm 23.75%.

Trẻ loại yếu giảm xuống không còn trẻ nào.

Sau khi thử nghiệm kết thúc, chúng tôi thấy kết quả phát triển vốn từ của trẻ tốt hơn và mức độ trẻ hứng thú với các trò chơi cũng khá cao, nhất là các trò chơi học tập bằng lời kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin. Do nhu cầu hiện đại hóa – công nghệ hóa hiện nay, vì thế các trò chơi được làm dưới dạng power point trẻ rất thích và hứng thú tham gia cùng cô và các bạn. Sau khi chơi xong, trẻ còn muốn cô tổ chức chơi thêm một lần nữa.

3.4.5.2. Ý kiến đóng góp của giáo viên đứng lớp

Về phía giáo viên đứng lớp, chúng tôi nhận được các ý kiến phản hồi khá tốt. Các cô đều khẳng định trò chơi học tập do chúng tôi thiết kế khá là hấp dẫn và phù hợp với mục đích phát triển vốn từ của trẻ, được biết vì từ trước đến giờ khi trẻ tham

gia vào trò chơi học tập, trẻ chỉ được chơi với dạng đồ chơi học tập là các dạng lô tô, thẻ hình... Chính vì thế, với trò chơi học tập ứng dụng công nghệ thông tin là một hình thức mới, giúp cho trẻ không bị nhàm chán và trẻ tiếp thu nhanh hơn thông qua các hình ảnh sống động trong trò chơi. Bên cạnh đó, với các trò chơi học tập bằng lời, các cô cũng đã gợi ý chúng tôi nên mở rộng hướng trò chơi phát triển ở nhiều chủ đề hơn nữa. Chúng tôi đã ghi nhận ý kiến này và sẽ sửa khi thiết kế các trò chơi mới.

Tóm lại, kết quả trên đã khẳng định việc sử dụng các trò chơi học tập bằng lời và kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin là phù hợp với mục đích giáo dục và tâm sinh lý của trẻ, từ đó đem lại những hiệu quả cao trong công tác phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ SỰ PHẠM

1. Kết luận

Việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ có vai trò rất quan trọng trong công tác chăm sóc và giáo dục nhằm mục đích phát triển toàn diện cho trẻ, nó còn là cơ sở giao tiếp và lĩnh hội tri thức của trẻ trong các hoạt động ở trường mầm non cũng như các cấp học sau này. Vốn từ là nền móng để phát triển ngôn ngữ. Để trẻ có thể hòa nhập với mọi người xung quanh thì cần phải có vốn từ phong phú, vì nhờ có vốn từ mà ngôn ngữ mạch lạc của trẻ cũng sẽ được phát triển. Vì vậy, việc phát triển vốn từ cho trẻ rất quan trọng và cần được quan tâm nhiều hơn nữa.

Trò chơi học tập là một dạng trò chơi có luật, giúp tăng hứng thú cho trẻ khi chơi. Và trò chơi học tập đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nhận thức của trẻ. Và dạng trò chơi học tập bằng lời cũng giúp cho vốn từ của trẻ phát triển rất tốt. Do đó, việc thiết kế các trò chơi học tập giúp trẻ phát triển vốn từ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện, khả năng nói và hiểu từ của trẻ sẽ tăng cao và hiệu quả hơn.

Kết quả khảo sát thực trạng ở chương 2 cho thấy các giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển vốn từ cho trẻ. Tuy nhiên, việc tổ chức trò chơi phát triển vốn từ chưa được chú trọng thành một hoạt động cụ thể. Phát triển vốn từ cho trẻ diễn ra ngẫu nhiên trong quá trình tiếp xúc giữa cô và trẻ trong sinh hoạt hằng ngày, nếu trẻ dùng không đúng từ cô có thể sẽ không biết và không được sửa lại chính xác, hoặc khi tổ chức trò chơi phát triển vốn từ cũng chỉ là một hoạt động nhỏ, một hoạt động để mở đầu cho giờ học có chủ đích của trẻ.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận ở chương 1 và khảo sát thực trạng ở chương 2, chúng tôi tiến hành thiết kế một số trò chơi học tập bằng lời và kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Trong mỗi trò chơi học tập bao gồm các phần:

- Mục đích
- Chuẩn bị
- Luật chơi

- Cách tiến hành

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiến hành thử nghiệm một số trò chơi mà chúng tôi đã thiết kế để biết được tính khả thi và kết quả trẻ sẽ đạt được gì thông qua trò chơi đó. Kết quả thử nghiệm cho thấy, tất cả trẻ đều hứng thú với trò chơi học tập bằng lời và kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin, vốn từ của trẻ tăng cao, ngoài các vốn từ mà chúng tôi đề ra trong mục đích trò chơi, trẻ còn phát triển được các vốn từ khác rất là phong phú. Mặt khác, nhờ trò chơi đi kèm với hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin nên làm cho trẻ rất hứng thú và tích cực tham gia cùng cô và bạn. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận được sự đánh giá cao của giáo viên khi xem trò chơi học tập bằng lời và kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin. Điều đó chứng tỏ tính khả thi của các trò chơi khá tốt.

Thông qua khóa luận này, chúng tôi hi vọng những trò chơi học tập do chúng tôi thiết kế cũng một phần nào đó có thể giúp giáo viên phát triển vốn từ cho trẻ, và các trò chơi học tập kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp các giáo viên có thêm ý tưởng mới để làm ra được nhiều trò chơi hơn nữa, một phần đáp ứng yêu cầu xã hội hóa hiện nay, một phần giúp tăng hứng thú của trẻ. Nhờ đó, vốn từ của trẻ nói riêng và ngôn ngữ của trẻ nói chung sẽ được phát triển tốt hơn trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

2. Kiến nghị

Trong quá trình thực hiện đề tài này, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

Ở các lớp nên tổ chức nhiều hoạt động tích hợp hay trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ nhiều hơn nữa để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ một cách tốt nhất. Vì thời gian diễn ra hoạt động giúp trẻ phát triển vốn từ còn khá hạn chế và mục đích phát triển cũng chưa nêu một cách rõ ràng. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ có thể do giáo viên hướng dẫn thông qua các trò chơi học tập phát triển vốn từ, hoặc được tích hợp trong các hoạt động học của các môn học khác, hoặc thông qua các cốt truyện, phim ngắn để có thể giúp trẻ phát triển vốn từ cũng như ngôn ngữ mạch lạc...

Nhà trường có thể tổ chức các cuộc thi thiết kế trò chơi học tập kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để các giáo viên có thể trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ với

nhau, làm phong phú thêm kho trò chơi học tập nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường.

Bên cạnh đó, nhà trường nên tổ chức các chuyên đề giúp giáo viên tìm hiểu về các ứng dụng công nghệ thông tin, để giáo viên có thể nắm được các kỹ năng thao tác như: cắt/ ghép phim, chỉnh sửa hình ảnh, tạo ảnh động, làm phim ngắn... để có thể làm phong phú hơn khi thiết kế một trò chơi, từ đó sẽ phát huy được tính sáng tạo của giáo viên trong công tác giảng dạy.

Nhà trường kết hợp với phụ huynh để hỗ trợ cho công tác phát triển vốn từ của trẻ, bằng cách: giáo viên có thể dán thông báo về nội dung phát triển vốn từ trong một chủ đề cụ thể ở bảng thông tin, để phụ huynh có thể theo dõi và bám sát hơn về vốn từ mà giáo viên muốn phát triển cho trẻ. Khuyến khích phụ huynh trò chuyện nhiều hơn với trẻ về các từ có trong nội dung của bảng thông tin khi trẻ ở nhà.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU PHÒNG VẤN GIÁO VIÊN

Kính chào cô!

Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu về các trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ từ 4 – 5 tuổi, được biết cô đã có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng trò chơi giúp trẻ phát triển vốn từ. Vì vậy, chúng tôi kính gửi đến cô phiếu phỏng vấn này nhằm thu hồi ý kiến về việc xây dựng và tổ chức trò chơi học tập nhằm phát triển vốn từ cho trẻ 4 – 5 tuổi hiện nay. Chúng tôi hi vọng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp đầy quý báu của cô về vấn đề này.

Xin chân thành cảm ơn!



Họ và tên: Tuổi

Lớp: Trường: Quận:

Thành phố:



Cô hãy đánh dấu (X) vào lựa chọn thích hợp

Câu 1: Chương trình giáo dục mà trường cô đang thực hiện là chương trình:

Cải cách

Đổi mới

Mới

Câu 2: Theo cô, việc thiết kế trò chơi giúp trẻ phát triển vốn từ là cần thiết?

Có

Không

Câu 3: Cô thường tổ chức trò chơi phát triển vốn từ trong giờ hoạt động:

Làm quen môi trường xung quanh

Toán

Tạo hình

Thể chất

Làm quen tác phẩm văn học

Âm nhạc

Câu 4: Thái độ của trẻ khi tham gia trò chơi phát triển vốn từ:

Hứng thú

Bình thường

Không hứng thú

Câu 5: Cô có hay thay đổi các trò chơi cho trẻ:

Thường xuyên

Thỉnh thoảng

Ít khi

Không bao giờ

Câu 6: Khi thiết kế một trò chơi mới, cô thường gặp khó khăn về:

Thời gian

Kinh phí

Kinh nghiệm

Câu 7: Các loại trò chơi phát triển vốn từ mà cô đã từng sử dụng:

Trò chơi học tập với đồ vật, đồ chơi, tranh ảnh...

Trò chơi học tập bằng lời

Trò chơi học tập ứng dụng công nghệ thông tin

Trò chơi dân gian

Câu 8: Cô có thể kể tên một vài trò chơi mà cô thường dùng để phát triển vốn từ cho trẻ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2

HÌNH ẢNH KHI THỬ NGHIỆM TRÒ CHƠI



Trẻ cùng cô tham gia trò chơi
“Em tập lái ô tô”.



Trẻ tham gia trả lời câu hỏi ở trò
chơi “Tôi là ai?”.



Trẻ đang gợi ý cho bạn trong trò
chơi “Người bí ẩn”.



Trẻ được tự mình chọn vật dụng
trong trò chơi “Bé tập trang trí nhà”.



Trẻ chỉ và nói điểm đúng, sai trong trò chơi “Đâu là đúng, đâu là sai?”.



Trẻ thích thú tham gia trò chơi “Bé thích màu quả nào?”.



Trẻ được tự tay chơi trò chơi “Nhà khoa học nhí”.



Trẻ tham gia trò chơi “Điền vào chỗ trống”.

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA TRÒ CHƠI HỌC TẬP KẾT HỢP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trò chơi: Bé làm việc tốt



Trò chơi: Bé làm việc tốt.



Trẻ quan sát các hình ảnh và nói tên các con vật.



Trẻ chọn các hình ảnh và ghép vào sao cho thành con vật hoàn chỉnh.



Trẻ chọn môi trường sống tương ứng với từng con vật.

Trò chơi: Bé tập trang trí nhà



Trò chơi: Bé tập trang trí nhà.



Trẻ lật các ô số và nói tên các phòng có trong gia đình.

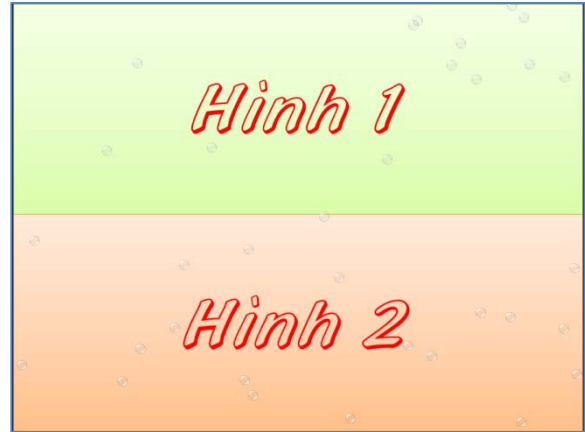


Hình các vật dụng chưa được chọn lọc.



Trẻ chọn các vật dụng có trong nhà bếp.

Trò chơi: Đâu là đúng, đâu là sai



Trò chơi: Đâu là đúng? Đâu là sai?
sai?

Trẻ chọn và lật các khung hình.



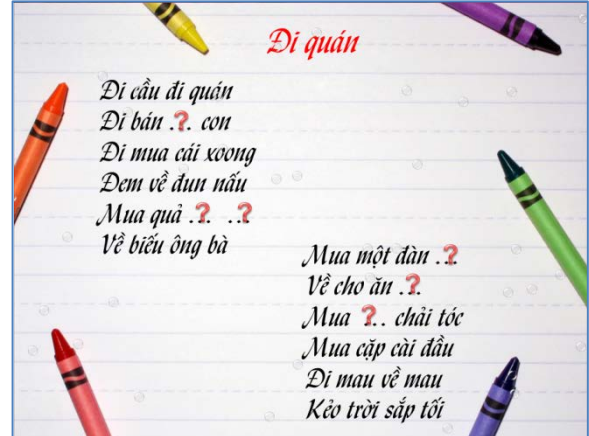
Trẻ sẽ nói đâu là hình đúng, đâu là hình sai. Nêu lý do.

Hình ảnh đúng để trẻ kiểm tra kết quả mình nói.

Trò chơi: Điền vào chỗ trống



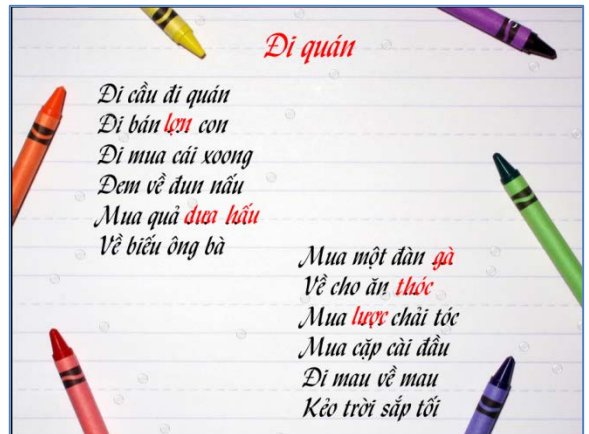
Trò chơi: Điền vào chỗ trống.



Bài thơ chưa được hoàn chỉnh.



Trẻ quan sát hình ảnh và nói tên hình ảnh để điền vào chỗ trống.

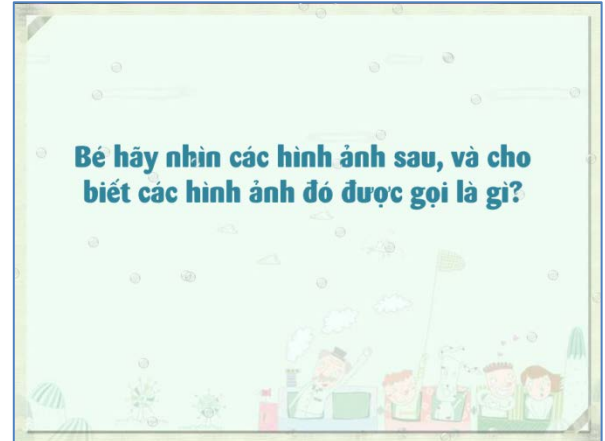


Bài thơ đã được hoàn chỉnh.

Trò chơi: Gọi là gì nhỉ



Trò chơi: Gọi là gì nhỉ?



Cô giới thiệu cách chơi với trẻ.



Trẻ quan sát các hình ảnh và đoán tên của hình.



Kiểm tra kết quả sau khi trẻ nói tên hình ảnh.

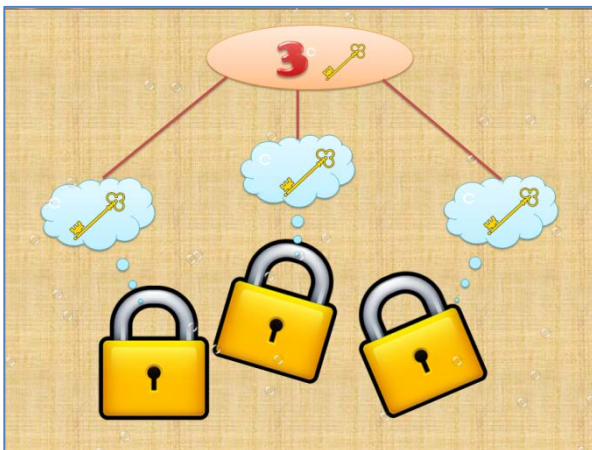
Trò chơi: Heo con dững cắm



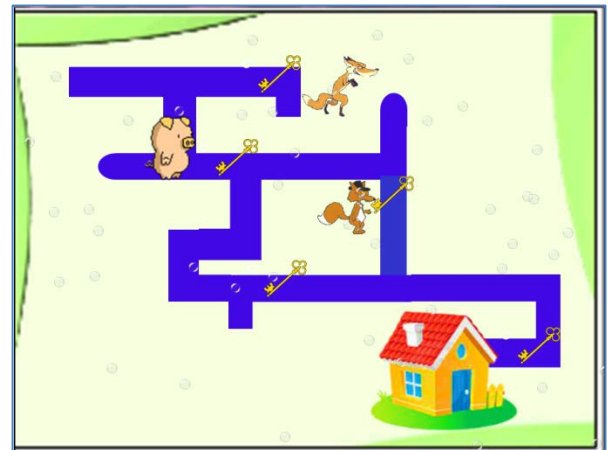
Trò chơi: Heo con dững cắm



Cô kể câu chuyện cho trẻ nghe vì sao dê con bị bắt.



Cô thỏa thuận với trẻ về luật chơi và cách chơi.

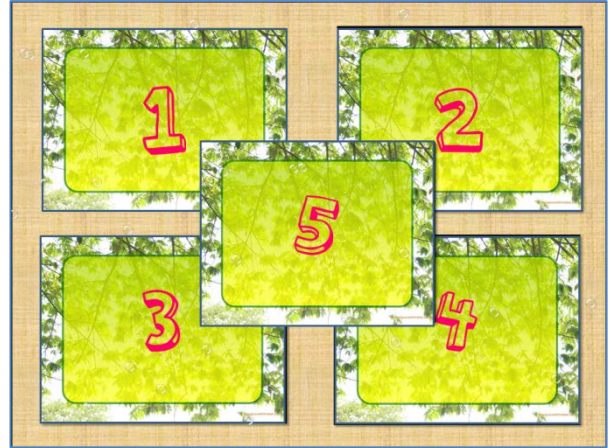


Trẻ sẽ chọn đường đi bằng cách giơ tay phát biểu.

Trò chơi: Nào ta cùng chơi



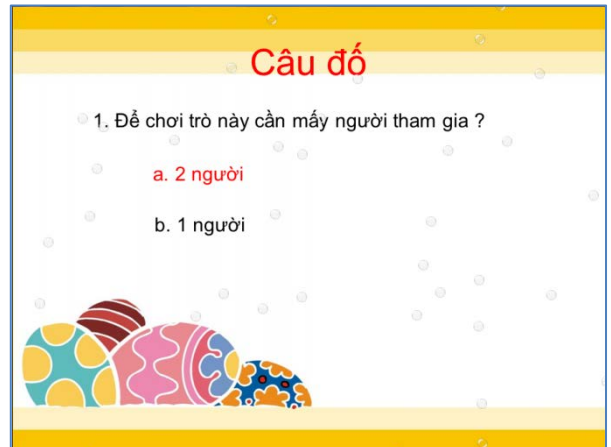
Trò chơi: Nào ta cùng chơi.



Trẻ chọn và lật từng ô số một để xem hình ảnh nói về trò chơi dân gian nào.



Trẻ xem một đoạn video đọc bài đồng dao có trong trò chơi.



Trẻ tham gia trả lời các câu đố nhỏ để nhận quà.

Trò chơi: Nhà khoa học nhí



Trò chơi: Nhà khoa học nhí.



Trẻ nghe âm thanh tiếng kêu của con vật.



Trẻ chọn hình con vật phát ra tiếng kêu (hình sai bị đánh dấu chéo).

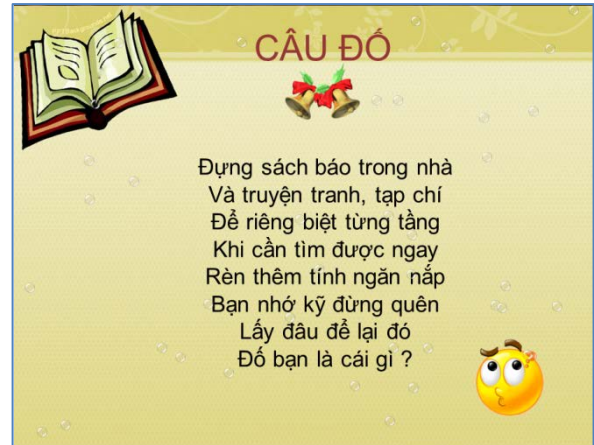


Kết quả trẻ chọn đúng con vật phát ra tiếng kêu.

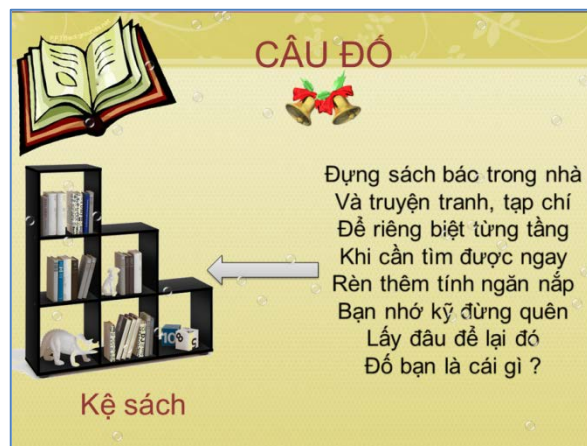
Trò chơi: Rung chuông là có kẹo



Trò chơi: Rung chuông là có kẹo.



Trẻ nghe câu đố và suy nghĩ câu trả lời.

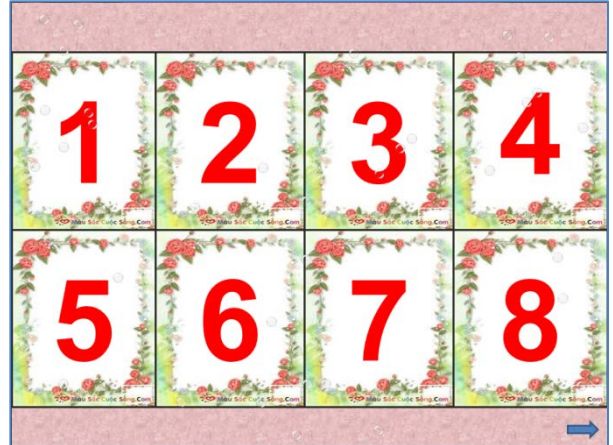


Trẻ xem đáp án của câu đố.

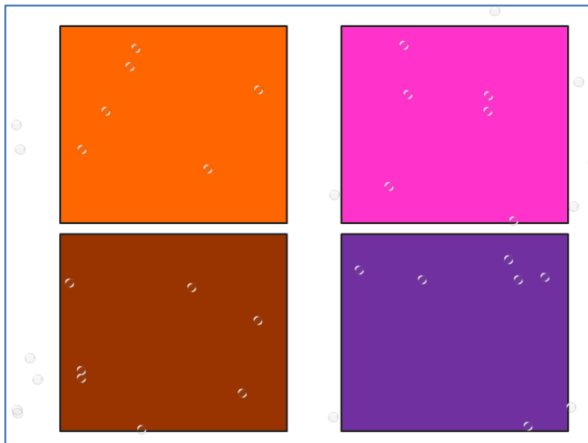
Trò chơi: Sắc màu lung linh



Trò chơi: Sắc màu lung linh.



Trẻ chọn và tìm các cặp màu giống nhau.



Trẻ nói tên các màu mà trẻ đã tìm được.



Trẻ chọn các hình ảnh có màu giống với yêu cầu của trò chơi.

Trò chơi: Thử tài đầu bếp nhí



Trò chơi: Thử tài đầu bếp nhí.



Trẻ xem và nói tên từng hình ảnh
xuất hiện trên màn hình.



Trẻ xem và chọn hình ảnh đúng với
yêu cầu của trò chơi.



Trẻ xem kết quả.

Trò chơi: Tôi là ai?



Trò chơi: Tôi là ai?



Trẻ xem lần lượt các hình ảnh có liên quan đến nghề nghiệp.

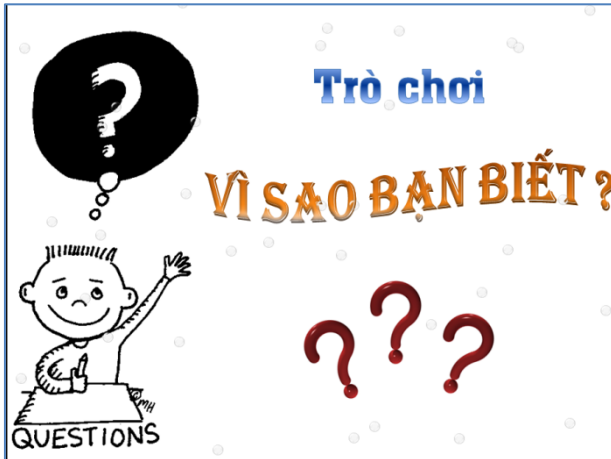


Trẻ đoán tên nghề nghiệp và xem kết quả.



Trẻ nói lại tên và công cụ có liên quan đến nghề nghiệp trẻ vừa đoán.

Trò chơi: Vì sao bạn biết?



Trò chơi: Vì sao bạn biết ?



Trẻ xem các hình ảnh.



Trẻ chọn một hình ảnh không cùng nhóm với các hình còn lại và nói lý do.



Trẻ kiểm tra kết quả của mình là đúng hay sai.

PHỤ LỤC 4
MỘT SỐ GIÁO ÁN TÍCH HỢP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ
MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON

GIÁO ÁN 1
CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT
ĐỀ TÀI: CHÚ BƯỚM XINH

I. Mục đích – yêu cầu

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Trẻ biết tìm từ giống nhau nói về con vật.
- Bé nhận biết và đọc được tên các bộ phận của con bướm.

II. Chuẩn bị

- Power.
- Nhạc.
- Khăn choàng.

III. Tiến hành

1. Hoạt động 1: Trò chơi “Đọc tên các bộ phận của con bướm”

- Cô cho trẻ đoán hình.
- Cô giới thiệu từng bộ phận của bướm (cho trẻ đọc).

2. Hoạt động 2: Bé làm bướm xinh

- Bé làm những chú sâu đang nằm ngủ. Khi nhạc cất lên, chú sâu động đậy, tới đoạn nhạc con sâu nở ra con bướm, bé sẽ tung cánh bay vừa bay vừa hát theo nhạc.

3. Hoạt động 3: Trò chơi “Sắp xếp quá trình sinh sản”

- Cô để những hình rời. Bé có nhiệm vụ sắp xếp lại đúng quá trình sinh sản của bướm. Nhóm bạn nào làm nhanh, đúng sẽ thắng.

GIÁO ÁN 2
CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT
ĐỀ TÀI: CÁC LOẠI BƯỚM

I. Mục đích – yêu cầu

- Phát triển nhận thức cho trẻ.
- Trẻ biết được đặc điểm của cánh bướm.
- Trẻ có kỹ năng làm album.
- Trẻ biết sưu tầm tranh ảnh.

II. Chuẩn bị

- Hình ảnh các loại bướm.
- Hình ảnh các cánh bướm.
- Giấy, rổ, hồ, kéo.
- Kính hiển vi.

III. Tiến hành

1. Hoạt động 1: Quan sát

- Cho trẻ quan sát con bướm (hình ảnh trẻ mang vào) bằng kính hiển vi.
- Trẻ sẽ nói lên những gì mình thấy qua kính.
- Cánh bướm như thế nào?
- Nó có đặc điểm gì nổi bật (các cánh nó màu sắc đối xứng với nhau).
- Liên hệ ra thực tế:

+ Vậy ở ngoài đời, có sự đối xứng?

+ Kể tên.

2. Hoạt động 2: Tạo hình

- Bé vẽ hoặc xếp giấy làm thành những con bướm nhiều màu sắc, nhiều kích cỡ, nhiều hình dạng khác nhau.

3. Hoạt động 3: Làm album

- Từ những sản phẩm bé làm, bé sẽ cùng cô làm album nói về các loài bướm.

GIÁO ÁN 3
CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT
ĐỀ TÀI: BÉ SÂU RÓM

I. Mục đích – yêu cầu

- Phát triển nhận thức cho trẻ thông qua câu chuyện.
- Phát triển tính thẩm mỹ cho trẻ thông qua việc tạo con sâu.
- Giáo dục tính ngăn nắp, gọn gàng cho trẻ.

II. Chuẩn bị

- Rối sâu róm, bướm, rết.
- Các NVL tạo hình.
- Tranh phong.
- Lá cây.
- Cành cây sâu ăn.

III. Tiến hành

1. Hoạt động 1: Kể chuyện

- Cô giới thiệu và đàm thoại với trẻ về chiếc lá bị sâu ăn.
 - + Con quan sát xem chiếc lá như thế nào?
 - + Ai đã ăn chiếc lá?
 - + Thế sâu còn ăn gì nữa?
 - + Có ai biết mẹ của sâu là ai không?
- Cô kể chuyện kết hợp sử dụng rối.
- Cô đàm thoại với trẻ về nội dung câu chuyện:
 - + Câu chuyện có nói mẹ của bạn sâu là ai không?
 - + Vậy mẹ của bạn sâu là ai?
 - + Rết mẹ và rết con có hình dáng giống nhau, nhưng hình dáng của sâu và mẹ sâu có giống nhau không?

+ Sâu và mẹ khác nhau ở những điểm nào?

+ Ai có ý kiến khác?

+ Sau khi lớn lên, bạn sâu ấy sẽ thay đổi như thế nào không?

2. *Hoạt động 2: Trò chơi vận động “Bé giả làm sâu”*

+ Con sâu bò như thế nào?

- Cô mở nhạc cho trẻ chơi giả làm con sâu. Con sâu sẽ cử động theo điệu nhạc.

3. *Hoạt động 3: Bé khéo tay*

- Cô chia lớp làm 3 nhóm. Mỗi nhóm sẽ về góc của mình thực hiện.

- Sau khi tạo thành sản phẩm xong, bé sẽ đặt con sâu của mình vào chiếc lá, sau đó đem tới đặt vô bức tranh phong.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục – Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, 2009.
2. Bộ Giáo dục – Đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin*, NXB Chính trị quốc gia, 2009.
3. Phạm Thị Châu – Nguyễn Thị Oanh – Trần Thị Sinh, *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
4. Hoàng Dũng – Bùi Mạnh Hùng, *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Đại học Sư Phạm, 2007.
5. Nguyễn Thị Thanh Hà, *Tổ chức cho trẻ vui chơi ở nhà trẻ - mẫu giáo*, NXB Giáo dục, 1996.
6. Nguyễn Thị Hòa, *Giáo trình giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, 2009.
7. Nguyễn Thị Hòa, *Giáo trình giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, 2010.
8. Nguyễn Xuân Khoa, *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, NXB Đại học Sư Phạm, 2004.
9. L.X.Vurgôtxki, *Tư duy và ngôn ngữ*, Tài liệu dịch, NXB Đại học Quốc gia, 1997.
10. Nguyễn Thị Phương Nga, *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, 2006.
11. Nguyễn Thị Phương Nga, *Tuyển tập bài tập trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, 2004.
12. Ngô Đình Qua, *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh, 2005.
13. Thúy Quỳnh – Phương Thảo (Tuyển chọn), *Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.
14. Đinh Hồng Thái, *Giáo trình phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, NXB Đại học Sư Phạm, 2009.
15. Bùi Kim Tuyền (Chủ biên), *Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.

16. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, 2008.
17. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tổ chức hướng dẫn trẻ mẫu giáo chơi*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996.
18. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Thế giới, 2007.
19. Đinh Văn Vang, *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.